

SỐ 108 – NGÀY 1-7-1961

BACH KHOA

trong số này

QUỐC DŨNG *giúp đỡ dân quê* • HOÀNG MINH
TUYNH *satyagraha trực tiếp hành-dộng* • NGUYỄN
HIỂN LÊ *việt-ngữ sẽ dùng làm chuyên ngữ ở Đại học*
từ niên khóa 1961 – 1962 • NGUYỄN HỮU PHIÊM
thi đậu thi rớt • MỘNG TRUNG *bệnh thời đại* •
ĐOÀN THỀM *thử tìm hiểu hội họa* • THU THỦY
thế hệ mới ở Pháp • MINH ĐỨC *lá thư maroc —*
bóng mẹ, quê người • PHAN VĂN TẠO *hết sợ* • VÕ
HỒNG *nghe ngào* • LÊ THANH THÁI *tiếng dân* • THU
THỦY *dừng đi sâu, dịch alberto moravia* • HUY LỰC
nặng • TUYẾT HƯƠNG *phấn đấu* • ĐOÀN THỀM *khúc*
phi hành • ĐÔNG XUYỀN — HOÀNG KHANH —
NGUYỄN VỸ *trả lời cuộc phỏng-vấn của bách-khoa* •

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 97 ĐẾN 108

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO** "DIE"

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lầu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quý vị thường thích dùng **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

135 - Pasteur - Saigon - ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- . ALCOOL RECTIFIÉ
- . ALCOOL DENATURÉ
- . RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tỉn"
- . DẦU ĂN HỎ HẠNG CHẾ BẰNG CAO 6°



BÁCH-KHOA

Số 108 — Ngày 1-7-1961

	Trang
QUỐC-DŨNG	<i>Giúp đỡ dân quê</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Satyagraha trực tiếp hành-động</i> 11
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Một tin mừng</i> 17
NGUYỄN-HỮU-PHIÊM	<i>Thi đậu thi rớt</i> 25
MỘNG-TRUNG	<i>Bệnh thời-dại</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Thử tìm hiểu hội họa</i> 35
THU-THỦY	<i>Thế-hệ mới ở Pháp :</i> 52
MINH-ĐỨC	<i>Bóng mẹ quê người</i> 56
— id —	<i>Lá thư Maroc</i> 57
LÊ-THANH-THÁI	<i>Tiếng đàn dây (thơ)</i> 62
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Hết sợ (truyện ngắn)</i> 63
VÕ-HỒNG	<i>Nghẹn ngào (thơ)</i> 69
THU-THỦY	<i>Đừng đi sâu, dịch Alberto Moravia.</i> 70
HUY LỰC	<i>Nắng (thơ)</i> 75
TUYẾT-HƯƠNG	<i>Phấn đấu (truyện dài)</i> 76
ĐOÀN-THÊM	<i>Khúc phi-hành (thơ)</i> 83

SINH - HOẠT

ĐÔNG-XUYỀN — HOÀNG-KHANH NGUYỄN-VỸ	<i>Trả lời cuộc phỏng-vấn của Bách-Khoa</i> 84
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Nhóm « Bát Việt » cử ban Thường-vụ và ban Chấp-hành niên-khoa 1961-1962.</i> 96

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Jean-Paul-Sartre.*
- ĐOÀN-THÊM : *Thử tìm hiểu hội họa : Họa-phái trừu-tượng.*
- BỬU-KẾ : *Thuận-An thất thủ.*
- NGUYỄN-VĂN-THU : *Cát bụi phù-sinh.*
- TRẦN-THÚC-LINH : *Quy-chế luật-sư-đàn.*
- VƯƠNG-HỒNG-SẼN : *Thú chơi sách : Sách giả.*
- THIẾU-SƠN : *Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
- NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Lật qua hồ-sơ thanh-niên.*
- id — *Vài ý nghĩ về cú-pháp.*
- NGUYỄN BẠT-TUY : *Nghề mình ở Tam-Quan.*
- VÕ QUANG-YẾN : *Câu chuyện biên nước.*
- NGUYỄN-ANH-LINH : *Ludwig Feuerbach : người cha thiêng liêng của nhân-bản vô-thần.*
- VÓ-PHIẾN : *Những buổi mai.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».*
- VÂN-TRANG : *Trước tờ giấy trắng.*
- CÔ-LIÊU : *Tội người trong sạch.*
- VŨ-HẠNH : *Người thầy thuốc.*
- NGUYỄN : *Cứ điềm quan sát.*
- THẠCH-HÀ : *Một chuyến xuất hành.*
- NGUYỄN-THÁI : *Danilo Dolci.*

★ QUỐC-DŨNG

TỪ khi người ta thấy dân chúng là một lực lượng đáng kể, người ta đưa ra đã nhiều khẩu hiệu : « Vì dân », « Cho dân », « Dân vi quí », « Tất cả cho Thôn xã », « Đưa công sở đến nhân dân »... Nhưng người dân còn đợi những biện pháp cụ thể thực hiện cái kế hoạch thân dân nói trên. Cho nên dân quê khôn xiết sung sướng khi thấy gần đây Bộ Tư Pháp đã cho thi hành một thủ tục « giúp cho dân chúng — nhất là những người ở thôn quê, xa Toà án — được dễ dàng khi cần phải xin các chứng thư hay bản án thề vì hộ tịch ». Vì vậy, trước hết ta xét riêng ưu khuyết điểm của thủ tục xin giấy tờ hộ tịch để sau ta nhận định tổng quát đến những biện pháp khác khả dĩ thi hành được để người dân quê

GIÚP ĐỠ DÂN QUÊ

khỏi mất công tốn của lên quận, xuống tỉnh.

I.— Từ trước đến nay, theo thủ tục thông thường cấp phát chứng thư hay bản án thề vì hộ tịch, dân quê phải :

— 1/ nộp đơn xin tại Toà án (chỉ trừ các quận Gò-Công, Bạc-Liêu, Châu-Phú, Sa-Đéc đã có toà hoà giải có thể nhận đơn được còn thì các Toà án đều ở tỉnh lỵ. Nhiều tỉnh lại chưa có Toà án như Bình-Dương, Phước-Long, Kiên - Phong, Kiên - Tường, Bình-Tuy, Quảng-Đức v...v... thì quản hạt một Toà lại gồm 2, 3 tỉnh).

— 2/ kèm theo đơn xin phải có đủ hồ sơ, gồm giấy chứng nhận sót bộ hay giấy chứng nhận sổ hộ tịch bị thiếu hủy, thất lạc.

GIÚP ĐỖ DÂN QUÊ

— 3/ Đóng dự phí nơi phòng lục-sự rồi đi về đợi ngày Tòa đòi lên lấy lời khai, nghe tuyên án.

— 4/ Được giấy đòi, đương sự phải đến Tòa cùng với 3 người làm chứng. Sau khi tuyên thệ trước ông thẩm phán, nhân chứng khai về lý lịch đương sự. Sau đó Tòa xét, lên án hoặc cấp chứng thư.

— 5/ Muốn được bản sao án văn hay trích lục chứng thư đương sự phải đợi các bản văn đó được biên soạn, được duyệt ký, được trước bạ, sau đó phòng lục-sự mới sao lục cấp phát. Thời gian đó có khi là 20 hôm, có khi là 2, 3 tháng tùy Tòa ít hay nhiều việc, tùy nhân viên Tòa án mẫn cán hay không.... Nhưng dù sao, hỏi thăm cho chắc chắn, thì đương sự cũng phải lên tỉnh một phen nữa mới lấy được cái giấy mong đợi.

Tóm lại trong thí dụ một người dân quê, thông thạo thủ tục, biết làm đơn, biết lập hồ sơ, biết nơi xin chồn hỏi, thì họ cũng phải 3 lần lên tỉnh trong đó có một lần dắt theo 3 người làm chứng !

II. — Với thủ tục mới được Bộ Tư Pháp cho áp dụng, người dân quê *khỏi phải lên tỉnh*, đến Tòa, chỉ cần :

— 1/ dẫn 3 nhân chứng đến ông quận trưởng

— 2/ nộp :

a) 1 đơn xin chứng thư hay bản ~~th~~ thệ vì hộ tịch

b) 3 tờ khai của các nhân chứng mà chữ ký được ông quận trưởng thị thực.

c) 3 tờ tuyên thệ của các nhân chứng được ông quận trưởng nhận thực có ký trước mặt.

d) 1 giấy chứng nhận soát bộ do viên chức hộ tịch cấp có đại diện xã kiến thị.

— 3 Kèm theo một bưu phiếu trả lệ phí cho Tòa án. Rồi trích lục, chứng thư hay bản sao án văn sẽ được Tòa án gửi tới tay đương sự hay cho đại diện xã trao lại.

III. — So sánh với thủ tục cũ, ta thấy ngay từ nay người dân quê khỏi phải ba phen bỏ công ăn việc làm, tốn công tốn của lên tỉnh, tới Tòa. Chỉ một lần lên quận là về nhà yên ổn làm ăn đợi ngày vị đại diện xã trao lại tận tay các giấy tờ cần thiết. Ưu điểm của một biện pháp bớt cho dân quê trên nguyên tắc đến 80 phần trăm khó khăn, không ai có thể chối cãi được. Mà thiện chí của Bộ Tư Pháp thực là rõ rệt.

IV. — Nhưng vì Bộ Tư Pháp đã có thiện chí giúp dân quê mọi sự dễ dàng, bốn phần của mỗi công dân lại phải đưa thêm ý kiến xây dựng để lễ lỗi làm việc ngày càng cải tiến. Vì vậy ta có thể nhận xét thêm :

— 1/ Giấy tờ còn quá nhiều : 1 lá đơn, 3 tờ khai, 3 bản tuyên thệ, 1 giấy chứng nhận. Dân quê phần đông còn mù chữ, rất lúng

túng khi phải làm giấy tờ, dù chỉ 1 bản, huồng hồ đến 8 bản!

2/ Dân quê còn phải nhờ cậy đến quá nhiều người: 3 người làm chứng, 2 ông làng, 1 ông quận chưa kể thấy ký giấy thép.

Ai có ở nhà quê, có tự tay đi xin chữ ký ông làng hẳn đồng ý với chúng tôi là phải khá nhàn nại, giới ngoại giao mới xin nổi một viên chức ký cho một chữ hoặc áp cho mẫu triện. Chúng tôi chưa nói đến việc giao thêm nhiệm vụ cho ông quận trưởng lúc này là thiếu thực tế: ai cũng biết nhân viên hành chánh quận rất ít, rất kém, nhiệm vụ ông quận trưởng lại quá nặng nề, nào an ninh, nào hành chánh, nào quân sự, nào thầu thuế, nào tư pháp cảnh lại, mọi việc từ trung ương đưa xuống đều đổ lên đầu một ông quận trưởng phải có đủ tài kinh tế, tài chánh, công chánh, thủy nông v... v... Một ông quận trưởng siêng năng lúc này có thể nếu hằng ngày không đi hành quân thì cũng phải về các thôn xóm đồn điền kiểm tra... Lúc nào còn rảnh để dân quê gặp được mà thị thực chữ ký mà chứng nhận tuyên thệ? Người có việc, may mắn lắm thì gặp được ông quận ở nhà, nếu không lại phải ăn chực nằm chờ hay luồn lọt nha môn...

— 3/ Việc phải mua một bưu phiều là điểm thu hẹp rất nhiều những ưu điểm của thủ tục mới vì trong toàn cõi Việt-Nam tự do

với hơn 200 quận phòng có tới 30 chi bưu điện không? Có quận không có tới một bưu điểm do một tư nhân phụ trách bán cò lè, nói chi đến một chi bưu điện có quyền thầu nhận xuất phát tiền bạc. Như vậy dân quê lại phải lên tỉnh mua bưu phiều để về quận hoàn bị hồ sơ.

V.— Nhưng vì sáng kiến này ra với nhiều thiện chí cho nên có sơ xuất cũng dễ dàng sửa chữa. Bộ Tư Pháp có thể:

— 1/ In sẵn một ấn chỉ có đủ lời xin của đương sự, lời khai của chứng nhân sau câu tuyên thệ, lời viên chức hộ tịch chứng nhận sổ sách bị tiêu hủy, các lời khai trên là đúng.

Phòng hành chính quận nhận lệ phí, thị thực chữ ký hộ lại rồi cắt đoạn biên lai in liền với đơn xin mà trao lại cho đương sự. Tất cả thủ tục thu gọn trong 1 tờ, 3 người chứng khối phải lên quận, ai có thẩm quyền chứng nhận về lý lịch một dân xã hơn tùy viên hộ tịch sở quan?

— 2/ Hơn nữa Bộ Tư-Pháp có thể bỏ thủ-tục do nghị-định số 742 SG ngày 17-11-1947 do Pháp đặt ra mà đem áp-dụng cho Nam-phần điều 47 Hoàng Việt Hộ luật hiện còn được thi-hành: « Phạm sanh tử giá-thứ trước khi ban bố luật này hay là trước khi lập ra nhân thê bộ đúng phép, thời có thể dùng giấy chứng nhận do viên-chức sở-quan làm ra, hoặc dùng văn thư hay các người

chứng làm bằng cũng được. Lại khi nào không có sổ sách hay khi sổ sách bị mất hoặc hủy hoại cũng thế ». Do một thông tư số 643/BTP/NCPL ngày 7 tháng 9 năm 1955, Bộ Tư-Pháp đã giải thích viên-chức sở-quan « có thể là một thẩm-phán Tòa hòa giải, hoặc Tòa hòa giải rộng quyền hay Tòa sơ-thẩm, hoặc là một nhà chức-trách hành-chánh tỷ như Hội-đồng hương-chính, Hội-đồng khu phố, Khu trưởng khu phố v.v... ». Như vậy ở các thôn xã chỉ một mình ủy-viên hộ-tịch mà ở tỉnh chỉ một ông phường trưởng cũng đủ thẩm-quyền cấp phát chứng thư thế vì hộ-tịch lộ phải bày ra thủ-tục thêm phiền phức. Chỉ một nghị-định đủ bãi bỏ một nghị-định mà lại thông-nhất được thủ-tục khiến không còn tình-trạng người dân quê Nam-phần — mặc dầu thiện chí của nhà cầm-quyền — cũng chưa được hưởng những sự dễ dàng hợp pháp của đồng-bào miền Trung.

Tất nhiên khi sổ sách đã được tổ-chức đàng hoàng, mà vì lười biếng, vì sơ xuất, vì ản lậu, đương sự không khai thì đương sự vẫn phải xin lên án thế vì theo thủ-tục đã được giản dị hóa như đã trình-bày ở đoạn II.

*
* *

I. — Xét ưu điểm của giải pháp giản dị hóa thủ tục xin giấy tờ thế vì hộ tịch khiến dân quê khỏi mất công lên tỉnh, tới Tòa, ta thấy điều quan trọng nhất là thiện chí của nhà cầm quyền.

Nhưng thiện chí xuống thì dưới âm phù cũng đẩy dấy thiện chí. Thiện

chí nói đây phải là một thiện chí được cụ thể hóa bằng việc làm. Nếu từ trên xuống dưới, từ các hàng bộ trưởng đến một anh tùy phái, nhất cử nhất động, trong mọi công việc của mình đều luôn tự hỏi : « Việc này lợi hay hại cho dân » rồi mỗi người, trong lĩnh vực quyền hạn và nhiệm-vụ của mình, cố gắng mưu tiện lợi cho dân chúng như cho chính mình có việc, thì trên thế giới tự do không có đạo binh nào đem lại hòa bình cho xứ sở hữu hiệu hơn 140.000 công chức của Cộng-hòa Việt-Nam. Lúc đó các khoản quân phí có thể dùng vào công cuộc cải tiến dân sinh khiến kinh tế mở mang, các vấn-đề khác đều được giải quyết thanh thản.

Hắn có người bảo : « luật lệ hiện hành còn có những điều khoản, những thủ tục phải tôn trọng, không thể nhất đán cách mạng cả được ». Trước hết nếu không cách mạng được lẽ lỗi làm việc hiện thời của ta thì đứng đứng trong hàng ngũ công chức cách mạng cho lậm danh một liên đoàn đáng kính. Vả lại nếu ta không sớm cách mạng lẽ lỗi làm việc của ta thì cách mạng sẽ đến buộc ta làm trong cương bách những việc đáng lẽ tự ta làm được trong tự do. Hơn nữa đâu có phải Cách Mạng mà nói cho to chuyện. Công việc của bộ Tư Pháp như đã trình bày ở đoạn trên là một thí dụ cụ thể. Áp dụng máy móc nghị định ngày 17 - 11 - 1947 thì dân quê phải nhiều lần tới Tòa, lên tỉnh. Nhưng chấp thuận để giấy đi thay người thì luật lệ vẫn được tôn trọng mà

dân quê lại được mọi sự dễ dàng. Điều cần nhất vẫn là tìm được trong mớ luật lệ những khoản gì lợi cho dân thì áp dụng, không để « lời làm hại ý » (Diễn văn của ông Bộ trưởng Tư Pháp đọc trong dịp khai mạc lớp tu nghiệp Tùy viên Công - tồ - viện ngày 4-5-1961) Người ta đã tìm được những điều khoản cần thiết để giam anh tấu khoán pha hồ trộn đất rồi người ta lại tìm được luật lệ vững vàng để tha bổng anh ta; người ta đã viện được những bản văn phạt tù người bán vé xổ số kiên thiết quá giá rồi người ta lại tìm những điều khoản luật lệ khác vững chắc hơn để chỉ phạt vì cảnh những người đó; tóm lại trong rừng già luật lệ, nếu muốn, luôn luôn người ta tìm được mọi bản văn cần thiết.

Vậy biện pháp thứ nhất khả dĩ giúp dân quê mọi sự dễ dàng là những buổi học tập hằng ngày, phân tích từng công việc, phê bình từng động tác, rút mọi ưu khuyết điểm để cải thiện lề lối làm việc, khiến ai nấy đều một lòng muốn đưa công sở tới nhân dân.

Vẫn hay có nhiều người cho học tập là một công tác làm chiều lệ, phí thời giờ. Nhưng chính vì làm chiều lệ nên mất thì giờ và gây chán nản. Nếu học tập mà đi đến những quyết nghị cụ thể, thực hiện ngay, thưởng phạt liền, ta sẽ thấy dù mỗi ngày có mất đi một buổi, ích lợi cũng còn vô hạn.

Biện pháp này lấy việc đào tạo

những người có thiện chí giúp đỡ dân quê làm điểm chính yếu. Nếu không có người thiện chí thì phận bùn lầy nước đọng lại đánh nước đọng bùn lầy chẳng ? Vì vậy còn những biện pháp tổ chức đưa công sở đến nhân dân.

II. — Ta có thể nghĩ đến một chính sách tăng cường quyền hạn các ông quận trưởng, lấy đơn vị quận làm đơn vị căn bản. Dân quê không phải lên tỉnh xin giấy phép, để nộp thuế, đi kiện cáo v . . . v . . . Mọi việc đều được giải quyết ở cấp quận là cấp gần dân nhất. Tất nhiên các phương tiện về nhân sự, về trang bị, về ngân sách trước kia thuộc tỉnh, thuộc phần, sẽ chuyển cho các quận. Cấp tỉnh chỉ còn giữ nhiệm vụ lãnh đạo, đôn đốc, kiểm tra, có thể thu hẹp tổ chức lại và bao gồm nhiều tỉnh làm một. Điểm này còn có lợi sẽ thống nhất được lĩnh vực những khu quân sự, khu chiến lược, khu hành chánh, khu công chánh, khu canh nông, v . . . v . . . hiện thời chưa được nhất trí khiến các sự phối hợp công tác rất khó khăn.

Nhưng một sự phân phối lại thẩm quyền, chia cắt, xếp đặt một quán hạt không phải là việc làm được trong đầu hôm sớm mai. Cho nên biện pháp có thể thi hành ngay là những đoàn nhân viên lưu động.

III. Do sáng kiến của nhiều ông Tỉnh - trưởng, những đoàn quân

dân chính lưu động đã được thành lập ở nhiều nơi. Nhưng vì không được đưa lên thành một chính sách sử dụng nhân viên nên các thí nghiệm lẻ tẻ thường chết yểu hay chỉ được bày ra cho có hình thức rầm rộ nhất thời.

Vì vậy ta cần phải chỉnh lại quan niệm công sở.

« Công sở của chính quyền thuộc địa có mục đích trước hết là bảo vệ quyền lợi thực dân và chánh quốc, còn đối với dân bản xứ, nhất là dân quê, thì thường chỉ có tánh cách tiêu cực: miễn sao giữ cho yên chuyện, còn tiến hay không, cũng chẳng cần gì.

Thành thử sau khi lấy lại chủ quyền, nhiều nước Đông-Nam-Á phải tiếp nhận những công-sở không đủ phương tiện về nhân-viên cũng như về trang bị dụng-cụ để hoạt động một cách tích-cực, nghĩa là giúp ích cho mọi tầng lớp nhân-dân...

Lập thêm công-sở, đặt thêm chi nhánh công-sở, tăng số Nha, Ty, nghĩa là tăng thêm giấy tờ và ngân-khoản — những ngân-khoản eo hẹp đến nỗi nhiều nước cần tới ngoại-viện, những ngân-khoản phải dành cho bao nhiêu công việc cấp bách... — thì sẽ tốn tiền và thiếu nhiều nhân-viên chuyên môn và nhân-viên điều khiển hành-chánh.

Vậy tiện hơn hết là tìm gấp một số người, có điều kiện tối thiểu về học-vấn, sức khỏe, thiện-chí phục-

vụ, được huấn-luyện cấp tốc, rồi cử về các địa-phương, tận các hang cùng ngõ hẻm, để hoạt-động giúp dân » (Đoàn-Thêm — Một khuynh hướng mới trong tổ-chức hành-chánh tại các nước Đông-Nam-Á — Nghiên-cứu hành-chánh 1958 trang 167).

Như vậy quan-niệm công-sở, một tổ-chức cố định với những nhân-viên tuyển-mộ theo một thể thức chặt chẽ, với những lễ lòi làm việc nặng về thủ-tục giấy tờ phải được thay thế bằng quan-niệm đoàn công-chức lưu-động như ta đã từng thấy ở các nước láng giềng. (Emergency medical teams tại Hàn-Quốc, Democratization of local administration, Rehabilitation brigade ở Miên-Điện, Mobile units, technical teams... ở Ấn-Độ v.v...)

Những đoàn này phải luân phiên đến các thôn xóm khiến dân quê thường xuyên được tiếp xúc với chính-quyền.

Tuy nhiên huấn-luyện các công-chức để có đủ người, đủ khả năng giải-quyết tại chỗ các công việc dân quê cần đến không phải là một việc làm xong một sớm một chiều. Cho nên thủ-tục giản dị hóa công việc do Bộ Tư-Pháp đề ra khiến ta nghĩ đến việc in sẵn các ấn chỉ.

IV. — « Tất cả các công việc hành pháp đều rút lại trong một số ấn chỉ. Tìm được xong một mẫu ấn chỉ hợp lý là giải quyết gọn gàng một trường hợp hành chánh » Tất cả các nhà thông thạo chuyên khảo về việc khoa học hóa tổ chức công việc đều đi đến những

kết luận nói trên. Bộ Tư Pháp đã tìm được một mẫu ấn chỉ khiến dân quê khỏi phải lên Tòa mà vẫn được việc là một thí dụ cụ thể. Theo đó nếu các công sở có những việc liên hệ với dân quê đều khai rõ những công việc gì, cần giấy tờ gì rồi nghĩ ra những mẫu ấn chỉ thích nghi, dạy lại dân quê điển khuyết thì không những giúp đỡ dân quê khỏi tốn công tốn của mà bộ máy hành pháp còn bớt được nặng nề và công việc nhẹ đi rất nhiều. Tại sao các Tòa ứ đọng công việc, tại sao có nhiều việc kiện tụng, tại sao các công sở đẩy người cháu trực v... v... Xét cho kỹ, ta sẽ thấy vì dân quê không biết lập hồ sơ, không hiểu cách thảo giấy tờ, không vào đúng cửa, không kêu đúng lúc v... v... Vì vay mượn cầm cố, mua bán, phân chia tài sản không có giấy tờ hay giấy tờ luộm thuộm nên mới sinh ra kiện cáo, rồi việc phải đền cửa công vì không đủ hồ sơ, không đúng thủ tục nên công việc càng thêm dây dưa. Các khuyết điểm đó, một ấn chỉ hợp lý sửa đổi được hết.

Trong kế hoạch đưa công sở đến nhân dân ta có thể nghĩ đến các việc sau đây :

— 1 Một hội đồng liên bộ nghiên cứu cho đầy đủ mọi việc cần thiết cho đời sống một người dân gốc từ lúc đẻ đến lúc chết : khai báo, mua bán, tậu trâu, mượn đất v... v...

— 2 Mỗi cơ quan có thẩm quyền sẽ phân tách các công việc ra từng động tác một, chỉ giữ lại những động

tác thiết cần thiết, rồi thể hiện ra bằng một ấn chỉ rõ ràng, đầy đủ.

3. — Hội đồng liên bộ duyệt lại các mẫu ấn chỉ, cho dùng tạm để rút kinh nghiệm rồi in ra dưới những hình thức, màu sắc khác nhau để người dân quê xin hộ tịch chỉ hỏi tờ giấy vàng, lấy trích lục tư pháp đòi tờ giấy xanh, vay tiền nông tín hỏi tờ giấy đỏ v... v... là đủ.

Các ấn chỉ này có thể bán được. Khỏi phải đi lại thì dù có phải trả tới 5, 10 đồng một tờ giấy chẳng nữa, dân quê vẫn coi là một ân huệ tự ngàn xưa chưa được hưởng. Ngân sách sẽ thâu về một mỗi lợi không nhỏ. Ấy là chưa nói đến những triệu giờ, những tỉ bạc mà 80 phần trăm dân Việt dành được để tăng gia sản xuất.

4. — Mỗi tỉnh tổ chức một lớp huấn luyện các thư ký xã. Mỗi làng hay mỗi thôn lớn sẽ có một thư ký do dân bầu lên, làm việc, được trả lương. Nhiệm vụ của thư ký là điển khuyết các ấn chỉ và chuyển các ấn chỉ đó lên quận để quận đệ tới các Nha, Ty, Bộ sở quan.

Hắn còn người e viên thư ký sẽ thành kỳ mục kỳ nát cường hào ác bá xoay xở ăn tiền của dân.

Trước hết người cùng thôn xóm mà làm khó dễ lẫn nhau thì phải là kẻ thật vô liêm sỉ hoặc được cấp trên dung túng. Sau nữa nếu quá những lạm, năm tới, dân xóm

GIÚP ĐỠ DÂN QUÊ

không bầu anh nữa, mất việc, mất lòng, anh chỉ còn nước bỏ làng mà đi.

Cứ tưởng tượng đến một ngày gần đây, người dân quê muốn vay tiền nông tìn làm mùa, muốn lãnh tiền trợ cấp, muốn sang tên ruộng đất... chỉ cần đến nhà việc hỏi viên thư ký mảnh giấy đỏ, tìm hay vàng, biết chữ thì viết lấy, không biết chữ thì thư ký viết cho, lấy biên lai rồi về nhà đợi tiền giao tận tay, hồ sơ hoàn trả lại... ai không thấy lòng nhẹ nhàng phơi phơi.

*
* *

Hiện thời chính-phủ có nhiều chủ trương đại qui mô mưu phúc lợi cho đa số nhân dân. Xong nếu thường ngày người dân quê gặp khó khăn trong những việc dù vụn vặt, họ cũng dễ quên lợi xa mà nhớ cái hận gần, sinh bất mãn. Cho nên trong mọi trường hợp, trên khắp lãnh vực, luôn luôn ta phải nghe dân còi mở

để sửa đổi kịp thời mọi chương trình kế hoạch.

Nếu ai còn tưởng chỗ khó trị dân là vì cho họ biết nhiều nói lắm (Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa) mà thấy cần chỉ ngồi ở bàn giấy, để ra một mệnh lệnh, cột vào cổ dân mà thi hành thì hãy nghe người xưa nhận xét : « Giữ miệng dân khó hơn giữ nước sông. Đấp sông mà sông vỡ thì nhiều người bị hại, dân cũng thế. Cho nên người trị thủy phải để cho sông chảy, người trị dân phải để cho dân nói... Ôi dân lo trong lòng, phải nói ra miệng, giữ làm sao được » (Phòng dân chi khẩu thậm ư phòng xuyên. Xuyên ủng nhi hội, thương nhân tất đa ; dân diệc như chi. Thị cổ vi xuyên, quyết chi sử đạo. Vi dân giả, tuyên chi sử ngôn... Phủ ! dân lữ chi ư tâm, nhi tuyên chi ư khẩu, hồ khả ủng dã — Quốc - Ngữ) Đó cũng là một biện pháp nữa cải tiến lề lối làm việc cho gần dân hơn nhưng đó lại là vấn-đề khác.

QUỐC-DŨNG

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

- * Một cá-nhân dù khéo giấu giếm đến đâu vẫn bị cách dùng chữ và cách đặt câu phản bội mình ; một dân-tộc lại càng dễ bị lộ liễu hơn nữa vì không có phương thế nào giấu giếm được hết. Một khác, bởi người ta không thể nào tư-tưởng mà không dùng tự ngữ cho nên tôi tưởng rằng khoa-học ngôn ngữ mới chính là khoa-học của tâm hồn.
(Abel Hermant, Xavier ou les entretiens sur la grammaire française)



SATYAGRAHA,

TRỰC - TIẾP

HÀNH ĐỘNG

* HOÀNG - MINH - TUYNH

BẤT bạo-động, trên bước diễn-tiến, trở thành trực tiếp hành-động, có thể làm phát sinh một cuộc cách-mạng thật sự, nhưng cuộc cách-mệnh có thể thất bại nếu nếu người tín-đồ satyagrahi, trong một lúc nào đó, tỏ ra thiếu kiên nhẫn hay tính dưng đường nẻo quanh co đối với lực lượng dưng mãnh chính mình đã làm nổ tung ra. Chúng

ta có thể nhận chân điều đó, nếu chúng ta theo dõi đường trường tranh - đấu của Găng-đi trong từng giai đoạn một. Găng-đi đã áp-dụng phương-pháp của ông cho toàn bộ cuộc tranh-đấu giải-phóng xã-hội và dân-tộc Ấn, chứ không giới hạn nó trong nguyên phạm-vi chống cuộc đô-hộ của thực - dân Anh, như nhiều người vẫn

tưởng. Chúng ta có thể phân tích sơ qua thành tích tranh-đấu của Găng-đi để thấy rõ điều đó.

Trước hết, ta thử quan-sát ngay cuộc đời của Găng-đi, coi xem ông đã thực hành thuyết satyagraha trong quan-hệ giữa ông đối với người cha, ông thầy và giai cấp của ông thế nào ; tất cả những chi tiết này chúng ta cần phải biết để khám phá ra tầm mức quan trọng của nhân cách trong thuật áp dụng thuyết bất bạo động (1). Sau đó chúng ta quan sát những nhóm Satyagrahis trong công cuộc tranh đấu của họ chống lại các luật-lệ xã-hội bất công, một chính phủ địa phương hà khắc, hoặc ngay chính Nhà nước khi ban bố những chính sách bạo tàn. Như nhóm Satyagrahis ở Nam Phi tranh đấu nhằm bảo đảm công bình xã hội cho thiểu số Ấn-độ ; nhóm ở Champaran, trong tỉnh Bihar, Ấn-độ, tranh đấu (1917) chống luật lệ bắt trồng trọt những cây cối không sinh lợi ; nhóm ở đền Vikom tranh đấu đòi cho hạng tiện dân cũng được dùng một đường lộ để đi tới đền (1924-1925) ; nhóm ở quận Bardoli tranh đấu chống chính phủ Bombay qui định địa tô quá nặng cho dân cày (1928). Sau nữa trên bình diện quốc gia, chúng ta quan-sát nhóm Satyagrahis chống lại đạo luật Rowlatt thiết lập tòa án đặc biệt để đối phó với các cuộc nổi loạn (1919) ; nhóm chống lại đạo luật muối tổ chức độc quyền Nhà nước về thực phẩm căn bản của nhân dân (1930 - 1931).

(1) Đối với những vị muốn khảo sát kỹ lưỡng, chúng tôi giới thiệu cuốn sách nhỏ nhan đề *Mahatma Gandhi* của Bà C. Drevet (F. X. Le Roux, Strasbourg, 4^e édition) trong đó, tác giả đã cố công theo dõi em nhỏ Mohandas trong bước đường tranh đấu để chế ngự mình...

Và sau hết, trên bình diện rộng lớn hơn nữa, chúng ta quan sát cuộc tranh đấu trường kỳ của toàn thể quốc dân Ấn trong phong trào bất hợp tác từ 1920 tới 1922 và bất phục tòng dân sự từ 1930 tới 1934 do chính Găng-đi đích thân điều khiển chống lại chính-phủ thuộc địa của Phó vương Ấn-độ. Cuộc tranh đấu trường kỳ này được đánh dấu bằng nhiều cuộc bất bô khốc liệt nhất là đối với Găng-đi, nhưng đã kết thúc, sau cuộc thế chiến thứ hai, bằng sự thiết lập một chính-phủ lâm thời cho Ấn-độ tự do năm 1946.

Những « kiểu mẫu » tranh đấu của Găng-đi trên chứng giải « thuyết Satyagraha là một định luật có thể áp dụng trong hết mọi trường hợp và trên hết mọi bình diện. Nó khởi sự từ gia đình và có thể triển dương ra hết mọi lãnh vực khác ». Trong « các lãnh vực khác này », lãnh vực quan trọng nhất là lãnh vực quan hệ quốc tế. Là lãnh vực quan trọng nhất, nhưng cũng là lãnh vực đem lại nhiều khó khăn nhất cho sự xét nghiệm theo thuyết Satyagraha của Găng-đi. Không phải khó-khăn bởi Găng-đi cho là nó chỉ có thể áp dụng cho quan hệ gia đình và xã hội, chính ông đã có lần nói quả quyết rằng : « Tôi chứng minh thuyết bất bạo động là thuyết trọn vẹn và coi như có thể thi hành trong quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa mọi người với nhau » ; nhưng phải công nhận một điều là trong phạm vi quốc tế, Găng-đi còn thiếu nhiều kinh nghiệm cụ thể để có cơ hội xác định tư tưởng và thái độ một cách thật đúng đắn. Thật ra, Găng-đi không có tham vọng đưa ra một phương thức có hiệu năng giải quyết lập tức tình

trạng căng thẳng trong thế giới hiện nay, ông chỉ muốn trình-bày một đường lối khiến cho niềm hy-vọng ở bất bạo-động của các quốc-gia trên thế-giới có cơ lộ dạng và thâm nhập lần lần tâm trí con người. Có lần nhà truyền-giáo Tin-lành Nhật Toyohiko Kayawa hỏi Mahatma nếu ở vào địa-vị ông ta tại Nhật-Bản là nước theo chủ-nghĩa quốc-gia cực đoan thời tiền-chiến, thì Mahatma sẽ hành-động thế nào ? Găng-đi đáp : đối với nước Nhật-Bản, cũng như đối với hết mọi quốc-gia còn coi bất bạo - động là một tà thuyết, thì các « nhà tiên-tri » của thuyết Satyagraha phải can đảm lớn tiếng công bố tín ngưỡng của mình và sẵn sàng chấp nhận trở thành những kẻ « tuần giáo », những kẻ « tử vì đạo ». Đó là một cách chứng giải thuyết Satyagraha mẫu nhiệm nhất và khiến nó trở dễ nên truyền nhiễm nhất : thuyết Satyagraha được trồng cấy trong hy-sinh sẽ tràn lan từ tâm hồn này qua tâm hồn khác.

Chúng ta đã biết thuyết Satyagraha là « thuyết thích hợp với mọi phần tử trong xã-hội », là thuyết, xuất phát từ con tim một người, mà có năng lực trở thành một cuộc cách-mệnh xã-hội, quốc-gia và quốc-tế ; chúng ta đã biết rõ linh hồn của thuyết ấy đan dệt nên bằng sợi chỉ vàng Chân-Như và Nhân-Ái, nhưng còn có điều chúng ta muốn biết rõ nữa là khi người Satyagrahi bị tâm tư thúc đẩy bên trong và biến cố thúc đẩy bên ngoài mà bước vào giai đoạn tiến hành bất bạo-động thì thuyết đó sẽ biến hóa thế nào và tự cụ-thể-hóa ra sao ? Đó chính là điểm nhiều người cho là điểm trung tâm của phong-trào bất bạo-động gồm một số những khuyến-cáo chuẩn-xác cho hành-động, một số qui tắc cụ thể càng có giá - trị vì

không phải là những khuyến-cáo, qui tắc lý-thuyết, viễn-vông mà đã bén rễ sâu xa và trau dồi bằng kinh-nghiem tranh-đấu bản thân của Găng-đi và các môn - đệ trực tiếp. Tuy nhiên, chúng tôi thấy có điều cần phải nhấn mạnh ở đây là tất cả những qui-tắc căn-bản, những qui điều cốt thiết ấy chỉ là tro tàn còn nóng của một cuộc sống nồng-nhiệt đã qua, đó chỉ là bã, cặn còn đôi chút hơi hương của cuộc đời tranh-đấu ròn-rã trên bảy mươi chín năm của Găng-đi. Chẳng nên mất công thổi lửa tự tro tàn, chẳng nên mất công đào bới cuộc sống mãnh-liệt của Găng-đi tự những lời khuyên-cáo ông còn để lại. Nếu muốn theo Găng-đi, ta phải dùng nẻo ngược lại. Ta phải khởi sự từ chỗ tầm thường, vi-tiện, từ chỗ « nhật dụng » trong cuộc sống thường ngày của ta, ta phải cố gắng ngấm ngấm khám phá ra Thượng-Đế — Chân-Như ở trong đó, rồi để cho « tiếng nội tâm » chỉ đường dẫn lối cho ta.

Tóm lại là ta phải khởi sự sống một « cuộc sống bất bạo động ẩn - khuất tịch liêu » trước khi sống cuộc sống bất bạo - động thanh thiên bạch nhật trên trường chính - trị và xã - hội. Nếu ta hiểu như vậy thì những lời khuyến cáo của Găng-đi trở nên hữu ích vô cùng, vì sẽ trở thành tiêu chuẩn cho ta xét đoán được giá trị và chân lý trong hành động bất bạo động của ta.

Như Găng-đi đã viết năm 1946, một khi đã thừa nhận « kỹ thuật hành động bất bạo động là cô lập hóa và làm hao hụt khí dụng của ác tà », người ta có thể căn cứ vào nỗ lực và kinh nghiệm của Găng-đi mà cô đúc lại thành

CHỦ-THUYẾT « CHÂN-DŨNG » CỦA GÀNG-ĐI

ít điều chủ yếu, rồi thiết lập thành ba loại khuyến cáo và qui tắc giúp đỡ cho tín đồ Satyagrahi đấu tranh và chiến thắng ác tà. Loại thứ nhất gồm một « bảng định luật bất bạo động » tóm tắt tôn chỉ, đạo đức, lý thuyết Satyagraha. Rồi tới các lời khuyên răn, chỉ dẫn hành động. Sau hết là các phương thuật thực hành để cho sự tiến hành bất bạo động không bị tan vỡ khi vướng vấp phải những trở ngại vật chất.

Satyagraha là một thuyết chân thật và uấn áo.

Bất bạo động là định luật của loài người, nó cao cả hơn mãnh lực bạo tàn bội phần.

Tín đồ Satyagrahi tin tưởng nhiệt liệt vào mãnh lực của bất bạo động.

Tín-đồ Satyagrahi tin tưởng nhiệt liệt vào Thượng-Đế, vào Quyền năng và Ân sủng của Ngài.

Tín - đồ Satyagrahi, vì tin - tưởng Thượng-Đế ở khắp mọi nơi, nên tôn trọng tính-mệnh của địch thủ mình là nơi có Thượng-Đế ngự trị.

Tín đồ Satyagrahi, cùng vì lẽ ấy, rất tôn trọng mình và có tinh thần danh dự.

Tín đồ Satyagrahi biết rằng kẻ đi tìm chân lý phải coi mình hèn hạ hơn đất bùn.

Tín đồ Satyagrahi, trong cuộc sinh hoạt thường ngày, phải tập luyện hy sinh, tu thân và nguyện gãm.

Tín đồ Satyagrahi chuẩn bị tiến hành bất bạo động trong trầm lặng.

Tín đồ Satyagrahi biết rằng hy sinh có hoan hỷ thì mới là hy sinh thật.

Tín đồ Satyagrahi biết rằng không thể có thất bại trong khi hành sử bất bạo động, vì mỗi hành vi bất bạo động tự nó đã là một chiến thắng.

Tín đồ Satyagrahi trong cuộc tiến hành bất bạo động.

Tín đồ Satyagrahi không chịu dung dưỡng trong mình sự giận dữ, mà còn kiên trì chịu đựng sự giận dữ của địch thủ.

Tín đồ Satyagrahi không bao giờ dùng bạo động chống lại bạo động, cũng không bao giờ mắng chửi hoặc nguyện rửa ai.

Tín đồ Satyagrahi không lớn tiếng và không nói lời mâu thuẫn với nguyên tắc của mình.

Tín-đồ Satyagrahi không bao giờ được quên phân biệt đều ác tà với kẻ ác tà và phải tránh dùng lời cay đắng với những kẻ này.

Tín-đồ Satyagrahi không tuân lệnh ban hành trong cơn giận dữ, dù sự bất tuân có thể làm cho mình bị trừng phạt nghiêm ngặt.

Tín-đồ Satyagrahi bảo vệ địch thủ khi họ bị mắng chửi hoặc hăm hại, dù phải bỏ tính mệnh mình.

Tín-đồ Satyagrahi không chống cự khi người ta bắt bớ và tịch thu gia sản, nhưng không chịu nộp của cải người khác đã giao phó cho mình.

Bị cầm tù, tín-đồ Satyagrahi cứ chỉ, đi đứng làm gương mẫu cho những người khác.

Tín-đồ Satyagrahi tuân hành mệnh lệnh của các thủ lãnh, cả những khi tuân hành có thể khiến cho mình bị thiệt hại nặng.

Khuyến cáo để thành công trong tiến hành bất bạo động.

Tiến hành bất bạo động phải nhằm một mục đích trong sạch và chuẩn xác.

Tiến hành bất bạo động có thể do một người, có thể do một đoàn thể.

Tín-đồ Satyagrahi có bốn phận quảng bá tín ngưỡng của mình và chiêu tập bạn hữu, nhưng không chờ đợi hợp thành đoàn thể rồi mới hành-động nếu cần phải hành-động ngay.

Nói chung, khi có tiến hành bất-bạo-động, tín-đồ Satyagrahi phải đứng trong một cơ sở nào hay một đoàn thể xã-hội nào.

Tín-đồ Satyagrahi phải tiếp xúc luôn luôn với người trong địa hạt, phải hòa đồng với họ và đừng để cho họ có cảm-giác mình là người khách lạ, là kẻ khả nghi tới gieo hoang mang hay quấy nhiễu họ.

Tín-đồ Satyagrahi phải chăm chú theo dõi các biến chuyển có thể xảy ra và phải luôn luôn đi trước các cuộc xung đột, không chờ cho tới lúc xảy ra mới can thiệp.

Tốt hơn hết là cả đàn ông lẫn đàn bà cùng hợp tác với nhau tiến hành tranh-đấu bất-bạo-động.

Cổ nhiên, tín-đồ Satyagrahi phải có một phẩm tính, khí chất trang nghiêm, đứng đắn, để không ai chê trách được, nhất là phải tỏ ra có tinh-thần công chính và vô tư triệt để.

Đó là ba loại khuyến cáo và qui tắc cho tín-đồ thuyết bất-bạo-động Satyagraha, chúng tôi xếp đặt phỏng theo cách thức của Tu-si Hervé Chaigne trong tạp-chí *Esprit*, là người đã tốn công nghiên-cứu tường tận các văn-bản của Găng-đi rải rác khắp nơi, nhất là trong bản *Peace and war*, Tập I và Tập II.

Cả ba loại khuyến cáo và qui tắc trên có thể coi như bản thu tóm toàn bộ « lược đồ đề xuất cho công cuộc giải-phóng Ấn-Độ, lược đồ căn cứ hoàn toàn vào sự phát-triển của dũng lực tinh-thần và lại là dự án tinh luyện chí khí và tiết tháo cho con người tự giải-phóng lấy mình », như Găng-đi đã viết năm 1935 (1).

(K) tới : Kết luận)

HOÀNG-MINH-TUYNH

(1) *Peace and war* (Tập I, trang 32. Bài của báo *Young India*).

★ Bình đẳng trước tử thần là điều giả tưởng của tôn-giáo hay của luân-lý muốn phản đối lại thói thường của thế tục, song bình đẳng trước tình ái lại là điều hiển nhiên trong vạn vật.

(Abel Hermant, *Le Bourgeois*)

★ Trong lãnh vực khi trá, đàn ông là hạng nhà quê, còn đàn bà thuộc hạng quý phái.

(Abel Hermant, *Eloge du mensonge*)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1851)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Việt ngữ sẽ dùng làm chuyển ngữ ở bậc Đại học kể từ niên khóa 1961-1962

★ NGUYỄN-HIỆN-LÊ

CÁCH đây một tháng, một học sinh đệ nhị tỏ ý lo-lắng rằng sinh ngữ còn kém, không biết rồi lên Đại-học, làm sao theo nổi được chương trình. Tôi bảo em ấy :

— Em đừng lo, vấn-đề chuyển ngữ ở bậc Đại-học đã được nhà cầm quyền lưu ý tới rồi, và khi em lên Đại-học, nghĩa là một hay hai năm nữa, thì các môn sẽ giảng bằng tiếng Việt.

Hồi đó tôi tin rằng niên-khóa 1962-1963 sẽ có sự thay đổi và tôi cho như vậy là sớm lắm rồi. Vì tôi vẫn còn nhớ những lời tuyên bố của các giáo sư Đại-học Phạm-Biểu-Tâm và Trần-Tấn-Thông : nào là « Việc dùng Việt ngữ tuy nói thì nghe rất dễ, nhưng thực hành vô cùng khó-khăn », nào là : « không thể thực hiện cho niên-khóa 61-62 mà sau một thời gian nữa », vì « không muốn thí-nghiệm trên lưng của học-sinh. »....

Cho nên tôi rất đỗi ngạc nhiên khi thấy báo *Tự-Do* ngày 3-66-1 đăng tin rằng ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia giáo-dục mới gửi thông tư cho các ông Khoa-trưởng Đại-học và các ông Giám-đốc các trường Cao-đẳng yêu cầu :

— « Thực hiện kể từ niên-học 1961-1962 sắp tới, chương trình phát triển việc dùng Việt ngữ tại bậc Đại-học, nhất là những lớp dự-bị »

— « Tùy theo phương tiện sẵn có tại mỗi trường, mà tổ chức các giờ lý-thuyết, giờ thực hành, các cuộc hội thảo bắt buộc để các sinh viên trau-dồi thêm ngoại ngữ giúp họ dễ bề thực hiện công cuộc sưu tầm và khảo cứu ở bậc Đại-học. »

Đồng thời, Bộ còn

— « dự-trù việc cải tổ chương trình dạy môn sinh ngữ tại bậc Trung-Học »

MỘT TIN MỪNG CHO HỌC-SINH

— và « đang nghiên cứu những biện-pháp thích ứng để hoàn thành việc dịch sang tiếng Việt một số sách giáo khoa Đại-học căn bản »

Thế thì « kim thị nhi tạc phi » chăng ?
Quả thực là một chương-trình mạnh bạo và đầy đủ. Mới đọc xong tôi cho là quá mạnh bạo : mười năm nay cơ hồ như chưa dự bị được chút gì, rồi dùng một cái, quyết định rằng trong ba bốn tháng nữa phải bắt đầu thực-hành liền. Như vậy thì quốc dân ngại rằng Bộ muốn thỏa mãn ngay những đòi hỏi của học sinh mà hóa ra hấp tấp quá chăng ?

Nhưng suy đi nghĩ lại, tôi thấy rằng Bộ không thể nào làm khác được. Nếu hoãn chương - trình đó đến sang năm thì những học sinh lựa Pháp ngữ làm sinh ngữ thứ nhì không thể nào vô Đại-học và các trường Cao-đẳng được, mà non nửa số học sinh đậu Tú tài II năm nay sẽ bơ-vơ một cách đáng ngại. Cho nên thế nào cũng phải dùng ngay Việt ngữ ở những lớp dự bị các trường Đại-học và Cao-đẳng, dù rằng chưa có sự chuẩn bị kỹ càng.

Nghĩ khổ tâm cho Bộ thật ! Bộ đã phải gánh những kết quả tai hại từ trước để lại. Chúng ta nên hiểu nỗi khổ tâm đó cho Bộ ; và trong niên khóa 1961-1962, nếu sự dạy bằng tiếng Việt ở các trường Đại-học và Cao-đẳng gặp nhiều trở ngại mà kết quả chưa được như ý thì ta cũng nên cho đó là sự dĩ-nhiên, không thể trách Bộ được, mà chỉ nên hoan nghênh Bộ đã cương-quyết và can đảm lãnh trách nhiệm trong trường hợp khó khăn hiện nay.

Chương trình của Bộ tóm lại, gồm bốn điểm :

1. — dùng Việt ngữ ở Đại-học
2. — trau dồi sinh ngữ cho sinh-viên
3. — sửa đổi lối dạy sinh ngữ ở Trung-học
4. — dịch những sách giáo khoa Đại-học.

Chỉ gồm bốn điểm mà thực là mênh mông. Vì nó mênh mông mà thời hạn lại gấp, cho nên càng phải biết chia ra từng giai-đoạn, mà chỉ thực hiện ngay những việc thật cần thiết.

Chẳng hạn về điểm 1 (dùng Việt ngữ ở Đại học) trong niên-khoá 1961-1962 sắp tới, chỉ nên thu hẹp sự áp dụng chương trình mới vào các lớp dự bị cho những sinh viên mới vô thôi, còn những lớp khác, sinh viên đã học ít nhất được một năm bằng ngoại ngữ thì cứ tiếp tục dạy bằng ngoại ngữ . Như vậy Bộ có thể dùng vào các lớp dự bị đó tất cả những giáo sư dạy được bằng tiếng Việt, mà sẽ không sợ thiếu giáo sư. Cứ tiến từ từ, từng bước một, nhưng bước nào cho chắc bước đó, vì học sinh và phụ huynh học sinh không bao giờ đòi hỏi ở Bộ một sự cải cách toàn diện cả. Chúng tôi còn ngại rằng nếu thực hiện ồ ạt quá, mà kết quả không được như ý, thì sau này Bộ lại đổ lỗi rằng vì quốc dân đòi hỏi hoài nên Bộ phải làm vừa ý quốc dân, chứ Bộ vốn biết rằng thế nào cũng thất bại. Tôi lo xa vậy thôi, chứ chắc Bộ sẽ không thất bại. Nhưng Bộ cũng nên lập một chương trình tam niên, ngũ niên, thất niên... rồi tuyên bố với

quốc dân, như vậy cũng như tự đặt một kỷ luật cho Bộ.

Về điểm 2 (trau giồi sinh ngữ cho sinh viên) và 3 (sửa đổi lối dạy sinh ngữ ở Trung-học), chúng tôi nghĩ rằng nên định quy tắc căn bản này : « *Hiếu kỹ một sinh ngữ còn hơn là hiếu lờ mờ hai sinh ngữ.* ». Chúng ta mắc cái tật muốn theo cho đúng Anh, Pháp. Ban Trung học của họ dạy hai sinh ngữ thì ta cũng bắt buộc học sinh phải học hai sinh ngữ, mà không cần biết nhu cầu của mình. Đa số sinh viên Đại-học và Cao-đẳng của ta ở trường ra sẽ giúp việc ngay cho quốc - gia, vậy thì họ cần hiếu kỹ môn học của họ và thông một sinh ngữ là đủ rồi. Chỉ một số ít thanh niên thực tuấn tú mới có hy vọng đi ngoại quốc học thêm, bọn này mới nên biết nhiều sinh ngữ (tôi nói *nén*, chứ không nói *cần*) ; vậy ta chỉ cần bắt tất cả các học sinh thi Tú tài thông một sinh ngữ thôi, những học sinh nào thông mình muốn học thêm một sinh ngữ nào nữa thì tùy ý.

Mà khi dạy sinh ngữ, ta cũng chỉ nên chú trọng đến cách nói và cách viết còn những văn chương từ thể kỷ 16, 17... của ngoại quốc thì không cần phải dạy, trừ trong những ban Văn-chương. Một cậu Tú Việt Nam thuộc được vài câu thơ của Ronsard, Racine, Shakespeare hay Shelley mà không biết chia một động từ Pháp hay Anh thì hỏi có ích lợi gì ? Cứ dạy cho thanh niên đọc thông sách ngoại quốc đã, rồi sau này họ muốn học thêm, có thể học lấy được ; như vậy còn hơn là cố nhồi cho họ mỗi thứ một chút để ra trường năm sáu tháng là quên hết ráo, mà có

muốn học thêm cũng không đủ sức để tự học.

Riêng về môn Pháp - ngữ, chúng tôi nghĩ rằng các giáo viên ở các trường Sư phạm ra hồi trước thế chiến vừa rồi, có đủ tư cách dạy các lớp ở Trung-học đệ nhất cấp : các vị đó vừa vững về Pháp văn, vừa có nhiều kinh nghiệm, dạy có kết quả hơn những sinh viên ở Đại-học sư phạm mới ra. Nếu biết dùng các vị đó thì trình độ học sinh về môn Pháp - ngữ không đến nỗi kém như ngày nay.

Về môn Anh-ngữ, chúng ta thiếu rất nhiều giáo sư ; nên phải yêu cầu gấp các chính phủ Huê-kỳ, Anh giúp chúng ta giáo sư, đồng thời đào tạo gấp cho chúng ta một số giáo sư có đủ khả năng. Phải có những lớp buổi tối dạy Anh - ngữ luôn trong một vài năm cho giáo sư mà chính phủ xét là cần phải « tu nghiệp » ; và sau này tất cả những giáo - sư Anh - ngữ công và tư đều bắt buộc phải có một chứng chỉ Anh - ngữ. Trình độ giáo sư có cao thì trình độ học sinh mới khá được.

Sau cùng, về điểm 4 (dịch sách giáo-khoa Đại-học), chúng tôi nghĩ trong năm đầu, Bộ chỉ nên dịch những sách về những môn mà ta không cần phải tạo nên nhiều danh từ mới, chẳng hạn các môn Văn học, Triết học, Sử học.... Còn những môn về khoa học, ta nên đợi sang năm, sau một năm dạy học, rút được ít nhiều kinh-nghiem rồi sẽ bắt đầu dịch cũng được.

Điều cần nhất là phải giao công việc dịch cho những người viết xuôi tiếng Việt. Chúng tôi biết có nhiều vị giỏi ngoại ngữ, có sức học chuyên nghiệp khá

cao, nhưng viết tiếng Việt rất ngô-ngẩn. Mới rồi một ông bạn cho chúng tôi coi cuốn *Đạo-đức-học của Nicomache* do Sở-Tu Thư xuất bản. Cuốn đó dịch cho học sinh Trung học đệ nhị cấp ban Triết học dùng. Mới lật qua bài tựa, thấy tiêu đề này : « Nguyên nhân cái nhan đề », (1) tôi đã ngại quá. Dịch giả có thể là học nhiều, có thể là dịch đúng, nhưng viết ngây ngô như vậy học sinh làm sao hiểu nổi ? Tiếng cái đó nghe đã chướng tai ; lại thêm nhan đề mà có nguyên nhân ư ? Cơ hồ như dịch giả chưa phân biệt nổi nguyên nhân với lý do. Mà cũng không thể viết : Lý do của nhan đề được, phải viết : Vì đâu có nhan đề ấy, hoặc Lý do đã khiến người xưa lựa nhan đề đó...

Bộ nên rất thận trọng về chỗ đó, kẻo mà tai hại vô cùng, học sinh sẽ quen nếp mà viết bậy tiếng Việt.

Khi dịch lại nên hiểu trình độ học sinh của mình. Có nhiều điều, học sinh Anh, Mỹ hiểu được mà học sinh mình không hiểu được, vì mình không quen với phong tục, văn minh Âu-Mỹ ; những điều đó phải chú thích kỹ, mặc dầu là trong sách Pháp, Anh không chú thích. Có vậy mới là biết thích nghi mà tinh thần thích nghi là tinh thần cần thiết nhất cho các học giả nước ta hiện nay. Tôi dám chắc rằng bài Tựa cuốn *Đạo - đức - học của Nicomache* không giúp được mấy cho học sinh mình, vì bài đó Jean Voilquin viết cho người Pháp mà dịch giả lại không chịu chú thích kỹ. Giá dịch giả viết một bài tựa khác tóm tắt một cách sáng sủa triết học Hi - Lạp

trong các thời đại trước Aristote, vạch những nét chính của thời Aristote, chép lại tiểu-sử của ông, tư-tưởng của ông, ảnh hưởng của ông tới đời sau, địa vị của cuốn đó trong toàn thể tác phẩm của ông, và nêu lên những điều cần-thiết phải nhớ để hiểu cuốn đó, lại phê bình ít lời,... thì bổ ích hơn cho học sinh Trung - học của mình.

Đó là một điều nữa mà các dịch-giả của Bộ nên lưu tâm tới. Bất kỳ học cái gì của người, chúng ta cũng phải tìm cách thích ứng với hoàn cảnh của mình. Nếu không biết thích ứng, cứ của người ra sao chép y làm vậy, hoặc của người có cái gì cũng muốn cho mình có ngay cái đó, thì dù học rộng đến đâu cũng là vô dụng. Cho nên biết cách soạn và dịch là một điều hệ trọng mà lựa sách dịch lại càng hệ trọng hơn nữa. Các nhà soạn chương-trình Trung - học 1958, ghi tên hàng chục tác phẩm triết học từ Platon tới Gabriel Marcel. Họ chỉ biết chép đúng chương - trình của Pháp. Tôi không hiểu cuốn *Le rire* một « hình vẽ ở ngoài lề » sự-nghiệp của Bergson mà ghi vào chương-trình làm gì, dịch ra tiếng Việt làm gì ? Sao không dịch ngay cuốn *Les deux sources de la morale et de la religion* của triết gia đó ?

Mà nhan đề *Le rire* dịch là tiếng cười thì cũng không đúng, vì trong tác-phẩm đó, Bergson khảo luận về ý nghĩa của sự hài hước chứ không hề nghiên cứu về tiếng cười. Bỏ phát chữ tiếng đi mà lại hợp với nội dung hơn.

Mấy năm nay cứ vài tháng ta lại thấy có một phái đoàn hoặc một số

(1) Tiêu đề đó do dịch giả đặt ra chứ trong bản Pháp-văn không có.

nhân viên của Bộ đi ngoại quốc dự các hội-ngập giáo-dục, nghiên cứu nền giáo-dục của ngoại quốc. Chúng tôi không hiểu những phái đoàn cũng như những nhân viên đó có học được của người cái gì rồi đem áp dụng trong nước không? Chúng tôi tưởng có một việc rất bổ ích là cứ ngồi ở Sài-gòn này, yêu cầu các Sứ quán Anh, Mỹ, Đức, Nhật... gửi cho chúng ta những sách giáo khoa của họ từ Tiểu học đến Đại học, rồi một khi đã thu thập đủ, mới đem phân tích chương trình của mỗi nước, tinh thần và phương - pháp dạy của mỗi nước, cách tạo và dịch danh từ khoa học của mỗi nước, mà so sánh với nhau để rút kinh nghiệm, tìm xem điều nào có thể áp dụng cho ngành giáo dục của mình trong tình trạng hiện tại được, như vậy mới có lợi thiết thực cho quốc gia. Và có muốn bay qua Nữu - Ước, Michigan, Tokyo, Manille, Ba - Lê, Luân-Đôn, Bá-Linh.... khắp thế giới thì cứ bay, nhưng bay về rồi thì xin đừng cóp đúng chương trình của Pháp từ mười hay hai mươi năm về trước, như vậy uống công quá. Có ai cấm mình mở tung cửa ngó ra năm châu đâu, năm châu lại niềm nở tiếp đón mình, sẵn sàng giúp đỡ mình, trao đổi kinh-nghiệm với mình, thì tại sao mình cứ tự đeo những tấm che mắt mà chỉ ngó về có một phía?

Sau cùng còn một điều này nữa cũng nên đem ra bàn. Hiện nay Sở Tu Thư lựa một học giả nào đó giao cho một tác phẩm để soạn hay dịch. Khi soạn hay dịch xong, Sở đưa cho một ủy ban duyệt lại. Thận trọng như vậy là phải. Nhưng tôi nghe nói đã xảy ra hai trường hợp:

10— Ủy ban duyệt lại, thấy lỗi, chỉ cho soạn giả hoặc dịch giả, mà soạn giả hay dịch giả không chịu sửa, bảo. « Tôi ký tên thì tôi chịu trách nhiệm. » Như vậy là ủy ban không đủ uy tín.

20— Ủy ban duyệt lại mà không thấy lỗi — tôi nói những lỗi nặng, chứ không nói những lỗi nhỏ vì có ai mà không lầm lẫn bao giờ? — như vậy là ủy ban bất lực hoặc làm việc tắc trách. Mà sở dĩ người ta làm việc tắc trách là vì người ta bận công việc quá, làm không xuể, hoặc là vì sự thù lao không xứng đáng. Muốn duyệt cho cẩn thận thì phải tốn rất nhiều công: nếu là một bản dịch, phải đối chiếu với nguyên văn, từng chữ một; nếu là một bản soạn, phải kiểm soát kỹ tài liệu, đọc kỹ từng hàng, xét kỹ từng ý kiến một; ấy là tôi chưa kể việc xét lại chánh tả. Như vậy công việc duyệt lại có khi nặng nhọc bằng nửa công việc dịch hay soạn. Mà tôi nghe nói đâu như công duyệt lại hiện nay chỉ được trả bằng một phần mười hay một phần mười lăm công dịch, soạn. Chính-sách đó chỉ khuyến khích sự làm việc tắc trách thôi, cho nên ta mới thấy những cuốn soạn rất cầu thả như cuốn *Việt-văn độc-bản* cho lớp đệ nhị trung-học mà ông Minh-Tuyền đã phê bình trong tạp-chí *Mai* ngày 25-5-61, và những lỗi hành văn ngây ngô như lỗi chúng tôi đã dẫn ở một đoạn trên.

Muốn tránh những cái tệ đó, mà vẫn giữ chính sách duyệt lại như ngày nay, thì phải kiếm được những người đủ uy tín, đủ khả năng và phải trả công cho người ta bằng nửa công người soạn hay dịch; và buộc người ta phải chịu chung trách nhiệm, nghĩa là Bộ phải in tên duyệt giả ở ngoài bìa sách.

MỘT TIN MỪNG CHO HỌC-SINH

Giải pháp đó đã tốn kém, mất nhiều thì giờ mà khó thực hành vì ở thời này, ai là người đủ uy tín để sửa tác phẩm hay dịch phẩm của người khác? Cho nên theo thiện kiến của tôi, nên lựa học giả nào đứng đắn, có đủ khả năng nhất mà giao việc cho rồi để vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm. Bộ chỉ cần vạch chủ trương của Bộ rồi thảo luận với vị đó về phương pháp làm việc, về ít quy-tắc căn bản thôi. Như vậy công việc sẽ mau hơn. Hễ tín nhiệm người ta thì người ta sẽ phải cẩn thận tự duyệt lại mình, có khi nhờ bạn bè duyệt lại giúp cho nữa. Chứ nếu theo chính-sách hiện nay thì người soạn hoặc dịch sách tự nhủ: « Còn có người duyệt lại kia mà, cần gì phải làm cho kỹ? » mà người lãnh nhiệm vụ duyệt lại cũng tự nhủ: « Có phải một mình ta duyệt

lại đâu, còn một người khác duyệt lại nữa; vả lại ai ký tên thì người đó phải chịu trách nhiệm chứ? », rút cục là chẳng ai chịu trách nhiệm cả. Tất nhiên, khó-khăn là làm sao tìm được những người xứng đáng.

*
* *

Vì rất vui mừng khi hay một tin mà chúng tôi mong mỗi từ mấy năm nay, tin Việt-ngữ sắp được dùng làm chuyển ngữ ở bậc Đại-học, nên chúng tôi bằng bột góp ý kiến với Bộ, mục-dịch chỉ là tìm cái lợi cho học sinh trong giai đoạn chuyển hướng rất quan-trọng này của nền giáo dục Việt-Nam.

Sài-gòn ngày 4-6-1961

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

✱ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

THI RÓT, THI ĐẬU...

(Xin xem B. K. từ số 107)

CHÚNG tôi biết một học-sinh, ban tú-tài, thi có một môn triết-học, mà tới khóa thứ 16, nghĩa là năm thứ 8 mới đậu. Cũng chưa bằng trường-hợp của một bạn đồng-nghiep cựu sinh-viên y-khoa, thi có một môn đỡ đê, mà mất, tính ra 15 năm. Đến khi ông bạn già đậu rồi, thì vừa đến tuổi để về hưu.

Đó là những trường-hợp hi-hữu trong khoa-cử ở thời cận-đại. Dĩ-nhiên, đem so với thời mà « phụ-tử đồng khoa » thuở trước, hoặc những khoa thi mà bồ là thí-sinh, và con làm giám-khảo (bồ bị con đánh rớt), hai thí-dụ trên chưa đáng kể. Nhưng cũng cho ta thấy gương kiên-nhẫn hiềm có, đáng khen vậy !

Thường thường thấy con cái thi rớt, phản-ứng của phần đông các bậc

phụ-huynh là rầy la, hay si-nhục đũa trẻ, nhất là những vị nào quá chú-trọng đèn khoa-cử. Vừa để hả nỗi bực mình, như xâu-hổ vì đã chót để ra đũa con ngu dốt, lười đèn thề, vừa như để khuyến - khích, và đe dọa nhân thề : muốn sống, phải học nữa vào, học « như quốc kêu hè » mới là học.

Những phản-ứng nói trên của các bậc làm cha mẹ, tuy tự-nhiên, nhưng xét cho kỹ, không phải là những phản - ứng lành mạnh. Đã không có hiệu-lực thì chớ, có khi lại đưa lại những kết - quả trái ngược, bất ngờ.

Hàng năm, sau mỗi kỳ thi trung-học, hay tú-tài, có một vài học-sinh bỏ nhà đi, hoặc tự-vẫn, phần nhiều vì bị gia-đình mắng chửi.

Đứa trẻ, khi còn nhỏ tuổi quá, không quan-tâm đến việc thi cử, đồ hồng ra sao. Nhưng lớn lên mà thầy cứ lặn-đặn mãi, tự nó sẽ thấy buồn tủi ; và buồn tủi hơn khi thấy cha mẹ lúc nào cũng đem mình ra để đay nghiến, so sánh với anh chị em, bè bạn.

Nhiều khi chỉ với những lời trách móc của gia-đình mà đứa trẻ, mất cả tự-tín. Dần dần, nó đâm ra thụ-động, hoặc bất-động, ỳ ra, hay cùng quá, chông-đồi lại.

Nhưng nguy - hiểm hơn hết, do những phản-ứng của cha mẹ gây nên, là *tự-lì mặc-cảm, và mặc-cảm tội lỗi* của đứa trẻ đối với các người thân yêu : như tự xét mình không xứng đáng là đứa con ngoan, đứa con hiếu-dễ. Tâm-tính nó có thể biến đổi, hoặc không thì trong mỗi giao-thiệp giữa nó với thầy, với bạn và nhất là với gia-đình, tất cũng có rạn nứt, hay ít ra, thiếu tự-nhiên, như một bức tường ngăn cách vậy. Nhất là mỗi khi đứa trẻ thấy vì mình thi hồng mà hòa-khí trong gia-đình bị tổn thương, có những tiếng bác, tiếng chị giữa cha mẹ hay ông bà, đổ lỗi lẫn cho nhau, người bảo - chữa, bênh - vực, người kết tội...

Sớm thành-công ở học-đường chưa chắc đã là một điều đáng mừng

Nhiều trẻ lúc bé học giỏi, nhưng càng lớn lên học càng sút kém. Thường thường, đó là những đứa bị cha mẹ ép học, sớm quá. Tuy chúng thông minh, nhưng chưa được chín-chắn, chưa tới lúc *đề tâm, đề tri*

vào việc học. Nó đọc nhanh, viết rất nắn nót, chỉ cốt để người lớn khen, hoặc để thỏa lòng kiêu-hãnh, tự-ái riêng của nó. Một ngày kia, rùi bị vấp, thầy học đuổi sức, nó sẽ thất-vọng nhiều hơn trẻ khác.

Có trẻ, lên ba, lên bốn, đã biết đọc, vì bố mẹ kèm sớm, nhưng khi đến tuổi mà mọi trẻ khác mới bắt đầu ham đọc, thì chính nó lại bắt đầu thấy chán, không thích nữa. Như thế, nó đã lỡ mất cơ-hội để học có hiệu-quả nhất.

Một vài trẻ — ta thường mệnh-danh là « thần-đồng », mà sau này thời-gian đã cho biết, chỉ là « thần-đồng giả hiệu », vì bố mẹ ép học nhiều khi tuổi còn non, không biết tuổi nhỏ là gì.

Còn có một loại học-sinh, hoặc vì buồn cảnh gia-đình, hoặc bởi những lý - do không liên - can gì đến học-đường, vì bất-mãn mà « chúi » vào học, lấy sách đèn làm vui, như một nguồn an- ủi. Có khi thành - công ở học-đường rồi mà họ vẫn không muốn rời ghế nhà trường, để khỏi phải tiếp-xúc với xã-hội, khác nào họ lẩn-tránh những nỗi khó-khăn của đời sống thực-tại, thực-tại cụ - thể, và ăn - náu trong trừu-tượng. Sự thành-đạt nói trên, dưới con mắt của các nhà bác-học, là triệu-chứng của bệnh thần-kinh, tuy không trầm-trọng, nhưng cũng không phải là một điều đáng mừng.

Hỷ-sinh tuổi thơ, tuổi thanh-xuân cho việc học để rồi không thích-nghĩ được với mọi sự đòi hỏi của đời

sống thực-tế, có nghĩa là đem hết cố gắng, nghị-lực, khả-năng, đổ dồn vào một bên, ta hiểu rằng sẽ mất thế quân-bình trên mọi lãnh-vực.

Khi trẻ đến tuổi dậy-thì, các bậc làm cha mẹ có bao nhiêu văn-đề cần phải giải-quyết, nếu muốn cho việc học của con cái đem lại kết-quả tốt đẹp. Thí - dụ, đến tuổi dậy - thì, cần phải giữ gìn sức khỏe nhiều hơn, nếu học đến lao lực, sẽ phải trả những văn-bằng với một giá rất đắt. Chúng tôi liên-tưởng đến các dưỡng-đường để trị bệnh lao, hay các chứng bệnh thần-kinh, trong đó, nhất là ở bên Âu-Châu, những sinh - viên chiếm một phần lớn.

Cũng may là hiện-thời, số học-sinh và sinh-viên Việt-Nam mắc bệnh lao và bệnh thần-kinh — tương - đối — còn ít ; nhưng không phải ít mà các bậc phụ-huynh không lưu-tâm, để phòng trước.

Kết-Luận.

Các bậc phụ-huynh quá chú-trọng đến việc học của con em, nhất là việc thi-cử, hoặc sợ thi hỏng, hoặc muốn đỗ cho bằng được, nhiều khi chỉ làm cho trẻ bồi-rối, lo-âu, sao-nhãng việc học, và coi học như một hình-phạt vậy.

Học-hành tận tới đỗ đạt là một điều đáng mừng, làm cho trẻ phần-khỏi thêm, miễn là một sự thành-tựu tự-nhiên.

Cũng có những sự đắc-thắng đáng quý mà không do sự học ở học-đường ra. Có những điều học - hỏi

quan-trọng lĩnh - hội ở ngoài học-đường.

Ta không nên quá lưu - tâm đến những điểm phê trong lớp, hoặc đem so sánh kết-quả của trẻ này với trẻ khác, hoặc căn-cứ vào mảnh bằng để đánh-giá sự thành-công của một học-sinh. Thi đậu hay rớt, chỉ nên coi như những thắng-lợi, hay thất - bại còn con, tạm-thời, không đáng kể.

Vẫn hay rằng học-đường rất cần cho trẻ, nhưng ta đừng nên quan-niệm sự thành công ở học-đường như một cái đích, mong sao đạt tới được rồi là mãn nguyện. Hãy để cho trẻ nhìn xa hơn học-đường, sống thêm ở ngoài học-đường nữa.

Điều cốt-yếu, có thể coi như một đắc-thắng thật sự, là làm sao cho đứa trẻ, dù đang cấp sách đi học, dù đã rời khỏi ghế nhà trường rồi, vẫn có nhiệt-hứng đối với sự học, vẫn cố gắng luôn luôn, ham học, để mở rộng kiến-thức, không vụ lợi hoặc vụ danh, coi sự đọc sách « như một thú vui êm đềm, tao nhã » (Maurois), coi làm việc như một « phương-pháp duy nhất để nghỉ ngơi » (Duhamel).

Tóm lại học-đường chỉ là một phương-tiện. Điều quan-trọng không phải ở phương-tiện, và chỉ có mục-tiêu, hoài-bảo mà con người ta ấp-ủ trong lòng, theo đuổi cho tới cùng, rồi thực-hiện được, mới có thể cho ta biết đâu là thành, và đâu là bại thôi !

NGUYỄN-HỮU-PHIÊM

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

BỆNH THỜI-ĐẠI

★ MỘNG - TRUNG

Anh Ng.

CÓ lần hỏi tại sao tôi nghĩ bệnh tôi là một trong các chứng bệnh thời đại. Anh nghĩ rằng tôi đã tự quan trọng hóa chăng? Vậy hôm nay kể sơ bệnh tôi để anh định tên cho nó mặc dầu anh không phải là bác-sĩ. Như thế để anh thấy một chứng bệnh kỳ dị đã hành hạ thân xác con người vô cùng, mà không hề lưu lại trong ngũ tạng lục phủ hay trên thân thể bệnh nhân một dấu vết gì, để khi xem bệnh hay rọi kiến bác-sĩ có thể bảo là mình đau được.

Bệnh hành gầy người mà từ lúc đau cho đến khi lành bệnh, bác-sĩ không cho thuốc chi khác hơn là thuốc ngủ và thuốc khỏe. Năm 1947 tôi đau thập tử nhất sinh, nằm liệt 8 tháng trời không đi đứng được với chứng này. Thế mà lúc đó bác-sĩ nào cũng bảo tôi chỉ cần tĩnh dưỡng, đừng lo nghĩ, phiền muộn, đọc và nghe chuyện vui, thỉnh thoảng đi dạo mát đổi gió thì sẽ mạnh. Tôi thấy tôi đau thật mà nghe mấy ông bác-sĩ nói thế, tôi có cảm giác bệnh tôi giống như bệnh làm biếng. Tôi không hài lòng chút nào và có

khí giận nữa là khác. Có ông cho tôi biết sau trận giặc 1945 số phụ nữ đau như tôi rất nhiều, ông cũng không cho họ uống thuốc chi khác hơn thuốc ngủ, thuốc khỏe và chỉ họ cách trị bệnh như ông đã chỉ cho tôi.

Khi sang Pháp có lẽ nhờ khí-hậu và hoàn cảnh đổi khác mà tôi lành bệnh lúc nào tôi không hay. Từ đó đến nay đã nhiều lần bệnh tái phát, tôi tự trị bệnh cho mình như lời bác-sĩ rất có hiệu quả. Theo kinh-nghiệm tôi đoán có lẽ người đàn bà năm 1945 sống xa chồng, một thân yếu đuối có khi còn phải đùm bọc con thơ, họ đã đem hết sức mình chống lại và chịu đựng bao nhiêu biến đổi trong nội tâm và ngoại cảnh; rồi hậu-quả hãi-hùng lao-khổ trong lúc sống dở chết hụt ấy đã vật ngã những người yếu thần-kinh chăng?

Ngày nay sự tiến-bộ của máy móc và khoa-học làm cho mức sống càng ngày càng cao, ngoài những nhu cầu quan-hệ cho sự sống hằng ngày, còn có những dụng-cụ mà trước kia người ta chỉ xem là xa-xỉ-phẩm, nay cũng trở thành cần-thiết. Phải tranh-đấu khó-khăn chật vật để

được các thứ ấy, thiếu nó, con người không đủ sức để hoàn-thành công việc hằng ngày và cũng không có thì giờ để thờ mà sống nữa. Tôi cũng như mọi người cần-lao khác, hết ngày suốt tháng phải hoàn-thành công việc theo khuôn khổ có sẵn và trong một thời-giờ bất-định như cái máy. Sự cố-gắng theo đuổi đó cứ mỗi ngày một ít, căng thẳng thần-kinh đến cực-độ và tôi đã bị bệnh vật ngã; không khác nào như sợi dây thun bị kéo giãn hết sức của nó quá lâu ngày, rồi nó ngay chừ mà không còn dùng được cho đúng với công-dụng của nó nữa.

Xét nguyên-nhân bệnh mình, đồng-thời chung quanh tôi có rất nhiều người mắc bệnh trên đây, tôi càng tin rằng chứng này là một trong nhiều hình-thức của bệnh thần-kinh.

Anh Ng. này, khi mình không cần khổ công nghiên-cứu, tìm tòi mà mình vẫn thấy dễ-dàng trạng-thái bệnh phát-hiện một cách tự-nhiên — nó có rất nhiều ở thời-đại này mà không có ở thời-đại khác — như thế anh có đồng-ý với tôi mà cho đó là chứng bệnh của thời-đại không?

Mọi biến-chuyển đánh dấu sự hiện-diện của nó trong giai-đoạn nó đang sống. Trong thời-đại chúng ta hiện nay, những biến-chuyển mà kết-quả đã làm vơ-vang phong-phú thêm cho lịch-sử nhân-loại một phần lớn đều do sự tiến-bộ của khoa-học. Nhưng cũng vì đó mà có thêm chứng bệnh thần-kinh tuy không giết người cấp thời, nhưng hậu-quả của nó nguy-hiểm không kém các chứng bệnh truyền-nhiễm khác — nó đang mãnh-phát dưới nhiều hình-thức và lan tràn trầm-trọng trên thế-giới.

Hắn anh cũng thấy bên Mỹ hiện nay người ta uống thuốc « an thần » hằng bữa và số người đi thầy thuốc chữa bệnh thần-kinh càng ngày càng nhiều thêm. Bên Pháp này ngoài những cái tên thật kêu như Brigitte Bardot cắt mạch máu tự vận, Jacques Charrier và nhiều người khác nữa mà tôi không nhớ tên bị vào nhà thương vì phát khùng còn có những đôi vợ chồng giết nhau, những bà mẹ giết hết bầy con rồi tự-tử, những người cha không chịu được tiếng khóc, đã giết con hoặc giết người không phải một lý do đáng kể mà chỉ vì thần-kinh bị náo-động trong giây lát. Có người xem sự giết chóc hay đốt nhà gần như cần-thiết đối với họ, tuy họ chưa điên. Thấy những tin giết người, tự-tử đăng nban-nhân hằng ngày trên mặt báo tôi tự hỏi: Còn có bao nhiêu bi-kịch thảm-cảnh do chứng bệnh thần-kinh gây ra mà mình không biết hoặc chưa nghe thấy? Đọc báo, tôi thấy bên ta cũng không kém.

Thú thật với anh, trong đầu tôi đã có sẵn hình ảnh hiền hòa của người dân nước Việt, nên khi mới sang Pháp tôi cũng khiếp-đảm khi đọc mỗi ngày những tin hãi-hùng này. Tôi không thể tưởng-tượng được tại sao người ta có thể biến thành kẻ sát-nhân dễ-dàng đến thế. Nhưng sống những năm dài bên này, lần lần tôi hiểu được một phần nào lý-do đã khiến người ta làm những việc quái-ác ấy. Nói thể không phải buộc tội riêng hoàn-cảnh hay chế-độ xã-hội của một nước nào đã khiến người ta trở thành những kẻ sát-nhân hay bệnh nhân hết, mà chỉ nói chung là: bệnh ấy hiện nay ở nước nào cũng có mà nhiều nhất là ở những nước kỹ-nghệ đang bành-trướng.

Sức sản-xuất càng mau lẹ dồi-dào, hàng hóa càng tinh-xảo và cách trình bày càng đẹp đẽ, bắt buộc con người phải tính, toán tìm tòi, chạy đua với máy móc để tranh sống. Vì thế tinh-thần và thể-xác con người không lúc nào được yên tĩnh, dầu là người ở trong giai-cấp nào cũng vẫn bị lôi cuốn trong guồng máy tiến-hóa của xã-bội; nhất là những người yếu thần-kinh đã không tránh khỏi bị vật ngã bằng cách này hay cách khác.

Anh xem, giải - quyết vấn - đề no - ấm trong thời-đại nguyên-tử này khó-khăn cực-khổ gấp mấy lần hơn thời trước: chẳng những con người phải trả bằng tất cả sức lực và cân-não của họ mà cả đến thì giờ, họ cũng không tìm đâu ra được một ít để có thể gọi là thư thả hay thì giờ đó là của họ. Đàng khác, nạn nhà phố khan và mắc mớ vì dân số càng ngày càng đông. Những người ở cách Ba-lê năm bảy chục cây số vẫn phải đi xe mỗi ngày đến sở làm rồi tối về là sự thường. Lúc nào họ cũng bươn-chải, hấp-tấp lấy xe đi cho kịp chuyển, về cho đúng giờ. Vì thế mà họ không còn thì giờ về nhà ăn cơm trưa. Số người ở lại sở ăn một khúc « bánh mì thịt nguội » (Sandwich) hoặc ăn ở « Self service » rất nhiều. Ăn ở « Self service » nghĩa là vào tiệm cơm làm đuôi đợi đến phiên mình thì tự lấy mâm sắp đồ ăn vào (mỗi món đều có kê giá sẵn) dọn lấy mà ăn, như thế đỡ tốn thì giờ và tiền cho bồi bàn. Phụ-nữ Pháp cũng chịu chung cảnh cực-khổ như đàn ông vậy. Chỉ có những bà may-mắn khỏi phải ra ngoài làm việc kiếm sống, thì hàng tháng họ phải phân chia số tiền chồng đưa cho đủ vào các khoản chi-tiêu, tính toán thì giờ để hoàn-tất công việc

nhà, rồi thì không gì làm khổ và căng-thẳng thần-kinh họ cho bằng chuyện « làm đuôi ». Bên này bất cứ anh đi đâu và làm gì đều phải làm đuôi — thậm chí khi anh muốn đi coi hát thì trước khi hưởng trò tiêu-khiển đó anh phải làm đuôi dài hơn ở đầu hết. Nhiều khi làm đuôi trong lúc mưa tóa tuyết rơi.

Xưa kia, tôi cũng như anh và bao nhiêu người khác mỗi khi nghe ai nói đến việc đi ngoại-quốc, nhất là đi qua các nước kỹ-nghệ cực-thịnh, thì tôi hình-dung ngay một cách sống vô-cùng sung-sướng. Nhưng anh Ng. ạ, ở đây có dư ganh đua, tung bừng mà thiếu nhàn hạ, yên tĩnh. Chỗ nào cũng có tiếng động. Trong sở thì máy móc chạy rầm rầm, thợ thầy rộn rịp. Ngoài đường người ta, xe cộ huyên-náo, kẻ đi bộ phải nhìn tả, hữu, chen, chạy, làm đuôi. Người có xe thì kẹt tới kẹt lui vì nạn xe nhiều và đèn xanh, đèn đỏ. Giải trí cho người lớn có khiêu-vũ giựt gân, những trò xiếc đi giầy, nhào lộn trên không rất nguy-hiểm, có phim khiêu-dâm, có dâm bò, đánh « bốc », vật lộn. Cho trẻ con thì có phim cao-bồi, trinh-thám, bắn giết. Rải rác ngoài đường trong thành phố có những trò chơi nguy-hiểm như bắn súng, xe hơi đụng, đi máy bay, xe lửa điện trùm kín người vào trong rồi chạy vòng tròn hết tốc-lực. Tiếng rầm rầm do máy móc điều-khiển các trò chơi này nổi lên trong điệu nhạc chát tai, điếc óc. Con người quay cuồng và nhịp sống bình thường trong thân-thể họ bị xáo trộn. Thần-kinh họ bất cứ ở đâu và trong trường hợp nào đều có thể bị hao mòn mỗi khi một ít.

Anh lại không thể nào tưởng-tượng được cách buôn bán mới mẻ và « rút gân »

con người như dưới đây : « chợ bù-chét » (Marché aux puces) là chỗ chứa những vật cũ kỹ hoặc đang vứt đi từ thuở xưa xưa còn sót lại. Loại nào và giá nào cũng có, có cả những món đồ cổ của Tàu, Nhật, Ấn-Độ, Cao-Miên, Việt-Nam. Đến đây, người ta muốn xem hơn là muốn mua, và nếu mua thì thường là những món rẻ mạt mà thôi. Trong cái không khí bơ-thờ ít ước muốn và không ai bắt buộc đó bất thần có tiếng rang rang nổi lên. Thiên hạ tựu đến xem thì đó là một ông « đập thần-kinh lành nghề ». Ông ta bưng trong tay một chồng chén đĩa thứ hảo-hạng đưa lên cao rồi miệng hô-hô một tràng văn quảng-cáo, xong rồi ông ta mời khách mua. Mời đôi ba lần mà không có hiệu-quả, tức thì ông ta lấy sức đập nát chồng đĩa chén ra từng mảnh. Đập vài chồng như thế thì chắc chắn có ít người đưa tay chịu mua. Bán xong một loạt, lớp khách cũ đi rồi thì ông ta bắt đầu đập lại để « chiêu khách mới » ! Nhiều khi ông ta vừa muốn đập thì có vài bà hốt-hoảng nhảy vào can và năn-nỉ rằng : bà đã mua những hai lần rồi, bà yêu cầu đừng làm khổ bà nữa. Đó cũng là một dịp để ông ta bót « làm nư » và dỡ hao chén đĩa.

Tôi rất ghét cái lối đập thần-kinh mãnh lới này, nhưng anh biết không ? Nhiều khi chính tôi cũng là nạn nhân nữa. Buồn cười nhất là tôi không thấy thích món hàng tôi mua chút nào, nhưng không làm sao chịu được khi thấy nó đập vụn-vụn một cách tàn-nhẫn.

Lối buôn bán này gần đây đã truyền-nhiễm. Ở các phiên chợ nhóm, tôi thường thấy những ông đập thần-kinh bằng cách liệng « drap », khăn lông, khăn ăn, nắp bàn

trắng tinh xuống vũng nước dơ khi mời khách không mua. Có lẽ khách hàng thấy ông ta còn có thể giặt lại mấy món ấy được, hơn nữa cách đập thần-kinh của ông chỉ kêu xem-xẹp không làm khách hàng nóng ruột bằng tiếng bẻ rôn-rôn của chén đĩa chẳng ? Thái-độ lưng chừng của khách hàng làm ông ta nảy ra chiến-thuật mới, ông ta bèn nạt vài vào mặt khách « đồ mạt kiếp », tức thì ông bà nào muốn đứng lại xem hoặc tỏ ra mình « không mạt » thì liền đưa tay chịu mua.

Không biết anh nghĩ thế nào, chớ tôi thì chán quá. Tôi chỉ muốn trốn tất cả để về nằm yên trong một góc phòng. Nhưng anh biết không ? Nào có được yên tĩnh chỉ cho cam. Cũng như thiên hạ, tôi lại tiêu-pha thần-kinh với những tin máu : những tin đã làm giàu phần nào cho các nhà báo. Nghe vô-tuyến-điện để theo đà tiến-hóa của nhân-loại và để mừng, vui buồn, giận với những biến-chuyển trong bốn bể năm châu.

Dài theo cuộc sống hiện thời, tâm-thần con người bị náo-động liên-tục, chầy: đâu có ai còn thấy được những giấc mộng, vàng như người ta thường kể trong các truyện thời xưa anh nhỉ. Người thời nay chỉ mong có một giấc ngủ từ nửa đêm đến sáng, khỏi bị mộng-mị hãi-hùng để lấy sức mà sống thêm một ngày mai huyền ảo nữa kể cũng đã may lắm rồi.

Theo tôi, nếu con người chưa điên, chưa nằm liệt, thì việc uống thuốc « an thần » mỗi ngày cũng là có lý vậy. Chỗ nguy hiểm nhất là khi mình biết được người nào đó là nạn-nhân của chứng bệnh thần-kinh thì đã trễ. Họ đã làm xong bao nhiêu việc quái-ác hoặc họ đã đến lúc ngã quy. Vì vậy bên Pháp người ta đưa

các tội phạm đi bác-sĩ khám bệnh thần-kinh trước khi đem họ ra xử áo.

Ngoài ra còn có một số người mắc bệnh thần-kinh với bình-thức khác và nhẹ hơn. Số người này cũng khá đông. Họ không nằm la-liệt mà trái lại họ là những người mạnh khỏe, lễ độ và luôn luôn ăn vận bảnh bao. Nhưng họ « net-vơ » cho đến nỗi họ hút thuốc một ngày không biết mấy gói, chưa tàn điếu này đã châm điếu khác. Có khi họ không hay họ đã dụi tắt lúc nào và đốt lúc nào. Ngồi hay đứng đâu họ cũng không giữ được trầm tĩnh. Tay họ vuốt mặt vuốt mũi sửa « cà-vạt » hoặc vuốt đầu hay xoa vào nhau liên liên. Chờn họ thay đổi bộ luôn ngồi cũng như đứng và khi có dịp nói thì họ múa máy nhiều hơn ý chuyện họ muốn nói.

Những người này, nếu họ chưa làm bậy hay nằm liệt thì những cử chỉ đã thành « tật » kia là bằng chứng của sự chịu đựng trường kỳ của họ đấy.

Đến đây tưởng đã quá dài trong phạm vi một bức thư. Vậy xin hẹn anh thư sau, tôi sẽ bàn với anh về một hình thức khác nữa của chứng bệnh thời-đại này.

MỘNG-TRUNG

Cáo lỗi

Vi lý do kỹ-thuật nên chúng tôi phải đề bài Ibn Séoud của Ông Nguyễn-Hiến-Lê đăng tiếp trong kỳ tới.

Trân trọng cáo lỗi cùng tác-giả và bạn đọc.

B. K.

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Ván-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

V. — CÁC HỌA-PHÁI THỂ-HIỆN

★ DOÀN-THÊM ★

*
* *

Biểu-hiện Expresslonnisme

TRONG các họa-phái thể-hiện, không có nhóm nào khó định nghĩa hơn Biểu-Hiện ; có lẽ vì thế không thấy tác-giả nào thử dùng một câu hay một công-thức để tóm tắt những đặc-tính của phái này, như ở vài tự-diễn.

Coi Larousse, thấy là xu - hướng của nghệ-sỹ hay văn-nhân biến đổi thực-tế mà tả theo cảm xúc riêng của mình « *tendance de l'artiste, de l'écrivain à transposer la réalité selon sa sensibilité personnelle* ».

Song ngoại trừ nhóm Tả - Chân Réalistes, nghệ-sỹ chẳng nhiều thì ít, nhất là từ thế-kỷ XIX, cũng tùy cảm mà biến hình đổi sắc. Monet vẽ nhà thờ Rouen toàn bằng ánh sáng lung linh, hay Gauguin căn cứ vào tính-cách bí-huyền của màu, rồi tô bờ biển đỏ hoặc trời xanh-lá-cây : chẳng lẽ cũng liệt vào Biểu-Hiện ?

Đào-Duy-Anh trong bộ Hán - Việt, bảo là « một thứ chủ-nghĩa hiện nay « rất thịnh-hành trong văn-nghệ-giới « và mỹ-thuật-giới nước Đức, cho « rằng nghệ-thuật là biểu-hiện ba cái : « thể-nghiệm, tinh-thần, chủ - quan, « chứ không phải là miêu tả những « ảnh-tượng ».

Trước hết, Biểu-Hiện không những chỉ ở Đức, mà còn phát triển tại Pháp, Ý, Y-Pha-Nho, hay Hoa-Kỳ... (1) « Thể-nghiệm, tinh-thần, chủ-quan » có thể thấy ở hầu hết các họa-sỹ hay thi-nhân, chẳng riêng gì cho Biểu-Hiện.

(1) Ở Đức : nhóm Die Brücke, với những họa-sỹ E. L. Kirchner, Erich Heckel, Karl Schmitt...

Ở Bỉ : nhóm L'Art et Vie, với Permecke, Van den Berghe, De Smet

Ở Y-Pha-Nho : Isidre Nonell, Gutierrez-Solana

Ở Hòa-Lan : Charley, Troopp, Suyters

Ở Pháp : Georges Rouault, Goerg, Soutine, Gromaire, Chagall, Picasso, La Patellière, v v...

Ở Mỹ : Rottman, Kuaths, Ségal, Rivera...

Lại mới đây, nhân dịp Triển-Lãm hội-họa mùa xuân Tân-Sửu ở Saigon, lời giải thích ghi là của Hội Thẩm-Mỹ Pháp Société Française d'Esthétique, được ban Tổ-chức phỏng dịch như sau : « thuộc phái Biểu-Hiện, những « họa-sỹ nào đã không vẽ cảnh « vật theo đúng thực-tại thiên-nhiên, mà lại còn phóng đại « thần-sắc hình-thể hay màu sắc « của cảnh vật đó một cách quá « đáng để có thể đi đến một sự « sáng-chẽ một vài chi-tiết hoặc « một vài hình vẽ mới ».

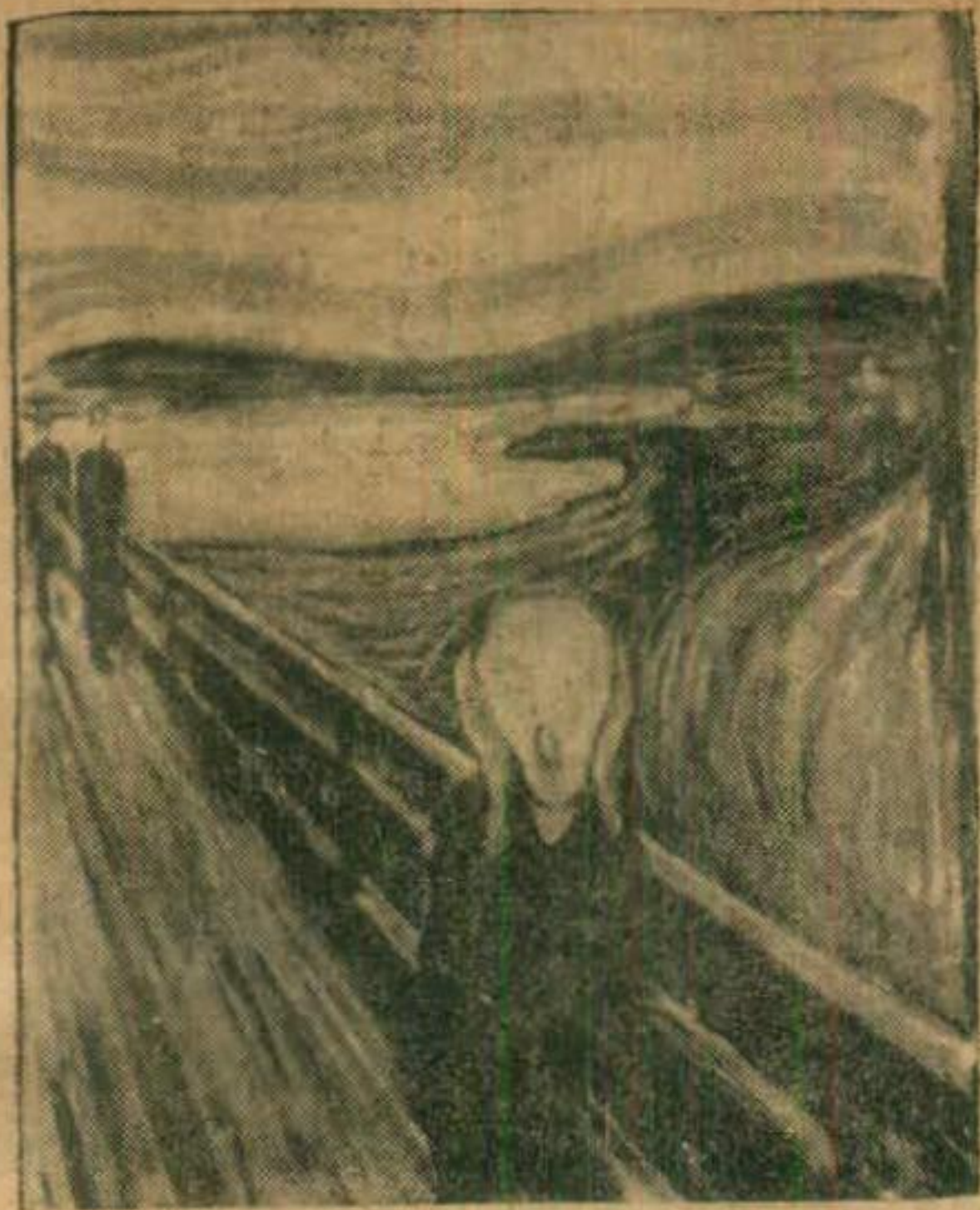
Chữ « phóng-đại » kể trên, nếu quả dịch ở tiếng Pháp « exagération », thì nên hiểu là sự thái-quá có dụng-ý, sự thoát-ly khỏi những hình sắc quen thuộc vẽ theo thực-thể hoặc với những tỷ-lệ cân đối vừa phải. Song những đường nét lệch-lạc những màu khác thường, không phải có mục-đích « đi đến một sự sáng-chẽ một vài chi-tiết hoặc một vài hình vẽ mới » : vì nếu thật như vậy, thì sẽ chẳng khác gì Lập-Thể hay một số họa-sỹ nhóm Trừu-Tượng sau này vẽ lời khách-quan không vui không buồn, để tạo hình hoặc khám phá những thể mới (création plastique objective).

Trái lại, họa-sỹ Biểu-Hiện chú trọng trước hết đến nội-tâm, theo những rung động tình cảm mà phóng bút, chỉ mượn những hình những sắc quanh mình mà bộc lộ tâm-hồn, và ở trường-hợp sắc hình thực-tê không

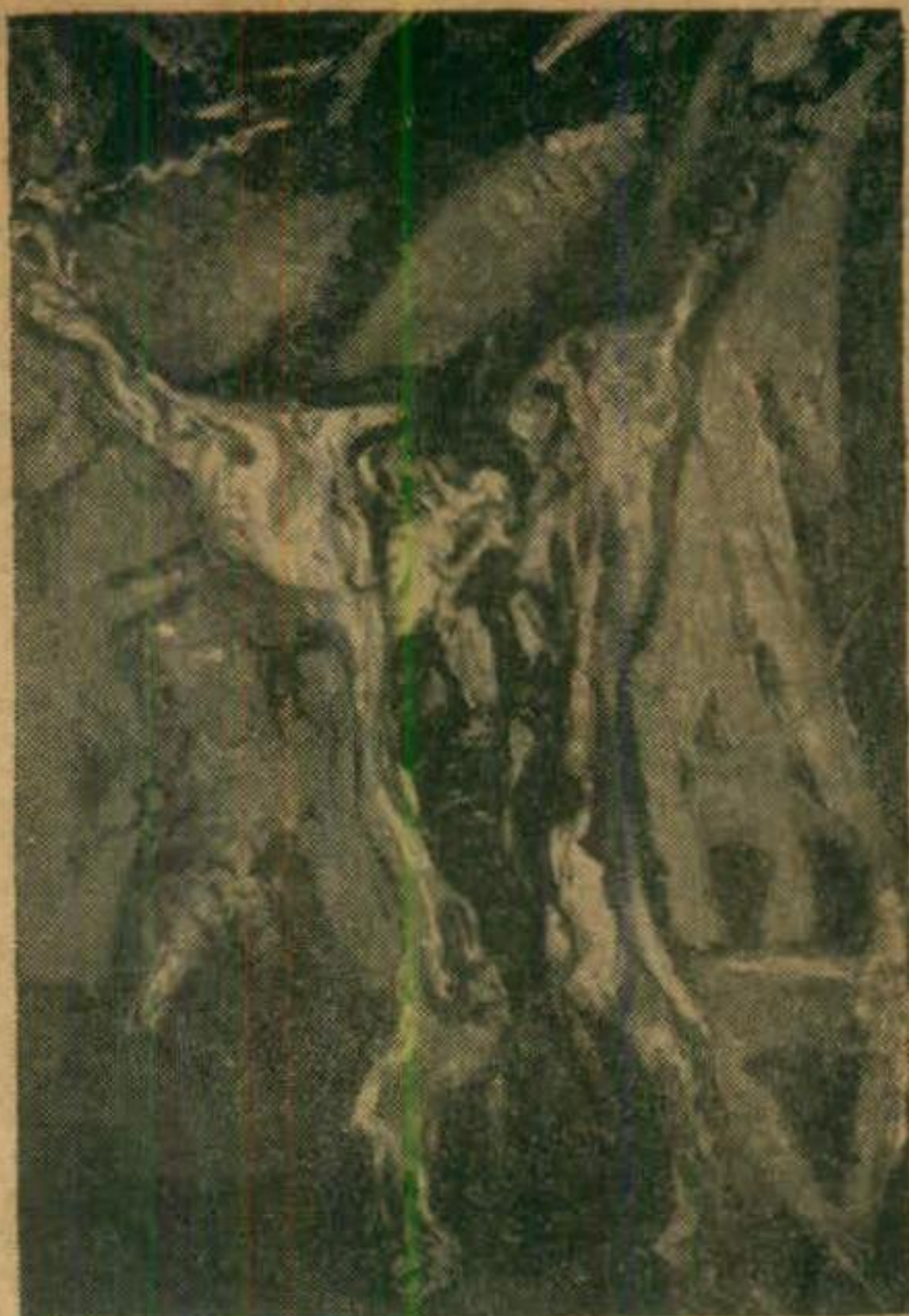


Đau khổ, 1882 của Van Gogh.

đủ đáng vẽ phản chiếu những nỗi niềm của họ, thì họ không ngần-ngại bóp méo, bẻ gãy, uốn cong, xô lệch các khuôn khổ, biến hóa nét màu thê nào cho hợp với cảm xúc và phơi bày được những cảm xúc đó ra : không ai « chủ-quan » bằng họa-sỹ Biểu-Hiện, và thiết nghĩ về điểm này, nên nhường lời cho người được coi là cao-tổ Expressionnistes, Vincent Van Gogh :



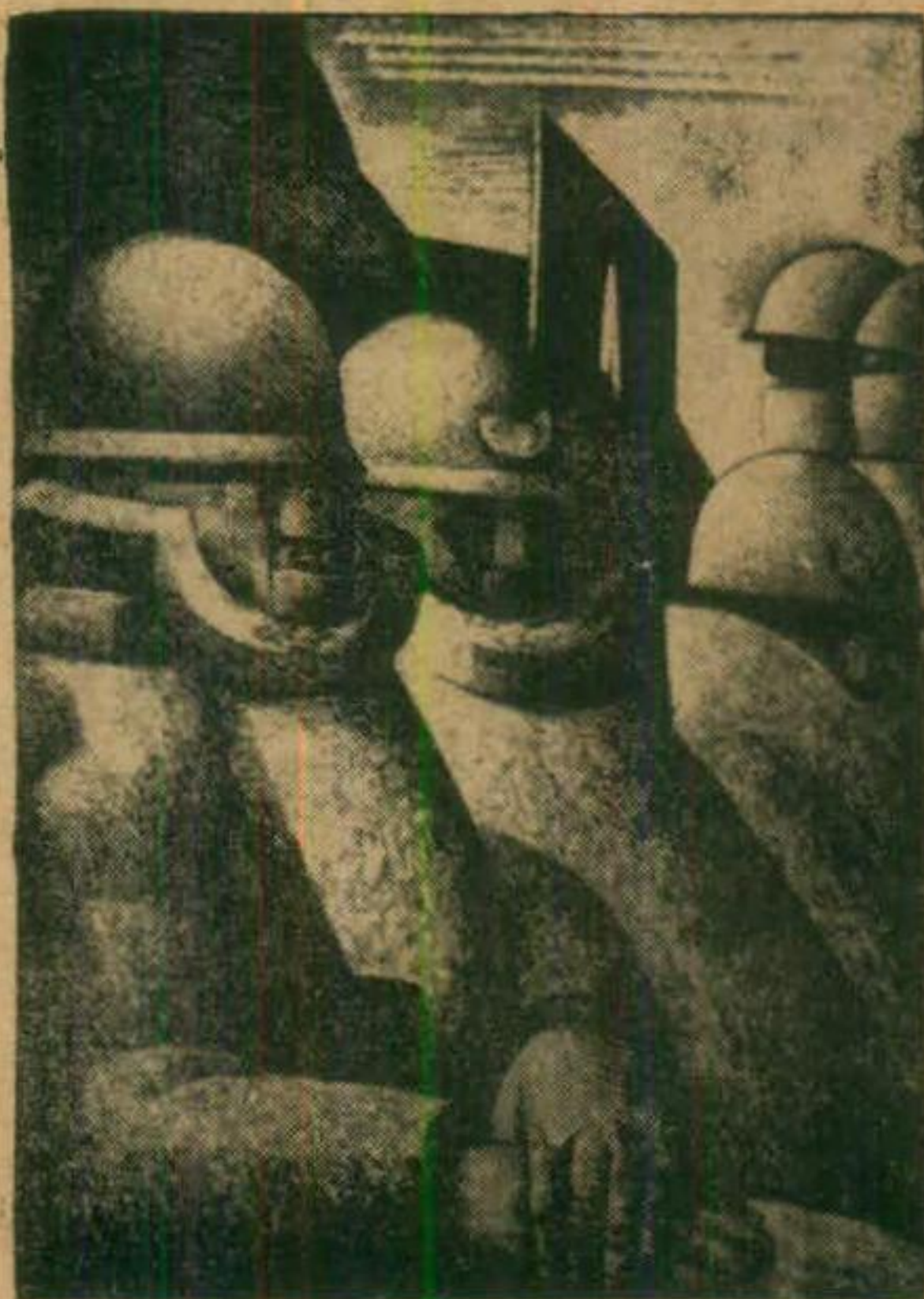
Tiếng kén — le Cri 1893
của Edward Munch



Bò bị mổ và lột da, Boeuf
écorché 1926 của Chaïm Soutine



Uyên ương Le Couple 1905
của Georges Rouault



Chiến tranh, [La Guerre 1925
của Marcel Gromaire

THÙ TÌM HIỀU HỘI HỌA

— « Tôi muốn vẽ một bạn họa-sỹ, một kẻ ấp-ủ những mộng lớn, làm việc hồn-nhiên như chim sơn-ca véo von... Hẳn sẽ có tóc vàng. Tôi muốn tô trong bức họa ý nghĩ của tôi về phẩm-giá của hẳn, và tình thương của tôi đối với hẳn. Thoạt-tiên, người hẳn thể nào tôi vẽ như thể, cồ cho giống. Nhưng chưa phải như thể là xong. Muốn vẽ nốt, tôi bôi màu một cách phi-lý. Tôi tô cho tóc quá vàng. đi tới màu cam,... Sau đầu hẳn, đáng lẽ chỉ vẽ bức tường tấm-thường của căn phòng ti-tiện, tôi họa hư-không vô-cùng vô-tận với màu xanh cực xanh, màu xanh rực nhất mà tôi có thể biến chế được, và nhờ sự kết hợp như trên, đầu bạn tóc vàng sáng trên nền xanh lộng lẫy, gợi ra một cảm tưởng bí-huyền như ngôi sao trên trời cao thẳm... » (1) Lần khác, Van Gogh lại nói: Tôi đã cồ bộc lộ với Đỏ và Xanh-Lá-Cây những tâm-tình cuồng-nhiệt kinh-khủng của con người (2).

(1) « Je voudrais faire le portrait d'un ami artiste, qui rêve de grands rêves, qui travaille comme le rossignol chante.. Cet homme sera blond. Je voudrais mettre dans le tableau mon appréciation, l'amour que j'ai pour lui. Je le peindrai donc tel quel, aussi fidèlement que je pourrai, pour commencer. Mais le tableau n'est pas fini ainsi. Pour le finir, je vais maintenant être coloriste arbitraire. J'exagère le blond de la chevelure, j'arrive aux tons orangés,... Derrière la tête, au lieu de peindre le mur banal du mesquin appartement, je peins l'infini, je fais un fond simple du bleu le plus riche, le plus intense que je puisse confectionner, et par cette simple combinaison, la tête blonde éclairée sur ce fond bleu riche obtient un effet mystérieux comme l'étoile dans l'azur profond... »

(2) « J'ai cherché à exprimer par le rouge et le vert les terribles passions humaines ».

Tâm-tình cuồng-nhiệt kinh-khủng đó là những gì ? Là những nỗi thất-vọng vì tình-ái, những uất-hận, vì cuộc đời cay đắng giữa những mâu-thuẫn xung-đột, khiến cho lòng họa-sỹ quặn đau như nét bút (V. Gogh). — Là những thông-khổ trong hoàn-cảnh bán-cùng hoặc đầy rẫy bất-công vô-lý của xã-hội và khát vọng thiết-tha kêu gọi tình thương siêu-việt (Georges Rouault, sinh năm 1871 ; Chaïm Soutine 1894-1943) — Là những thảm-họa trên thể-gian này, do tình-dục, bệnh-hoạn, sấu-não, tang-thương, và bao nhiêu trạng-huồng bi-đát của con người yếu hèn trước cuộc đời và sự chết (De Munch 1863-1944) — Là những sự đảo lộn tàn ác của chiến tranh và sự hoang-mang hoảng loạn của những ai chứng kiến những biến chuyển của một thời-cuộc xô đẩy vào máu lửa hoặc đã từng trải những thời-kỳ bom đạn của hai cuộc Đại-Chiến trong 40 năm qua (Picasso sinh năm 1881 vẽ những tranh đầy ý-nghĩa chua chát và phần hận như Guernica 1937 ; - Gromaire sinh năm 1892, với những đề-tài chiến-tranh như La Guerre, 1925). . .

Mắt nhìn như vậy, lòng đau như vậy, làm sao tranh có thể óng ả như của Corrège, lộng lẫy như của Rubens, hay thơ mộng như của Monet, sáng tươi vui sống như của Matisse ? Đây chỉ toàn những người cuộc đường, cạo lờ sượt, đàn bà thôn quê lem luốc ; những quan tòa bất-công, những



Một kiệt-tác của Picasso, tranh Guernica vẽ năm 1937 nhân cuộc nội chiến Y-Pha-Nho

phụ-nữ bán thân nuôi miệng, những ngựa hí nhe nanh trước con nít chết là, những binh-sỹ sừng sững như gỗ đá liễu cản quân thù... Các bộ mặt thường nhăn nhó, bao nhiêu lưng còng gồi mồi, hay thân tàn ma dại gãy gục trước sò-mệnh... Cho nên, nét bút không thể mềm mại cân đối, song nghịch ngoạc méo mó, vùi dập tàn nhẫn như cuộc đời. Màu sắc phải như âm thanh rền rĩ, thét gầm, xạm tối khác nào những ngày mai không ánh sáng, đỏ rực như máu, xanh lè như đêm thâu đầy hoảng sợ (Van Gogh dùng màu đen để tả lo âu, Picasso ưa màu xám xanh buồn thảm, Rouault nhiều khi bôi xăm đậm hay son đỏ lòe cạnh xanh lơ...)

Phong-trào Biểu-Hiện, phát động mạnh từ đầu thế-kỷ này, có

cơ tiền triển lâu dài hơn nhiều xu-hướng thể-hiện khác: Tân Ấn-Tượng mất theo Seurat và Signac, Dã-Thú Fauvisme chỉ bùng bột được vài năm (1905-1908), Lập-Thể nghiêm khắc không lan rộng nữa sau Đại-Chiến I,... song Biểu-Hiện còn được nhiều họa-sỹ sau Đại-Chiến II và hiện nay tiếp tục noi theo; tuy đề-tài hoặc hình-thức đổi mới, mục-tiêu nhiều khi vẫn tương-tự như của họa-sỹ Na-Uy Edvard Munch đã nêu ra từ 1889, nghĩa là tả những con người sống động, cảm xúc, biết yêu và chịu khổ « *Je veux représenter des êtres qui respirent, qui sentent, qui aiment et qui souffrent* ». Phải chăng Biểu-Hiện bền bỉ vì thích-hợp với nhu-cầu thông cảm trong đau thương, và chỉ có đau thương bất-tận mới đưa tới sáng-tác trường-cửu (*Les*

meilleurs tableaux expressionnistes sont des cris désespérés : Marcel Gromaire). (1).

*
* *

Siêu-Thực Surréalisme

Trong thời-kỳ Đại-Chiến I (1914-1918) một số nghệ - sỹ bất-mãn, từ các nước Âu-Châu lánh sang Thụy-Sỹ. Họ thường tụ họp để bàn cãi đả phá các chế-độ chánh-trị, và các lý-thuyết triết-học, văn - chương, hội-họa : thi-sỹ Tristan Tzara người xứ Lô-Mã-Ni, thi - sỹ Đức Hugo Ball, họa-sỹ Lô Janco, họa-sỹ Đức Hans Arp v.v... Họ tự xưng là nhóm Dada, và gây phong-trào Dadaïsme.

Họ không vạch ra một đường lối nào rõ rệt, không chủ trương xây dựng gì hết, ở mọi lãnh-vực nói chung, và ở hội - họa nói riêng. Họ phủ nhận tất cả các qui - tắc, các quan-niệm nhân-sinh nghệ - thuật, và phương-pháp của họ, là sự sàm-báng và kích-động các giới bảo-thủ bằng mọi ngôn-ngữ hoạt - động lơ lửng, ngông cuồng, để khiến cho sững sốt.

Ngay danh-hiệu đặt cho nhóm cũng có tính-cách lập-dị. Đột-nhiên họ mở tự-điển Larousse, chỉ tay bói xem vào chữ nào : Dada ; thế là họ dùng ngay chữ đó. Hỏi có nghĩa gì ? họ

(1) Câu này nhắc lại văn thơ của Alfred de Musset :

Những thi-ca hay nhất là những tiếng khóc
bị thương tuyệt vọng.

« Les plus désespérés sont les chants les plus beaux.

« Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots. »

trả lời không có vì không muốn có (il ne signifie rien et ne veut rien signifier. Theo B. Dorival và P. Tisné). Họ tuyên bố Dada xui giục cá-nhân luôn luôn nổi loạn chống đối nghệ-thuật, luân-lý và xã-hội, Dada giải phóng con người thoát khỏi cả thần-trí, đặt thiên-tài ngang hàng với ngu-xuân (*révolte permanente de l'individu contre l'art, contre la morale, contre la société, et l'on peut dire qu'il libérerait l'individu de l'esprit même, en plaçant le génie au même rang que l'idiot* — Tạp-chí Le Cabinet Voltaire của nhóm. 26. 7. 1916) (2)

Về hội-họa, nhóm Dada đã làm sôi nổi dư-luận bằng những bức tranh kỳ-dị như « Mặt phụ - nữ Figure de Femme » của Picabia : hình vẽ bằng sợi chỉ thay nét, hoặc « Cờ dâu bị những kẻ chưa vợ lột trần La Mariée mise à nu par ses célibataires » của Marcel Duchamp.

Thiếu sự hưởng-ứng, Dada sớm tan rã từ 1922, song cũng ảnh-hưởng ít nhiều vào một số họa-sỹ và thi - nhân. Những người này cũng gạt bỏ lý-trí và hoan-nghênh những lễ lồi tự-do mới lạ. Được sự ủng-hộ của Apollinaire, một thi-sĩ cấp-tiền lúc nào cũng vui lòng đón tiếp các xu-hướng cách-mạng, thi-sĩ André Breton để xướng trong

(2) Họ tổ chức những buổi ca nhạc lạ lùng : lấy các chìa khóa khua gõ vào các hộp sắt, người trong nhóm vừa nhảy múa vừa bắt chước gà mái kêu (Sommets des Beaux Arts — Surréalisme R. Harteel et B. D. Swanenburg)



Phụ nữ vẽ bằng que diêm (que)
La Femme aux allumettes 1920
của Francis Picabia



Cô dâu bị lột trần La Mariée mise à nu par ses célibataires 1915-23 của Marcel Duchamp

nhiều sách báo (1) một lý-thuyết có vài điểm tương-đồng với Dada: lý-thuyết Siêu-Thực.

Cũng như Dada, Siêu-Thực khinh thường lý-trí, và quả quyết rằng suy-luận với mọi sự xếp đặt theo mực thước, không cho phép thấu triệt sự vật. Song trái với Dada chỉ có thái-độ tiêu-cực, Siêu-Thực chủ trương hẳn rằng phải quay vào những lãnh-vực âm u của tiềm-thức mới mong bắt gặp những động-lực thâm kín và những sắc-thái của một thực-tế chưa bị lý-trí gạn lọc biến đổi: đó là siêu-thực-tế (... la descente vertigineuse

en nous, l'illumination systématique de ces lieux cachés,... là où notre esprit se meut, épiait ses mouvements les plus secrets et les plus spontanés... : A. Breton).

Như vậy, A. Breton và các đồng-chí đứng trong phạm-vi triết-học mà lập thuyết, chứ không có dụng-ý vạch ra một đường lối nghệ-thuật. Tuy-nhiên,

(1) Của André Breton, và các đồng-chí : Các bản Tuyên-bố lập-trường Siêu-Thực, Manifestes Surréalistes 1924, 1929, 1932 ; — các tạp-chí Cách-Mạng Siêu-Thực Révolution Surréaliste ; sách Siêu-Thực và Hội-họa Le Surréalisme et la Peinture, Siêu-Thực phụng sự Cách-Mạng Le Surréalisme au service de la Révolution v v. .

các bạn họa-sỹ của ông, một khi đã tán đồng sự khai thác tiềm-thức và chấp nhận Siêu-thực-tế, tất-nhiên áp dụng vào hội-họa những ý-kiến của ông, mà ruồng bỏ các phương-pháp thể-hiện cũ hay mới nhưng đều là kết-quả cảm-xúc, ý-thức và luận-lý. Họ tin những sự huyền-hoặc (1), muốn khám phá và gọi ra những bí-mật trong vũ-trụ và tâm-hồn, làm thơ không ngại tối-tăm, vẽ tranh chẳng cần ai hiểu, phô bày những hình thể cảnh vật quái-dị đã từng thấy trong giấc mê hoảng hay tưởng-tượng trong giờ phút hoang mang nào đó (2). Họ vẽ khác thường để còn thử nghiệm xem vẽ như vậy thì chính họ sẽ thấy ra sao, không khác gì liếc mở một cửa sổ nhìn ra một cảnh xa lạ chưa biết sẽ thấy chi « *considérer le tableau... comme une fenêtre dont leur premier souci est de savoir sur quoi elle donne* » : cũng như các nhà thơ trong nhóm, họ cứ cầm bút viết lung tung chữ này chữ khác theo mọi chiều, để xem chữ đó đưa tới ý gì, câu nào và bài chi (*écriture automatique*).

Max Ernst vẽ những động-vật nửa người nửa chim ở nơi đen tối xù-xì như núi rừng hay vực-thẳm (tranh Thiên-Thần ở vũng lầy *l'Ange du Marécage* đã in ở B. K. số 78). Có khi tranh mang đầu đề « Đàn bà, ông

già, và hoa *Femme Vieillard et Fleurs* », mà chỉ thấy một người đầu khi chân gỗ, bề một phụ-nữ khóa-thân nhỏ xíu, cạnh người đầu xoè cánh quạt : ai hiểu được xin cứ hiểu, và cảm thấy gì cũng không sao.

Yves Tanguy vẽ « Má ơi, Ba bị thương rồi, *Maman, Papa est blessé* » : một khoảng mênh mông như biển, một cây thẳng như chiếc gậy lồm chồm rẽ quăn, một mảng đen trắng ngoằn ngoèo như đám khói, những hạt đậu, vài chiếc lông chim có dây nối liền thành những hình tam-giác, đằng xa, cái gì như con giun biết đứng cạnh rần độc góc đầu... Ai muốn mê hoảng ban đêm thì cũng nên coi tranh đó, hoặc tranh « Lầu-đài nặng, *Le Lourd Palais* » ; cũng một vùng sa-mạc và chân trời tối om với những đồng xù xì như núi, tua tua nanh nhọn hoặc ngà voi... Cũng chưa kinh bằng hồn ma múa trong đêm tối, *Spectres* của Masson.

Một vài người trong nhóm, như Chirico (1), Magritte, hay gọi cảm tưởng huyền-bí, hãi hùng, ở những cảnh tịch-liêu, với những vật im lìm, những nhà những tường sừng sững : « Nồng nỗi nhà thơ, *Le Tourment du Poète* » ; « Nỗi sầu và vẻ bí-mật của một đường phố, *Mélancolie et mystère d'une rue* », của Chirico ;

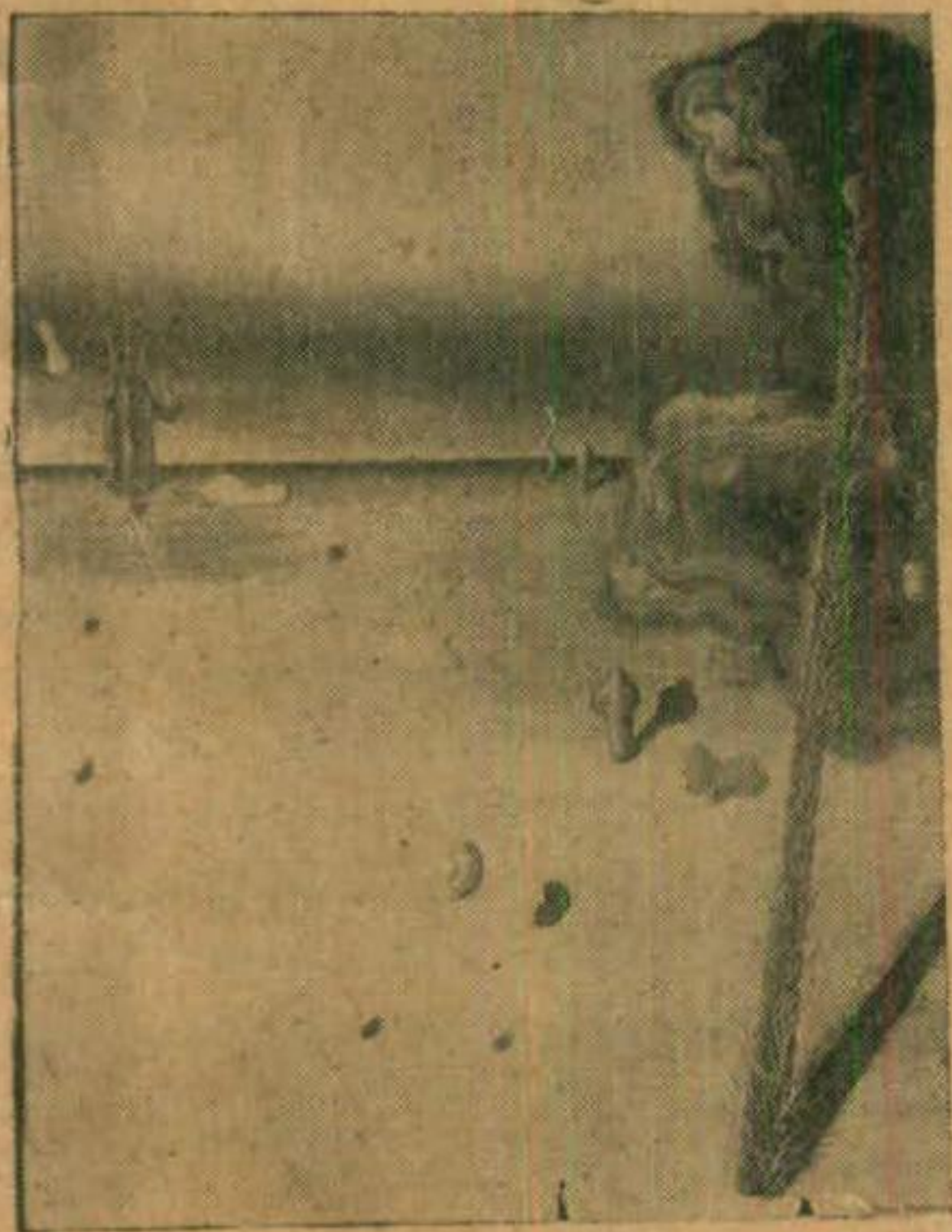
(1) Nhiều người trong nhóm hay họp nhau buổi tối gọi hồn ma quỉ hoặc người chết (*séances de spiritisme*).

(2) Về thơ Siêu-Thực, đã trình bày trong bài « Thơ sáng và tối » B.K. số 78 và số 79.

(1) Chirico đã được liệt vào họa-phái Siêu-hình (*Peinture Métaphysique*) có dụng-ý đưa khán-giả vào một thế-giới âm-thăm lạc đường lạ cảnh (*dépaysment systématique* — Maurice Raynal, *La peinture moderne*)



Đàn bà, ông già và hoa, Femme, Vieillard et Fleurs 1923 của Mox Ernst.



Má ơi, Ba bị thương rồi! Maman, papa est blessé 1927 của Yves Tanguy.



Hồn ma Spectres 1958 của André Masson.

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

— « Thề - giới vô - hình, *Le monde invisible* » của Magritte : một tầng đá trước cửa sổ trông ra biển cả lặng yên dưới trời mây u uất.

Nổi tiếng hơn cả, là Salvador Dali : ngay đến bộ râu mép uồn như ghi-đông xe đạp, trông cũng « siêu-thực » rồi. Vẽ theo lối riêng mà ông gọi là « paranoïa-critique », ông nhằm mục-đích bóp méo và xếp đặt gần nhau những vật có thật song thường chẳng liên-hệ gì với nhau trong thực-tế, để gây một cảm-tưởng kỳ-dị : như ở « Sự bền lâu của trí nhớ, *Persistance de la Mémoire* » núi, cành cây khô, đồng-hồ, chiếc thảm, cái bàn, có chi lạ đâu ? Song lạ ở chỗ núi ở đầu góc thảm, đồng - hồ treo trên cành, mà đồng - hồ lại thông mềm như chảy ra. Ở bức « Hươu cao cổ bùng cháy, *Girafe en feu* », cũng một lối lồi : bờm hươu rực lửa, hay bờm bằng lửa không rõ, cạnh người hốc hác như bộ xương ma, một bên về đuôi thò ra bảy chiếc ngón kéo. . .

Dù sao, nếu khán-giả nén lòng giữ được bình-tĩnh để tìm hiểu trước hết chớ không vội khen chê, và nếu tạm quên những tranh kia để suy ngẫm lại, thì Siêu-Thực chẳng qua chỉ cụ-thể hóa phần nào những tình-trạng tâm-lý thường có nhưng ít khi được chú ý mà thôi.

Những lúc tỉnh táo sáng suốt, chúng ta ưa nhìn những cảnh vật rõ ràng và nhận xét theo lý-trí : song những khi yếu đau, mỗi một hay rầu rĩ, tinh-thần xuống thấp

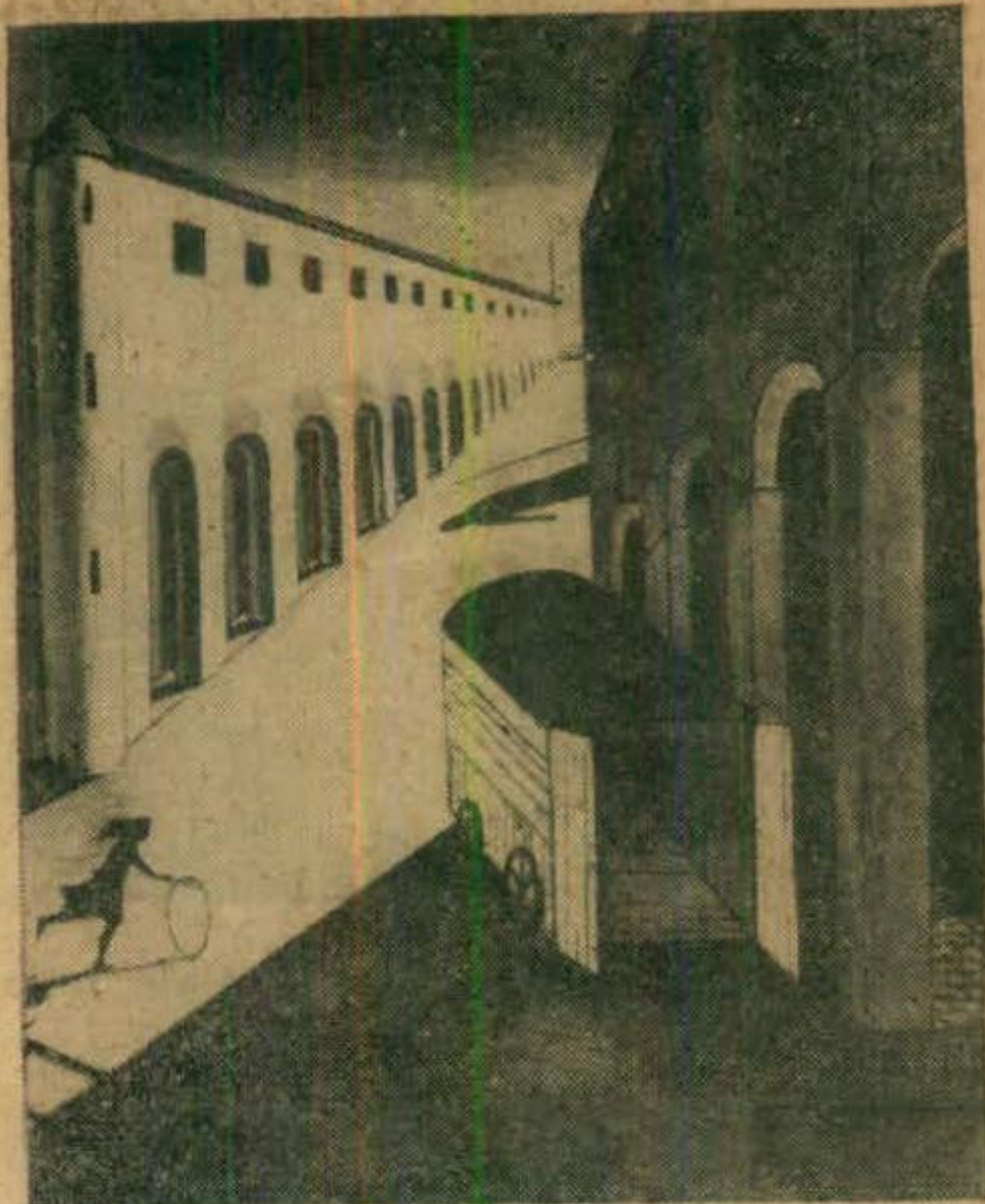
(dépression) dễ lo âu rồi loạn, nhất là ở giờ phút nửa thức nửa ngủ, nhiều hình ảnh lộn xộn trong đầu óc, vật nọ hiện ra cạnh vật kia không thứ-tự liên-lạc gì, và gây hoang mang như tranh Siêu-thực.

Lại có khi đương lành mạnh^{hắn}hỏi, nhưng nhìn rồi, nếu nhìn khá lâu những cảnh tầm-thường, sẽ thấy mỗi vật yên lặng có vẻ bí-mật riêng, kỳ-dị, hoặc gọi u-sầu. Những đầu xe hơi khiến ta nghĩ tới những bộ mặt quái gở, hai đèn như hai mắt thô-lồ, những vạch ngang vạch dọc như nét mũi nét mồm, có chiếc dẹt như đầu cá mập, có chiếc mở nắp như trâu nước há mồm. Ấy là chưa kể những máy bay kiểu mới, nhất là phi-cơ chiến-đầu với nhiều hình thù hung dữ, nửa cá nửa chim.

Muốn hiểu Chirico hay Tanguy, thiết nghĩ chỉ cần nhớ lại một vài trường-hợp cảm-xúc mà nhiều người chắc đã từng gặp nhưng không để ý ghi nhận. Chiếc xe bò tro vợ, hai chàng chồng ngược bên gốc cây khô, nẻo đường vắng ngắt : một nỗi buồn lạnh-lẽo như ở những con người cô-đơn, hiu-quạnh giữa cuộc đời không thương tiếc ; . . . Những cửa sổ mở toang với khuôn chữ nhật tối đen trên tường rêu xám : những con mắt trừng trừng ở bộ mặt nào sợ hãi ? . . . Mấy hàng gạch nề bên hè nắng dọi, con kiến tha mỗi li-ti bò chậm qua hòn sỏi trắng ;



Thế giới vô hình Le monde invisible
1954 của Magritte.



Nỗi sầu và vẻ bí mật của một đường phố Mélancolie et mystère d'une rue
1914 Giorgio de Chirico.

thoạt trông chẳng sao, đứng im nhìn kỹ độ hai ba phút : ôi sa-mạc mênh-mông với những ngã đường không biết về đâu ! . . .

Những cảnh buồn hoặc ghê sợ, dĩ-nhiên chẳng mấy người ưa chuộng. Song họa-sỹ Siêu-Thực không muốn thỏa-mãn nhu-cầu thẩm-mỹ và cho ta những tranh ngoạn-mục, chỉ có tham-vọng phôi ra ánh sáng những trạng-thái u-ân trong vũ-trụ hay tâm-hồn. Dẫu sao, đôi khi họ cũng đưa ta đến một cõi mơ với những vẻ đẹp chưa từng thấy : ngáy thơ êm dịu như cảnh thần-tiên trong truyện nhi-đồng (tranh Sinh-Nhật *Anniver-*

saire hay Cặp vợ chồng chưa cưới ở tháp Eiffel, *Les Fiancés de la tour Eiffel*, của Chagall) hoặc vui vui xinh xinh như hoạt-họa (dessins animés) trên màn bạc : sao chổi kéo tua, mặt trời rung tia gần cung đàn bản nhạc, con ruồi xoè cánh, con chó nhảy dây, xanh đỏ, tím vàng giao sắc *Carnaval d'Arlequin* của Joan Miro) con chuột nghịch đàn, con mèo dưới cuộn băng múa lượn, những vệt màu giống chim bay, đuôi gà, củ hành, mặt trắng có mắt... (cảnh trong nhà ở Hòa-Lan, *Intérieur Hollandais* cũng của J. Miro) Họa-sỹ này đã thực-hiện nổi một ý-kiến của André Breton, là



Sự bền lâu của trí nhớ *Persistence de la mémoire* 1931 của Salvador Dalí



Mặt trời đỏ, *Le Soleil Rouge* 1949
của Marc Chagall



Cảnh trong nhà ở Hòa-Lan
Intérieur Hollandais 1928 của Joan Miró

không đưa đòi những tiểu-xảo kỹ-thuật, nhưng dùng cả những lẽ-lỗi không được thừa nhận, mà lột vẻ bí-huyền và gợi hồn thơ phảng-phất ở những đồ vật chung đụng với nhau một cách ngẫu-nhiên hay sắp đặt theo sở-thích của một người có óc bao quát chi phối « Le rôle du peintre consiste moins à se livrer à des jongleries techniques qu'à exprimer, même à l'aide de moyens illégaux, le *mystère et la poésie que dégagent certaines combinaisons d'objets* dues soit au hasard, soit au caprice d'un esprit dominateur ».

*
* *

Duy-Sắc Orphisme

Năm 1912, họa-sỹ Robert Delaunay (1885-1941) chủ trương thay đổi lối vẽ như sau : (1)

— Về phương-diện kỹ-thuật, chỉ vẽ bằng sắc, không cần đường nét *une peinture qui ne tiendrait techniquement que de la couleur*) vì đường nét Cổ-Điển đã bị Lập-Thể bẻ gãy rồi, để thay bằng các bình-diện (plans). Cho nên cần chọn một yếu-tố thể-hiện khác thích-hợp hơn với cảm-xúc của các thể-hệ mới...

(1) Trong B.K. số 103, phần chú-thích cuối trang 49, có tạm dịch Orphisme là Động Sắc, vì Delaunay cũng chủ trương vẽ cho thật động, bằng màu sắc và hình tròn quay múa (Disques, Figures circulaires). Nhưng sau khi hội ý một bạn họa-sỹ, và cân nhắc lại, xin gọi Orphisme là « Duy-Sắc » thì sát ý Delaunay hơn, Duy-Sắc cũng như Duy-Tâm, Duy-Linh, v.v....

— Đòi với màu sắc, cần lợi dụng sự đồng-thời tương-phản (contrastes simultanés) khiến kết-quả hỗn-hợp của các màu sắc cùng được thấy một lúc trên tranh trong giây lát ; nên sử dụng màu sắc cho giao ứng liên tiếp và lồng vào nhau như âm-thanh của nhạc-sỹ (je jouais avec les couleurs comme on pourrait s'exprimer en musique).

— Các đường nét dù sơ sài, cũng loại dần đi, để các hình - thể khối vướng vấp vào nhịp điệu của màu sắc, để sắc thay nét mà tạo hình (supprimer les images vues dans la réalité, les objets qui venaient corrompre l'ordre coloré... je m'attaquais au problème de la couleur formelle, (2).

Bởi quan-niệm của Delaunay rất khó hiểu, mà lại muốn cho màu rung động như dịp nhạc, thi-sỹ Apollinaire liền tưởng đến nhạc-sỹ Orphée trong thần-thoại Hy-Lạp mà gọi lối hội-họa « sắc-nhạc » này là Orphisme.

Dù sao, đến khi thực hành thì Delaunay ưa tô màu sắc sỡ, nhiều hình tròn quay múa hoặc thấp thoáng ẩn hiện, màu nọ xen vào màu kia mà chề hóa lẫn nhau, khiến toàn-thể bức tranh rất linh động : tỉ như « Thành - phố

(2) Theo nhật-ký của Delaunay, do J. Cassou trích thuật lại trong Panorama des Arts Plastiques contemporains.



Tân dương Blériot
Hommage à Blériot 1914
của Robert Delaunay

Paris, La Ville de Paris », « Tân dương phi-công Blériot, Hommage à Blériot ».

Trong các đồng-chí của Ông, chỉ thấy có vợ ông là nữ - họa - sỹ Sonia Terk nổi tiếng mà thôi.

*
* *

Nghệ-Thuật Ngày-Mai Futurisme

Nhóm này gồm một số họa-sỹ Ý-Đại-Lợi, Boccioni (1882-1916) Severini (sinh năm 1883) Marinetti, Carra, Russolo, Balla, Pratella, v.v..

Họ cổ gâý phong-trào mới, và cổ động âm ĩ, từ 1909 đến 1913, tất cả 15 lần long-trọng tuyên bố về tôn-chỉ phương-pháp, đả kích các phái khác, và tự đề cao rầm rộ, một sự ít thấy trong lịch-sử hội-họa.

Hướng về tương-lai, họ quyết liệt gạt bỏ hầu hết các đường lối nghệ-thuật cũ mà họ bao gồm vào trong một danh - từ chề nhạo « các nghệ-

thuật cổ-hủ, Passéisme ».

Theo họ, thì từ trước tới nay, các họa-sỹ nhìn ngoại-giới một cách sai lạc, nghĩa là không nhận ra được trạng-thái chuyển động biến dịch ở cảnh vật.

Ngắm kỹ, sẽ thấy mỗi vật như tự phân tách ra theo các đường nét khía cạnh : sự phân tách đó không theo định luật nào hết, nhưng tùy đặc - tính mỗi vật và cảm-xúc của người ngắm. Mỗi vật lại ảnh hưởng vào vật bên cạnh, không phải bằng ánh sáng như nhóm Ấn-Tượng đã tưởng, nhưng vì các đường nét và các bình-diện giao động xô đẩy lẫn nhau : nhờ cảm-xúc sẽ thấy.

Trong thời buổi này, cái gì cũng cựa, cũng chạy, cũng biến chuyển mau lẹ... Con ngựa khi tẽ không phải chỉ có 4 chân, nhưng mắt ta thấy 20 chân.

Ngoài ra, họa-sỹ xưa nay chỉ vẽ vật



Kỵ sĩ xung phong, Charge des lanciers 1915 của Umberto Boccioni

gì trước mắt, hoặc một cảnh gì, tích gì đã qua. Song cảnh nhỡn-tiền có thể gợi ra vật khác tình khác, nên « Nghệ-Thuật Ngày Mai » sẽ tổng hợp cả trên tranh dĩ-vãng và hiện-tại, cái gì nhớ ra với cái gì trông thấy.

Xưa nay, họa-sỹ để khán-giả đứng trước tranh mà ngắm, nghĩa là kẻ nhìn đứng ngoài bức tranh ; bây giờ phải ngược lại, đưa khán-giả vào giữa bức tranh, lôi cuốn họ nhập vào hình-sắc, vào trong cảnh mà họa-sỹ tạo ra.

Nhưng lôi cuốn bằng gì ? Cần rung động họ thật mạnh, bằng những đường nét ngang dọc, thẳng cong mờ tỏ tung hoành, hội hợp xung đột mãnh liệt, khiến cho tinh-thần họ bị đảo điên loạn xạ, để họ mê ly buông thả tâm - hồn theo những cảm - giác mới lạ (1).

(1) « Chaque objet révèle par ses lignes

« comment il se décomposerait... Cette décom-
« position n'est pas guidée par des lois fixes,
« mais elle varie selon la personnalité caractéris-
« tique de l'objet et l'émotion de celui qui le
« regarde... De plus, chaque objet influence son
« voisin, non par des réflexions de lumière, mais
« par une réelle concurrence de lignes et de réelles
« batailles de plans, en suivant la loi d'émotion
« qui gouverne le tableau... Le spectateur doit
« être placé au centre du tableau... Il y a chez
« nous non seulement variété, mais chaos et
« entrecroc de rythmes absolument opposés... Des
« lignes confuses, sursautantes, droites ou courbes,
« qui se mêlent à des gestes ébauchés d'appel et
« de hâte, exprimeront une agitation chaotique de
« sentiments... Pour comprendre des sensations
« esthétiques auxquelles il (le public) n'est pas
« habitué, il lui faut... non pour s'emparer de
« l'oeuvre d'art, mais pour se lier à elle
« éperdument. (trích bản tuyên-cáo tháng 2 / 1912
Manifeste de l'Exposition Futuriste à Paris —
theo J. Cassou, Panorama des Arts plastiques
contemporains).

« Tout bouge, tout court, tous se transforme
rapidement... un cheval qui court n'a pas quatre
pattes, il en a vingt ».

« synthétiser ce que l'on se rappelle et ce que
l'on voit » : Boccioni

(Theo Maurice Raynal — La Peinture moderne).

Khua chuông giống trồng như vậy, song vẽ ra sao ? Cõi tranh của Gino Severini, kẻ cũng thú : tả một vũ-nữ ở rạp Tabarin (*Danseuse au Bal Tabarin*), họa-sỹ đã ném chỗ này vệt xanh, chỗ kia mảng đỏ, bảy tám gót giày, những mảnh áo tăn mác phấp phới ; trong khi cô đào múa lượn, họa-sỹ nhìn theo, chỉ thấy hình sắc thấp thoáng nên mỗi cử động của nàng, mỗi cái nhìn của ông, được ghi lại một cách tài-tình bằng màu nét nhẹ nhàng vui sống.

Song ngắm tranh của Buccioni, một lãnh-tụ « Nghệ-thuật Ngày Mai » thấy quả có đường nét lộn xộn, lung tung, rồi mắt quá tranh Lập-Thể, nhưng cũng gọi được phần nào cuộc đời máy móc ồ ạt ở chốn đô-hội ngày nay « Những sức mạnh của một đường phố, *Les Forces d'une rue* » hoặc tốc-độ dũng-dược của đoàn « Kỵ-binh xung phong *Charge des Lanciers* ». Còn như hấp dẫn lôi cuốn vào các cảnh đó, thì chưa chắc : Vì nếu khán-giả thường chỉ ưa trầm tĩnh thì sao ? Tranh « Baroques » với bao đường nét múa lượn bay bướm, cũng đã bị chán từ lâu. Nếu muốn xem hoạt động, thì hiện nay người ta coi điện-ảnh hay truyền-hình, cũng như muốn tranh giống thực thì



Vũ-nữ múa ở rạp Tabarin
Danseuse au Bal Tabarin 1912
của Gino Severini

chơi ảnh còn hơn. Bởi vậy, phong-trào kẻ trên, tuy đưa ra được vài dáng vẻ mới, cũng không lan rộng và chẳng đưa nổi đến những ngày mai rực rỡ.

Đ. T.

Kỳ tới :

Các họa-phái Triêu-Tượng.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIÊU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Su
34 Đạt-lộ Nguyễn-Huệ—Salgon

THẾ HỆ MỚI Ở PHÁP

* THU - THỦY

NĂM ngoái (1960) ở Pháp xuất hiện một triết gia chưa đầy hai mươi tuổi, làm dư luận chú-ý đến rất nhiều. Triết gia ấy — Clément Rosset — tung ra một triết lý mới: triết lý bi đát (*La philosophie tragique*). Triết gia ấy lại chê bai cả Camus, Sartre, cho là lỗi thời. Người ta giật mình, kiểm điểm lại và nhận thấy rằng quả thực có một lớp tác-giả trẻ tuổi không cùng một nhận định về cuộc đời với những đàn anh nổi tiếng trên dưới mười lăm năm nay.

Camus hay Sartre đều thuộc về lớp người đã trưởng thành khi xảy ra chiến cuộc ở Âu-châu, họ có ít nhiều trách nhiệm về cuộc chiến tranh ấy và chính họ đã tham dự vào cuộc tàn sát khốc liệt. Những điều xảy ra trước mắt, tình trạng đen tối quanh mình làm họ thất vọng, chán nản. Họ kêu lên rằng cuộc đời là phi lý.

Thế nhưng đối với những Clément Rosset, những Jacques Coudol, Jean René Huguenin v.v... thì cuộc đời lại càng phi lý hơn nữa. Họ vừa lọt lòng mẹ ra là đã phải hứng chịu mọi cơ cực, nhục nhã của chiến tranh, của thất trận mà trách nhiệm không thuộc về họ chút nào. Họ chịu đói khát để cho quân thù ăn no sưởi ấm, họ chịu chết chóc tàn tật vì lớp đàn anh của họ đã chơi bời bê tha. Đồng thời họ lại chứng kiến cả những cảnh cha anh họ lén lút, dối trá, hèn hạ, dưới sự thống trị của kẻ thù; vì thế khi những người này chỉnh lại nét mặt mà nói đạo đức với họ, họ không sao tin được nữa. Những giá trị cũ đều sụp đổ.

Đời đã không còn gì cao đẹp nữa, những kỷ niệm kinh khủng của một thời kỳ chiến tranh lại làm cho con người cảm thấy mạng sống mong manh, ngắn ngủi; do đó phản ứng đầu tiên của lớp

BÁCH KHOA CVIII

người sau đại chiến là theo gót đàn anh ngã vào truy lạc. Họ truy lạc không có nhiệt tình, không cảm thấy khoái trá. Tâm hồn họ nguội lạnh không nuôi một ảo vọng nào cả, nét mặt họ lạnh lùng, thái độ họ uể oải chán chường. Họ mở cặp mắt mệt nhọc nhìn vào cuộc đời một cách biếng nhác như thừa biết cuộc đời này không thể chứa đựng cái gì bí mật đối với mình nữa, không có gì đáng quan tâm lưu ý đến nữa. Say sưa, nhẩy nhót điên cuồng, lái xe vùn vụt, làm ồn ào ầm ĩ,... đó không phải là họ sống mà là họ tìm cách quên một cuộc sống không còn gì hấp dẫn.

Nhưng dần dần họ không chịu được một tình trạng như thế nữa. Thế hệ này không phải là những tay chơi bời chuyên nghiệp, bao giờ cuộc sống bừa bãi cũng để lại cho họ một dư vị cay đắng, gọi nên một hồi hận.

Bởi vậy mười lăm năm sau cuộc đại chiến thứ hai, lớp thanh-niên ngày nay bảo rằng: « Chúng tôi dứt bỏ không một chút nhớ tiếc cái « điệu nhạc ban đêm » buồn tẻ ấy, lúc nào cũng lập đi lập lại mãi, vẫn với những tiếng vãi loạt-soạt ấy, những tiếng rên rỉ êm ái ấy, bỏ lại cho những chàng nghệ-sĩ của xác thịt... » (J. R. Huguenin). Những chàng nghệ-sĩ lỗi thời này tha hồ dạo « nhạc đêm », nói triết-học phi lý, và nôn mửa vào cuộc đời. Còn lớp thanh-niên mới bây giờ họ làm gì? Họ bảo: « Với cây đàn rắc rối và bất định — tức là cuộc đời — chúng tôi muốn học đánh những bản đàn càng hay càng tốt, và bằng những nốt nhạc thâm trầm hơn » (J. R. Huguenin).

Người ta tiếp tục nhận xét sai lầm về họ, tưởng rằng « đợt sóng mới » chỉ biết

có khoái lạc, « đợt sóng mới ». ngổ-ngáo, liều lĩnh, hoang đường v. v... Họ phản đối, họ nhạo báng. Họ nhạo các ông cụ đạo diễn già béo bự chềm-chệ sau những cái bàn giấy to tướng ngổn ngang những dây điện-thoại, thấp thoáng sau khói thuốc xì-gà mịt-mù, truyền lệnh cho các cô đào chiếu bóng đánh tuốt áo choàng xuống khỏi đùi. Họ nhạo những cặp đùi mà các bậc đàn anh lấy làm hãnh-diện vung lên loạn xạ như gươm tuốt khỏi vỏ, vung bừa bãi trong khắp các sách vở phim ảnh. Họ bảo rằng của quý đó là của đàn anh, không liên quan gì đến « đợt sóng mới ». Họ lại nhạo các giáo sĩ muốn cho hợp thời, nghe nói đến sự lằng-loàn của « đợt sóng mới » bỗng đâm ra rụt rè, không dám nhắc đến Chúa, mà lại đi ca ngợi sự phóng túng bê tha trên báo *Esprit*, mong được lòng họ, các giáo sĩ « bỗng nhiên xưng tụng xác thịt chính ngay vào lúc họ đi tìm lại linh hồn » (J. R. Huguenin).

Lớp thanh-niên này vẫn nhận cuộc đời là phi lý, nhưng họ không muốn vì thế mà sinh tuyệt vọng, chán nản. Họ cho rằng chính vì đời sống có vẻ hư ảo, vì thời gian trôi qua không thể ngăn cản nổi, vì tất cả đều tàn-rụi, đều chết, mà cuộc đời lại càng là quý báu. Chính vì mỗi người là một bí mật cô đơn, nhưng đều chịu chung cái luật của định mệnh là hiện ra trong phút chốc rồi chết đi một cách vô nghĩa lý cho nên sự gần gũi yêu đương nhau càng có ý nghĩa. Họ chủ trương yêu đời và yêu người với một nhận định sáng suốt về cuộc đời tàn nhẫn và về kiếp người mong manh. Họ có một chủ trương vui sống khác khổ, vui sống trước sự *bì đát*.

Clément Rosset theo dõi một cuộc vui của những nam nữ thanh-niên, bỗng nhiên nơi cô gái đang nói cười và bước tới ôm người bạn trai để khiêu vũ, triết-gia thấy thấp thoáng bóng dáng cái chết vẫn chờ sẵn cô ta, thấy cái định-mệnh khắc nghiệt của mọi con người ở đời, ông nghĩ những cặp trai gái ấy đều đang tiến về tuổi già, đến sự tiêu-diệt nhất định, và trong số đó biết đâu không có kẻ ngày mai đây sẽ chết vì một tai nạn, bởi vậy : « chúng ta yêu họ và chúng ta kiêu-hãnh được sống, vì qua cái hân-hoan bi đát của họ chúng ta hiểu rằng họ biết rõ sự *hân - hoan không phải là của con người* ; đây mới chính là cái nguồn gốc chân chính duy nhất của sự hân-hoan ».

Một tác - giả khác thuộc thế hệ này, J. R. Huguenin, lại chọn cảnh bãi biển ở Bretagne làm hình ảnh cho cái quan-niệm hạnh - phúc khác khổ của mình. « Cảnh những bãi biển, những gành đá, những cồn cát... những cồn cát miền Bretagne vào lúc trời chiều, vào lúc mà tất cả đều yên lặng, trên trời đất không còn cái gì quấy động nữa ngoài mặt biển, vào lúc mà tiếng kêu của một chiếc cộ lẽ loi ở xa xa vắng tới mất đi trong tiếng sóng biển đều đều. Ánh sáng mặt trời mới đây còn chiếu vào mặt cửa kính của một ngôi trại bên gành, bây giờ đã tắt mất. Sự đe dọa của bóng đêm đang tràn tới nhắc ta nhớ đến một mối đe dọa khác, thường trực, không thể tránh khỏi. Trong chốc lát đêm tối sẽ buông phủ, trong chốc lát chúng ta sẽ chết. Và đột-nhiên, ngay trước cái tai họa ấy, ngay trong cái cảm-tưởng chắc chắn mình sẽ phải chết ấy,

chúng ta tìm thấy một niềm vui kỳ lạ. Có lẽ đó là nỗi vui của những kẻ đang đương đầu ; của những kẻ cho rằng tính cách mong manh tạm bợ của đời mình không phải là dấu hiệu của sự trừng phạt, là bằng chứng của sự khốn cùng nữa mà trái lại ấy là hiệu quả của một sự xếp đặt thần diệu, vừa vô có vừa tài tình, để làm nổi bật giá trị của định mệnh chúng ta. Chúng ta có thể gọi đó là Số mạng, là Tạo-Hóa, là Thượng-Đế, là Trời, là gì cũng được. Một vật còn con lúc ấy đối với con mắt phù du của ta đều trở thành quý báu ; chúng ta chỉ cần nhìn, chỉ cần nghe, chỉ cần được thỏa thôi cũng đã đủ thỏa mãn. Và chúng ta thấy ngay rằng không có bệnh tật nào, rủi ro nào hay mối hoang mang khác khoải nào đáng kể đối với cái hạnh phúc được sống ở đời — thứ hạnh phúc điên cuồng do mối kiêu hãnh của chúng ta vì biết rằng mình sẽ phải chết. »

Như vậy nói về lớp thanh niên này mà nói đến chán chường, truy lạc, thất-vọng, là oan cho họ. Tuy có một nhận định bi đát về cuộc đời nhưng họ đang vùng lên ca ngợi cuộc sống... Họ tự thấy có chỗ gần gũi với lớp người lãng-mạn hồi giữa thế kỷ thứ 19. Giống như trong thời kỳ lãng mạn ấy, các văn sĩ lớp trẻ này cũng thích nói về mình, cũng tràn trề tình cảm và tưởng tượng. Nhưng cái lãng mạn của họ không kiêu nhược như của thế kỷ trước, trái lại là một thứ lãng mạn rần rỗi, dững mành. Chẳng hạn trong tình yêu họ không đến nỗi như hạng chán đời thô bỉ chỉ biết có xác thịt, nhưng họ cũng không chịu được những danh từ trống-rỗng ca tụng con tim vạn năng, ái

THU-THỦY

tình cao thượng v. v... Họ là những người thực tế. Họ biết dấu yêu nhau tha thiết, tình nhân cũng không mong có thể cảm thông nhau hoàn toàn, họ biết rằng tình yêu không thể cứu nổi họ khỏi sự cô đơn. Họ biết trước mình chỉ có thể đòi hỏi được gì ở ái tình và họ bằng lòng chỉ đòi hỏi đến chừng ấy : những giờ phút âu yếm dịu dàng để làm tươi đẹp cuộc đời khoảnh khắc, thế thôi. Như vậy chẳng vì lẽ gì họ từ chối xác thịt, nhưng ngược lại họ cũng không hề quan trọng hóa xác thịt.

Nhận thức rõ sức mạnh tàn khốc của thời gian đang xô gáp tất cả về chỗ tiêu

diệt, lớp trẻ tuổi ngày nay can đảm gọi nhau gắng lưỡng một niềm vui... bi đát !
« Không chống lại với thời gian một cách vô ích, không cong lưng đi ngược lại nó, chúng tôi tự để mình trôi xuôi, mặt hướng về bề rộng, về cái giờ phút tối hậu mà chúng tôi không e sợ nữa, ở đó chúng tôi sẽ gặp được sự yên lành, cũng có lẽ là gặp được ánh sáng. » (J. R. Huguenin)

Lời nói phải chăng có vẻ của một triết nhân tuổi tác ấy, ai ngờ là của một thanh niên thuộc đợt sóng mới !

THU-THỦY

(theo các tạp chí *Réalités* và *Arts*.)

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfines

COFAT CHOLON

BÓNG MẸ

QUÊ NGƯỜI

Thăm thoát đã ba năm
Từ ngày ta mất mẹ,
Mộ sâu chưa viếng thăm,
Bơ vơ đời xuân trẻ,

Vgày được tin mẹ mất,
Ta không có tiền về ;
Trông vời cơn gió bắc
Đường dài chân bước lê

Độ ấy vừa sang xuân,
Thiên hạ chào đón Tết.
Pháo nhà ai tung bùng,
Pháo lòng ta lịm chết.

Rồi mỗi năm ngày giỗ
Ta vẫn còn lang thang...
Cỏ trên mồ ai nhỏ.
Ai sửa vòng hoa tang.

Nhiều đêm mơ thấy mẹ,
Trưởng như trong cuộc đời.
Nhớ thuở nào thơ bé
Vời mẹ hôn lên môi.

Nhưng rồi giấc mơ qua,
Giật mình nghe cô quạnh,
Đáng mẹ đã mờ xa,
Ngoài trời sao lấp lánh.

Nhớ hôm xưa ra đi,
Bến tàu còn in bóng.
Nhưng giờ phút chia ly
Là phút giờ tuyệt vọng.

Đêm nay bơ vơ lắm,
Đốt hương chờ mẹ về...
Đường tha ma thăm thăm,
Nước mắt đời lê thê...

MINH-ĐỨC

BÁCH KHOA CVIII

LÁ THƯ MAROC

Casablanca, ngày 18.5.1961

Anh Ng.

TRÓT hẹn với anh rằng sẽ gửi thư kể chuyện Maroc cho anh nghe, nên đành phải giữ lời; chứ thật ra thì cái bệnh lười của tôi càng ngày càng nặng, nhất là ở Casablanca hiện giờ đang mùa nóng bức không phải như ở Paris. Hội chợ Casa đã hết nhưng tôi còn ở lại ít hôm để đi xem một vài nơi. Chỉ một vài nơi thôi, chứ nếu muốn xem tất cả thì chắc phải ở lại đến nửa đời người.

Xứ Maroc mà trong sách địa-dư Ả-Rập còn gọi là « Maghreb el Akssa » (le couchant extrême) bờ biển phía Bắc giáp Địa-Trung-Hải và phía Tây giáp Đại-Tây-Dương. Ở giữa bề và núi còn những đồng bằng rộng thênh thoảng chen vạt ngọn đồi, ngọn núi nhỏ, đây là những túi gạo của đất nước.

Khí hậu Maroc nóng, ẩm, tuy vậy có những vùng cao gần quanh năm phủ tuyết và có những vùng ẩm áp vì thế xứ Maroc được rất nhiều du khách đến viếng đề đồi mùa. Chỉ có một nỗi khổ là những lúc có ngọn gió lửa siroco thổi đến thì quả thật là có lắm kẻ chỉ ước ao được chết đuối cho mát cái thân.

Kể qua cho anh nghe một vài điều về lịch-sử Maroc. Sử chép rằng giống người đến ngụ ở xứ này trước nhất là giống Berbère (người Ai-Cập gọi là Lybiens, người La-Mã gọi là Maures) sau đấy thì đến người Ả-Rập và những di dân ở vùng Andalousie. Tất cả những người này hợp lại, lấy nhau tạo thành giống người Maroc.

Lịch-sử Maroc chỉ nên bắt đầu từ lúc xứ ấy bị người Ả-Rập xâm chiếm và Hồi-giáo được ngự trị vào nghĩa là vào khoảng cuối thế-kỷ thứ VIII lúc ông Chérif Moulay Idriss cháu ba đời của ông Ali (rè ông Mohamed) vào gây được cho thần quyền một thế lực át hẳn thế quyền. Con trai của ông này Idriss II là người thứ nhất lập nền quân-chủ, ông vua này chết đi, các con cháu mang đất nước ra chia nhau, sau hai thế-kỷ lộn xộn phải nhờ có người Berbère từ Sénégal đến xây dựng lại lập lên đời vua thứ hai.



Volubilis

Tuần tự hết đời này sang đời khác, từ đời vua đầu tiên Idriss II đến Moulay Hassan II bây giờ xứ Maroc trải qua bao nhiêu thay đổi, mỗi ngày mỗi tân tiến. Tất cả lịch-sử Maroc đều được ghi trong bốn thành phố của hoàng-gia Fès, Marraketch, Rabat, Meknès.

Anh có muốn nghe một vài điểm đặc biệt ở những nơi này thì đây : Trước hết là Rabat, kinh-đô hiện thời, nhà vua ở tại đây. Cũng vì nhà vua ở đây nên tất cả các cơ quan chính phủ đều nằm đây cả. Xứ này có rất nhiều vườn hoa, khách du-lịch nào vừa đặt chân đến là bị đưa đến những vườn hoa ấy ngay. Ngoài cung điện và vườn hoa Rabat còn có một nơi cho khách đến viếng nữa là cái tháp Hassan, cao vào độ gần 50 thước kiến-trúc theo lối romano byzantin, ngày xưa là cái tháp của một mosquée lớn nhất trong tất cả các xứ Hồi-giáo thời ấy. Người thì bảo rằng mosquée ấy bị cháy kẻ thì bảo vì động đất nên bị tiêu diệt đi, bây giờ chỉ còn lại một cái tháp kiêu hãnh đứng giữa những chiếc cột sắt mẻ tàn tích, của cái đền đài to lớn xưa. Đặc-biệt của tháp này ở chỗ không có thang cấp, vì ngày xưa muốn cho ngựa đi lên được nên người ta xây từng cái dốc lên dần, nhờ thế nên trèo lên đến đỉnh cũng không thấy mệt lắm, cố nhiên là lên đến đỉnh thì tầm mắt có thể phóng ra khắp thành phố. Nếu ai đến Rabat vào ngày thứ sáu sẽ có thể đợi đề hoan-hô nhà vua lúc ngài rời cung-điện sang mosquée làm lễ.

Hôm tôi rời Rabat để đi Meknès tình cờ lại đi theo sau cuộc kinh-lý của nhà vua nên đến vùng nào cũng còn thấy công chào với cờ đỏ sao xanh, đèn bóng rực rỡ. Đường từ Rabat đến Meknès ngang qua những khu rừng bắc (liège) những ruộng hoa « Aubépine » thơm ngào ngạt người ta trồng để làm nước hoa. Meknès không có gì đặc-biệt ngoài một vài cái công to lớn chạm trổ tỉ mỉ như Bal el Mansour, nhưng trước khi đến Meknès du-khách có thể đến viếng một khu vườn đặc-biệt gọi là Vallée heureuse. Khu vườn này do một người Pháp rất giàu lập nên, có đủ hoa thơm cỏ lạ, có đường lên cao xuống thấp, có thác có ghềnh nước chảy ào ào. Ai vào xem phải trả tiền. Tuy đẹp thì có đẹp nhưng cái cảnh hoa chăm cỏ xén không

làm say người bằng thiên-nhiên, nên tôi chỉ đi dạo quanh một vòng gọi là có đến xem rồi vội vã đi ngay. Người chủ vườn này chết để lại cho các con nhưng rồi các ông con ấy lại giao cho hội Hồng-thập-tự để lấy hoa lợi.

Sau Meknès là Fès, một thành phố hoàng-gia xây lên trước nhất, từ năm 808 do Idriss II ngự-trị. Thành phố này dân chúng rất sùng đạo vì thế còn mang thêm một danh hiệu tốt đẹp nữa là « Xứ nghìn tháp » (pays de mille minarets). Có những tư-gia giàu cũng xây ngay trong vườn nhà một cái đền nhỏ có tháp mái xanh men trắng để cho vợ con tiện việc cầu nguyện. Nhìn xa khó mà đếm cho hết. Fès có một vài lăng mộ, đền đài và một thành phố mới bên cạnh cái thành phố từ hơn nghìn năm nay.

Đã đến Fès thì chắc không ai từ chối đi thêm tí nữa để ghé đến Volubilis đây là vết tích của một thành phố La-Mã cách hơn 2 nghìn năm trước, tất cả những cột bằng đá cẩm thạch, cổng lớn, nhỏ, nền nhà lát đá hoa nhắc lại một nền văn-minh thịnh vượng ngày xưa, và càng ngắm nghía những vết tích ấy người ta càng đâm ra hoang mang thì ra tất cả những gì ngày nay, cũng đã có kể nghĩ đến cách từ nghìn năm trước rồi.

Từ Fès đến Marraketch, người ta có thể đi trở về Rabat, đường sẽ dài hơn nhưng được nhìn dọc theo bờ biển, không muốn nhìn biển thì có những lối khác.

Marraketch được gọi là hạt ngọc miền Nam, một thành phố của vua chúa đứng vào thứ nhì sau Fès, vào khoảng thế-kỷ thứ XI. Những đền đài hiện tại là công-trình của hai dòng vua Almohades và Saadiens. Dòng Almohades để lại cái đền Koutoubia, và cái trường học đạo Ben Youssef tất cả đều là những kiến-trúc chạm trổ trên cẩm thạch trên gỗ rất công phu.

Dòng Saadiens để lại nhiều lâu đài chạm trổ, nơi chôn các vị vua chúa mộ xây ngay trong nhà, vua thì mộ xây cao, vợ vua mộ thấp và các con cái tùy theo tuổi tác mà xây mộ. Có riêng mộ một bà thánh để cho đàn bà đến cầu nguyện, cố nhiên là đàn ông không cầu ở đấy. Những ai thích viện tàng cổ thì cũng tha hồ, có nhiều lâu đài dành riêng cho các ngành thủ-công nghệ từng vùng, từng thời kỳ, nào đồ gỗ, đồ men sành, thảm len, đồ đất v.v... các thứ đồ dùng của những triều vua chúa trước. Trong các đền đài ấy người ta lại còn được thấy những cung cấm của các bà vợ và cung phi, vừa cao vừa kín chẳng khác gì cái nhà tù với những thanh sắt dày làm chấn song.

Chán cái âm u của cung-điện thì có thể đi ngay đến souk (chợ). Vì Marraketch là một trong những xứ sống nhờ khách du-lịch nên về vấn-đề này được tổ-chức khá chu đáo. Có những người chuyên làm nghề hướng



Vallée Heureuse Meknès

dẫn mang thẻ bài với tên tuổi địa chỉ phòng du-lịch đứng chờ sẵn ở đầu đường, họ nói tiếng Pháp rất thạo, ta chỉ việc bắt lấy một người mang lên xe hoặc theo họ đi bộ vào các nơi. Souk của Marrakech nổi tiếng nhất vì nó còn mang tất cả những nét điển hình của dân-tộc. Có những con đường nhỏ nhỏ hai bên là hàng phố bên trên lợp

sậy đề lợp bớt ánh nắng, nhờ thế dầu trời bên ngoài có nắng gay gắt đến mấy đi vào souk cũng vẫn được sống trong khung cảnh im mát rất dễ chịu.

Souk chia ra từng khu, khu này bán hàng vải, áo đàn ông, áo đàn bà, trẻ con, may sẵn chằng đầy đường, rực rỡ muôn màu, đi quá một lí thì đến khu bán thức ăn, nào trái datte, nào trà, nào rau khô, thức ăn của người trong xứ, khu bán đồ đồng vàng chói cả mắt nghe chan chát vì họ vừa làm vừa bán ngay đấy, khu đồ gỗ cũng ồ ồ không kém, đến khu bán thảm và đồ da thì êm tai hơn, tất cả chỉ đặc-biệt nhất có khu thợ nhuộm. Len được nhuộm cuộn thành từng vòng treo ngay ra đường màu sắc thật là thắm tươi. Dân-tộc này chỉ chuộng những màu chính như màu xanh lá già, màu chàm thắm, màu đỏ tiết gà, màu vàng hoàng yến, màu tím thắm hoặc đen huyền. Nhờ những màu sắc rực rỡ ấy nên souk được rất nhiều du-khách tìm đến.

Ra khỏi souk có một bãi cỏ rộng cũng rất nổi tiếng gọi là bãi Jamaa-el fna, bãi này cũng tựa như cái bùng binh của xứ Sài-gòn nhà ta, ai du-khách cũng có một lần đi qua đấy. Vào độ bốn giờ chiều thì bãi bắt đầu đông người, họ chia ra từng nhóm vây chung quanh một người đánh đàn, người kể chuyện hoặc người thổi kèn cho rắn cảm (charmeur de serpents). Thấy ai lạ mặt đến, tức thì họ chạy ra ngay hoặc cầm đàn đến vừa gảy vừa ca, hoặc hỏi chuyện làm sao cho chìa tiền ra mới nghe. Khỏi nói chắc anh Nguyễn cũng đoán được tôi tốn bao nhiêu vào cái khoảng ấy rồi.

Ở đây trẻ con cũng khôn ra phết, tôi đang đứng ngắm một chú bé thợ tiện, chú bé tiện những cái cán gỗ để đặt sau những cái que sắt dùng nướng thịt cừu (đây cũng là một tiểu-công-nghệ của xứ Bắc Phi, bên ta nướng trong những cái gắp bằng tre). Chỉ có mỗi một sợi dây cột đầu ngón chân, bên kia một lưỡi dao trên thanh gỗ dài chú bé xoay qua xoay

lại làm sao mà rồi cái cán nào cũng giống hết cái ấy, y như khuôn đúc, chỗ tròn chỗ lép, xong rồi chú bé lại lấy những màu sáp màu, tô chỗ xanh chỗ đỏ trông rất đẹp mắt, chú bé lại làm cả những con « kị » (quille) nữa. Thấy tôi đứng nhìn, chú bé cúi đầu làm rất chăm chỉ xong rồi ngược lên trao cho tôi và bảo : « Biếu cô để làm kỷ niệm ». Tôi lé cả hai mắt, chả nhẽ lại ôm ngay lấy thế là đành phải mua thêm một cây đàn rùa vậy.

Trong tất cả cuộc đi này gần một tháng trời ở Maroc, đồ anh biết có khung cảnh nào đã làm cho tôi lưu luyến nhất, đấy là những cái vườn kè. Chiều ấy ở chợ ra tôi từ già người « gít » một mình đi thẳng đến vườn kè vắng lặng ngồi mãi đến gần tối, nếu anh có dịp sang đây thì nhớ không nên bỏ qua, nó mộng mên, nó bao la và nó quả là rất đáng sống. Văn-minh chưa giã đến, nguyên vẹn và hoang vu ngay đến cả những gốc cây kè ấy cũng không phải do bàn tay người trồng lên, có lẽ do chim hay gió thổi đưa đến mới giữ được cái vẻ ngồn ngộn như thế. Không một tiếng động văn-minh nào ngoài tiếng dế, tiếng chim sẻ tìm mồi và chim hạc đập mõ lốc cốc trên mấy ngọn cây cao. Tiếc rằng đêm xuống hơi vội tôi phải trở về phòng trọ tuy không có chiến-tranh những người ta cũng đã dọa dẫm tôi rất nhiều khi nghe tôi có ý định lang thang ra vườn kè một mình. Về đến phòng trọ Mamounia mà có nhiều du-khách công nhận rằng lịch sự nhất nhì Âu-châu, nằm trong cái khung cảnh chần êm nệm ấm ấy tôi chỉ tiếc giá được ở lại suốt đêm ngoài vườn kè để nghe những câu chuyện tâm sự của mấy gốc cây hoang dại... Mấy năm nay tất cả các khách-sạn này vắng ngắt vì người Pháp đi hết và khách du-lịch cũng vơi dần, có những khách-sạn đang xây dở rất to lớn mà cũng đành bỏ đấy, Casino đóng cửa im ỉm, tuy vậy người dân Maroc vẫn rất tin ở tương-lai...

Nói đến các nơi mà quên không nói đến Casablanca cho anh nghe, cái xứ có nhà trắng tường, trắng mái này tên cúng cơm Ả-Rập của nó là Dar el Beida.

Người Maroc rất kiêu hãnh ở cái điếm văn-minh rộng lớn, nhưng sự thực điếm ấy du-khách có thể tìm thấy ở bất cứ một thành phố nào, những nhà máy, dinh thự mấy chục tầng, đường sá rộng rãi, ánh đèn nê-ông rực rỡ đêm ngày không có gì đáng nói, ngoài cái sự thành phố Casa ở ngay cạnh biển, mà biển lại nguy hiểm nên dọc theo bờ biển chỉ có toàn hồ tắm xây thông ra biển, và năm nào cũng vẫn có người chết nhưng không sao, Casa có những 750.000 dân và người Ả-Rập lại rất giỏi tăng-gia sản-xuất chả thế mà lúc đi lễ ở đền họ không bao giờ quên cầu nguyện :

« Lạy Trời cho tôi có nhiều con trai và đàn lạc-đà, dê, cừu, của tôi thì chỉ sinh toàn giống cái ».

Anh có muốn bắt chước người xứ ấy cho giàu không ? Nói nhảm anh lại giận, vẫn tắt hện anh thư sau.

Phượng xa...
MINH-ĐỨC

tiếng đàn dây

☆ LÊ - THANH - THÁI ☆

(Gửi tiếng đàn xa xôi...)

Chiếc Hạ-uy-cầm
Âu yếm nằm nghiêng nghiêng
Móng sắt dầy,
Tay có yếu ?
Nhạc rơi rơi
Từng giọt máu vương tay
Chua xót đời triền miên...
Có giùn chẳng ?
Chân thon gót mỏng
Mòn ngược xuôi
Năm tháng vọng quê xưa.. !
Tiếng đàn đưa
Trêu gió ngàn đũa cát ước
Cọ vách thưa suốt mướt nước dư âm...
Lòng quặn thì thầm
Vai rung lá lướt
Trĩu lưng gầy vướng víu bước chân tơ...
Tay mảnh mai
Đàn tựa hoài có mỗi
Nhạc ru hồn trong cung bậc chơi vơi
Mái đầu ai
Quên cài chẳng bởi
Lũ tóc khô bối rồi níu bờ vai...
Đàn ngân dài
Từng nhát dao lạnh ngắt
Lắt buồng tim rơi máu mắt tủi bơ vơ !..
Nặng thờ ơ
Mờ héo hắt ;
Đàn khơi dòng dặt nẻo đến trời Thơ...
Đang đập dồn réo rắt.
Tiếng đàn im bật,
Cho hai vì sao cười trong ánh mắt
Ngắt cơn mơ.. !

LÊ-THANH-THÁI

BÁCH KHOA CVIII



HẾT SỢ

★ PHAN - VĂN - TẠO

MẤY người bạn thân đã ra về hết. Cả bữa tiệc cưới ồn-ào chỉ còn để lại vài mảnh vỏ cua nằm lay-lắt trên sàn với mấy mẩu thuốc lá bị dẫm bẹp dí. Thanh bước lại quầy trả tiền, chân đá trúng mấy cái nút chai làm nút chạy thia-lia trên nền gạch và cào lên những tiếng lảnh-lảnh.

Thanh ra khỏi cửa tiệm ăn rồi mà Ngọc vẫn chưa bước xuống cầu thang. Ra về ngồi trên xe, hai người không nói gì với nhau một lúc lâu. Sau cùng chừng thấy sự im lặng đó không hợp lúc, Thanh quay sang phía Ngọc.

— Thế là hai đứa mình lấy nhau rồi đấy !

Ngọc cười không nói gì cả, lấy tay quàng lên vai chồng.

Vừa ở tiệc cưới ra mà Thanh có những ý nghĩ anh không hiểu nổi. Anh tưởng chừng như lấy Ngọc đã lâu lắm rồi, mặc dầu anh mới quen Ngọc. Cách đây sáu tháng, một buổi tối vài người bạn rủ Thanh đi nhảy, anh ngần-ngừ. Anh bỏ thú tiêu-khiển này đã hơn hai mươi năm nay. Anh đi nhảy từ ngày còn có những đấng-xinh vừa giải khát vừa trả vé vũ-nữ mất từ năm các đến một đồng bạc. Ngày đó người ta chỉ quanh-quẩn vài điệu êm đềm, chưa có những điệu đậm giựt, ngúng-nguẩy, hỗn-hển, vất-vẻo như bây giờ. Thanh tưởng chừng nay có trở lại khung cảnh cũ khó mà tránh khỏi mặc cảm của một người lỗi thời. Nhưng sau cùng anh cũng nhận lời đi, vì bạn nài ép cũng có, vì anh tò-mò cũng có.

Anh bước vào căn phòng ánh sáng mờ ảo, không thấy mình bờ ngõ lắm. Anh nhìn từng cặp, từng cặp ra nhảy những điệu mới nhất, thấy cũng không có gì khó - khăn, anh vẫn bắt được nhịp và nghĩ rằng nếu có ai chỉ qua cho anh một chút là anh đi được ngay. Dàn nhạc cử những bản anh đã biết điệu nhưng anh vẫn không đứng lên, bạn thúc giục cũng mặc. Vài thanh-niên ngồi bàn bên, cười nói ầm ĩ. Họ không để ý đến anh mà anh vẫn tưởng như họ chế giễu gì anh. Anh nghĩ thầm: « Này các chú, các chú tưởng ghê gớm lắm phải không. Anh nói cho các chú nghe, anh đi nhảy từ ngày các chú còn ẵm ngửa ».

Cô vũ-nữ ngồi bàn thỉnh thoảng lại nắm lấy cánh tay anh :

— « Nhảy một bài anh ».

Thanh đáp lại :

— « Anh không biết nhảy ».

Nhưng giọng anh trả lời rất mập mờ như muốn để cho cô vũ-nữ hiểu rằng nếu cô ta tưởng thực thì cô ta làm to.

Có lúc các bạn anh mời các cô vũ-nữ ngồi bàn ra sàn nhảy hết, anh ngồi lại trò chuyện một mình với một ý nghĩ thua kém thoáng có một chút bức dọc.

Ý nghĩ ấy còn theo đuổi anh về đến nhà. Anh bỏ quần áo lên giường nằm, buồn chán hơn lúc chưa ra đi. Nhưng anh vẫn còn nhớ cô vũ-nữ ngồi cạnh mình có một cái sống mũi vừa cao vừa thẳng.

Một lần khác bạn lại rủ, anh lại đi. Cô « Cai gà » tới hỏi muốn kêu ai ngồi bàn, anh trả lời :

— Kêu cô mũi vừa cao vừa thẳng.

« Cai gà » đứng ngẩn người ra một lúc rồi hỏi lại :

— Anh có nhớ tên không ?

— Không biết tên. Chỉ nhớ có cái mũi.

— Hồng phải không, hay là Chi ?

— Đã bảo không biết tên.

Bỗng có một bóng đi vào, Thanh kêu lên :

— Đây rồi.

Và anh đứng dậy mời cô vũ nữ ngồi xuống bàn mình. « Cai gà » cười ngật ngèo :

— Ngọc. Tên là Ngọc. Anh nhớ lấy, không lần sau lại kêu cái mũi vừa cao vừa thẳng, thì còn ai biết đâu mà lần.

Phải chờ nghe Thanh giảng thêm Ngọc mới vỡ câu chuyện và cũng không nhịn được cười. Thanh lúc đó lại nhận ngoài cái mũi đẹp, Ngọc còn có đôi hàm răng thật xinh.

Cũng như lần trước, Thanh ngồi cả buổi không nhảy. Nhưng hễ thấy Ngọc đứng lên với một người bạn nào, Thanh không sao tránh được ý nghĩ là Ngọc bắt nhả đối với mình.

Lúc ra về một anh bạn nói đùa :

— Thằng Thanh có vẻ mê con Ngọc rồi chúng mày ạ.

Thanh cười lớn :

— Thứ đàn bà ấy không làm cả đến

cho mình bực mình. Nói gì đến mê !

Anh nghe giọng nói anh có chút gì tàn nhẫn và anh nói tiếp :

— Và lại năm nay ngoài bốn mươi rồi. Hết tuổi mê rồi.

Có điều anh không ngờ là cái mê nó cũng như một người đàn bà đằm dáng luôn luôn tự dối mình.

Chỉ mấy tháng sau Thanh báo cho bè bạn họ hàng biết là anh sắp lấy Ngọc. Một vài người cho là anh bị Ngọc bỏ bùa mê. Sự thực không ly-kỳ đến như vậy. Trước đây Thanh đã có một đời vợ. Anh lấy vợ năm hai mươi ba, và hai năm sau thì vợ chết, chưa có con cái gì. Từ đó Thanh cho mình là cao số quá nên vợ không đứng nổi, và anh bằng lòng sống đơn độc không dám hỏi ai nữa chỉ sợ lại trao một lần bất hạnh nữa cho một người vô tội. Ngọc cũng sống chung với một thương gia cho tới ngày người đó buôn thua bán lỗ, phải trốn công nợ sang Lào biệt tích.

Qua nhiều lần gặp gỡ, Thanh và Ngọc kể cho nhau nghe hết những nỗi u-uẩn đó, và tự-nhiên họ nảy ra một sự tin tưởng huyền-bí là họ có thể làm cho nhau sung-sướng nếu họ chấp liền lại hai nghịch cảnh.

Nhưng trước khi đi tới ý nghĩ đó, cả hai người đã qua nhiều ngần ngại chập chờn. Về phần Ngọc bước đầu trong đời sống lứa đôi đã là một bước hụt, nên nói đi một bước nữa sao mà thấy phiêu lưu quá. Ở cảnh ngộ Ngọc, có lẽ cứ sống bấp-bênh như thế này lại còn là một cách sống yên-ổn nhất.

Thanh còn ngại ngần hơn. Ngoài cái bóng gần mờ của người đã chết, Thanh thấy mình thật tự-do, nay chẳng lẽ tự-nhiên kiếm chuyện ràng buộc ở một tuổi không còn trẻ trung cho lắm. Thứ nhất là người anh định lấy lại là Ngọc. Dù thương yêu Ngọc đi thế nào chẳng nữa cũng phải nhận là Ngọc sống một cuộc đời bất thường. Mà những người chung quanh anh lại không chấp nhận sự bất thường. Đừng nói đến đi làm vũ-nữ, chỉ có một vài lệch-lạc gì là đủ để người chung quanh kết tội chung thẩm, rồi từ đó không cho ăn năn, không tin có hối cải, không bao giờ buông tha, phũ phàng một cách lẳng đẵng, bất công một cách dai dẳng. Dù tội to, tội nhỏ, người lầm lạc bị tất cả những thiên kiến của xã-hội vạch lên mặt những nét không bao giờ phai như những nét dao người ta thích lên mặt phạm nhân đời Trung - Cổ. Thanh biết trước rằng lấy Ngọc, anh sẽ được chia sẻ với Ngọc tất cả những hình phạt tinh vi đó vì đối với người chung quanh, tối tối đi nháy như Ngọc là đã hư hỏng một cách vĩnh viễn rồi. Thanh biết trước cô em gái họ anh sẽ kiếm cách nói kháy anh và bà Cô anh, chanh chua nhất họ, sẽ dè bủ :

— Tao tưởng nó lấy ai !

Có một bà bạn thân mà anh cho là rộng rãi với anh nhất, cũng tỏ vẻ đăm tình. Gần ngày cưới anh đưa Ngọc tới để làm quen, bà ta để cho hai người chờ hằng mười phút rồi mới cho con gái ra nói :

— Chào bác, mời bác ngồi chơi. Mẹ cháu còn mắc bận một chút, mẹ cháu ra ngay bây giờ.

Mà con nhỏ gớm thế. Nó không nói với Ngọc một lời nào, chỉ khẽ gật đầu mộ

cách rất kênh kiệu. Nó nói mẹ nó sẽ ra ngay mà hai người vẫn còn phải chờ không biết bao nhiêu lâu nữa. Đến lúc bà ta ra tiếp, trong câu chuyện thỉnh thoảng lại có một lời bắn ra như một mũi kim nhỏ, người nghe chưa kịp hiểu đã thấy mình bị thương. Suốt buổi Ngọc vui vẻ một cách nể nài làm Thanh càng hối hận đã đưa Ngọc tới.

Thanh đã tưởng là chỉ có phe đàn bà như vậy, nhưng ngay ở các bạn trai anh, ngay ở những người đã từng hút những câu tán tụng các vũ nữ, anh cũng vẫn gặp một sự lạnh lùng nếu không là khinh miệt. Ngày chưa cưới Ngọc, anh đã có lần được các bạn mời đến một buổi khiêu vũ gia đình, và một bạn đã sỗ sàng ném vào mặt anh :

— Chỗ anh em tớ nói thật, trong buổi hôm này toàn người tử tế cả, cậu có đến đừng mang con « đười » của cậu đi đấy nhé.

Có lẽ chính những sự chà đạp của người chung quanh đã khiến anh muốn đi ngược lại thiên hạ. Lúc đầu những lời nói kia còn làm anh nghĩ ngợi, nhưng về sau khi đã trở nên thô bạo thì những hạp hời ấy không làm cho anh buồn lòng nữa. Cùng lúc đó anh càng thấy muốn gần Ngọc như vắng mình Ngọc không đủ sức chịu đựng những vui dấp kia. Và càng ngày ý nghĩ lấy Ngọc càng bén rễ trong đầu óc anh. Cũng có những lúc khác anh thấy ngần ngại, nhưng lại tìm được câu an ủi mình ngay :

— Cả hai đứa cùng là rõ rã cạp lại chứ có phải giai tân, gái trinh gì đâu mà phải kén kén, chọn chọn.

Nhất là những buổi gặp nhau ở vũ trường, Ngọc còn được nhiều người chú ý, Thanh lại bị một cơn ghen âm thầm dày vò anh. Thanh tưởng tượng như có bao nhiêu kẻ địch đang muốn chiếm đoạt Ngọc và tự đặt ra những giả-thuyết rắc rối để tìm lấy cái thú gỡ ra được những khó khăn, tăng sự lợi hại của địch thủ để làm cho sự tranh-đấu của mình thêm gian nan, tất cả những công phu đó để chứng tỏ với chính mình là lấy Ngọc đâu có phải dễ.

Cũng có lần Ngọc đã hỏi anh :

— Lấy em, anh không ngại hay sao ?

— Ngại gì ?

— Ngại người ta nói.

— Nói chán rồi người ta phải thôi.

Tuy trước mặt Ngọc anh trả lời mạnh dạn như vậy, nhưng những khi chỉ có riêng mình, ngồi nghĩ lại anh vẫn e dè. Anh đã tới tuổi mà trong mê say đã lấn vào một chút đắn đo, và nếu thành thực với chính mình anh phải thú nhận rằng anh không còn đủ sức hùng hào để nhắm mắt bước liêu như ngày còn trẻ. Vì lẽ đó Thanh cứ sắp quyết định lại ngập ngừng, đang ngập ngừng lại thấy cần quyết định, nhưng những như vậy mãi không dứt khoát. Cho đến một ngày nọ anh lại chơi Ngọc, thấy Ngọc nằm dài trên giường, đến giờ đi làm mà cũng chưa trở dậy sửa soạn. Anh lại gần :

— Ngọc đau hay sao ?

Ngọc lắc đầu không trả lời.

Anh kéo Ngọc dậy. Ngọc ngồi rũ rượi, im lặng một lúc lâu rồi khẽ nói :

— Em vẫn giấu anh một điều.

— Điều gì ?

— Em đã có một đứa con với người chồng trước.

Ngọc chờ đợi Thanh có một phản ứng gì, nhưng anh vẫn thản nhiên :

— Con trai hay con gái ?

— Con gái

— Lên mấy ?

— Lên bốn

— Bây giờ nó ở đâu.

— Em mắc tối nào cũng đi làm, không trông nom nó được nên em gửi nó ở đằng chị em.

Đã mấy tháng nay Ngọc không cho Thanh biết là mình đã có con, cho rằng sự xuất hiện của đứa nhỏ sẽ làm tối tăm hình ảnh cuộc sống chung mà Thanh đang thu xếp. Nhưng trái lại khi biết Ngọc có con, Thanh đã không bứt rứt mà còn tìm thấy một lý do để định ngay việc cưới Ngọc không chần chừ nữa. Và anh cảm thấy rằng nếu anh lấy Ngọc, việc quan trọng không phải là để anh sống chung với Ngọc mà việc quan trọng là để cho đứa nhỏ được sống chung với mẹ nó. Hình như con người ta lúc nào cũng sẵn có ý muốn vượt cao hơn tầm thước hàng ngày của mình và một cơ hội an ủi được kẻ khác thường giúp cho ý đó bộc lộ. Và lại Thanh

cũng không tìm giải thích thái độ mình. Chỉ biết rằng ở nhà Ngọc ra anh đã đến tìm một ông thầy bói để chọn ngày.

*
* *

Bữa tiệc cưới của anh và Ngọc hết sức giản dị, họ hàng, bè bạn chừng hai chục người. Một vài người nhận lời rồi cuối cùng lại lảng ra, viện cớ này cớ khác. Trong bữa ăn, người ta cười nói ồn ào, nhưng không khí vẫn có một chút gì gượng gạo. Vài bà ngồi thì thầm với nhau, có khi chỉ là chuyện gạo than, may mặc thế mà Thanh tưởng như họ đang nói chuyện mình. Mấy anh bạn, ngà ngà vài ly rượu, quay ra chề giễu cô dâu chú rể. Những chuyện họ nói cũng chỉ là những chuyện anh đã nghe nhiều lần trong các đám cưới, nhưng giọng họ có chút gì nhả nhót đến nỗi Thanh nghĩ rằng nếu anh lấy một người nào khác không phải là Ngọc, thì dẫu có cột đũa, họ cũng không dám thả buông như vậy. Thanh lại còn bắt Ngọc cho đứa con gái nhỏ cùng đi. Ngọc từ chối mấy lần Thanh vẫn không chịu.

— Tiệc cưới mẹ nó thì phải cho nó đi chứ.

Ngồi vào bàn ăn mới thấy sự có mặt của nó thật không phải chỗ. Ai đời cô dâu mà lại mang con bốn tuổi đến tiệc cưới của mình. Trước đây đứa con của người khác đó đã làm anh đủ can đảm đương đầu với mọi thành kiến để lấy Ngọc, nay chính đứa con đó lại làm anh mất hết tự tin, choáng-váng như một anh hùng mệt mỏi vì cử chỉ của mình.

Con bé chẳng băn-khoăn tại sao nó lại được đi ăn, giương mắt nhìn mọi người một cách rất tự-nhiên. Nhưng mọi người len lén nhìn nó như người ta tránh nhìn thẳng một vật gì dị-dạng.

Thanh đã có lúc tin rằng anh sẽ đẩy tung được những cánh cửa đang đóng chặt không chấp nhận cho anh đem Ngọc vào lòng dung nạp của mọi người, nhưng bây giờ anh mới kịp thấy những cánh cửa đó chắc chắn hơn anh tưởng.

Anh nhìn Ngọc, nhìn đứa con nhỏ, mà đầu óc nghĩ đi đâu. Anh bỗng nhớ lại ngày còn nhỏ, có một bữa mẹ sai đi mua đường, nhà hàng cho đường vào một cái bao giấy thủng mà anh không hay. Anh buộc bao vào đằng sau xe đạp, yên chỉ đạp về, tới nhà mới ngờ-ngác thấy kí đường mất non nửa.

Cảm giác của anh trong bữa tiệc cưới này cũng vậy. Anh đã nghĩ rằng lấy Ngọc cũng như lấy người khác, nhưng đến bây giờ mới nhận ra mình lại ở cảnh hôm nào đã mua đường với bao giấy thủng, lúc mang về mới bị vương vãi.

Tiệc tan, mọi người lục-tục đứng dậy, trước khi cáo lui còn chúc cặp vợ chồng mới nhiều hạnh phúc. Lời chúc hẳn có ít nhiều chân thành mà Thanh nghe như một lời thách đố. Đứa con nhỏ vẫn bám lấy bà chị của Ngọc, Thanh thấy nó không về với mình nữa cũng hay.

Xe chạy gần tới nhà Thanh rồi Ngọc mới kêu lên :

— Quay lại, quay lại, cho em về đằng nhà em một chút đã.

Thanh càu nhàu :

— Mai một lúc nào về đằng em không được.

— Chiều em một chút đi.

Thanh quay xe, bốn bánh rít trên đường vắng vì tay lái gấp. Đã bao lâu nay anh không phải chiều một người vợ ở bên mình nay đến lúc phải tập lại thói quen đã mất, anh không thấy hứng thú lắm.

Nhà Ngọc ở trong một đường hẻm, hai dãy nhà hai bên như nhòm vào mặt nhau, giữa là một lối đi hẹp. Ngọc mở khóa, bật đèn vào trong nhà, Thanh theo sau. Hai người vừa ngồi xuống ghế bỗng Ngọc đứng dậy, tiến lại góc tường, tắt đèn đi tối om.

Có tiếng Thanh hỏi, giọng ngạc nhiên :

— Sao lại tắt đèn thế ?

Ngọc không trả lời ngay, trở về ghế ngồi rồi mới nói :

— Mọi ngày có khách đàn ông đến chơi, em cứ phải bật hết các đèn lên sáng trưng để chứng tỏ là không có gì, sợ lối xóm người ta nói ra nói vào.

Ngọc ngừng lại một lúc rồi tiếp :

— Tối nay em chẳng phải chứng tỏ gì hết. Em tắt đèn đi xem nó ra thế nào. Em có chồng rồi, em có anh, em hết sợ rồi.

Trong bóng đêm dày đặc, tiếng nói của Ngọc như từ một nơi u ẩn nào phát ra với một âm thanh chân thực đến xao động. Không nhìn rõ mặt Ngọc, Thanh nghe Ngọc nói càng thấy thắm thía. Anh ngồi im lặng với một cảm giác lạ lùng như thân

mình và tiếng nói của Ngọc đều hòa tan trong bóng tối.

Chỉ có một câu nói của Ngọc mà Thạch bỗng tìm trở lại được lòng tự tin có một lúc đã lung lay. Một lúc sau Anh đứng dậy, vung tay thở mạnh một hơi khoan khoái, tiến lại chỗ nút điện, bật đèn lên, ngắm Ngọc từ đầu đến chân :

— Em có cần lấy gì thì lấy đi rồi về chứ.

— Em chẳng cần lấy gì cả. Về nhà cũ chỉ cốt xem cái cảm giác mới lấy chồng ra làm sao.

— Và hết sợ ra làm sao.

Cả hai người cùng cười.

Họ dắt nhau ra về, Ngọc nép hẳn vào cánh tay chồng. Ra khỏi ngõ hẻm tối, đèn ngoài đường có vẻ như sáng hơn.

Lên xe, Thanh khẽ hỏi Ngọc :

— Thế nào, bây giờ còn đi đâu nữa không ?

Ngọc đáp lại giọng hóm hỉnh :

— Về thôi, đêm tân hôn còn đi đâu nữa.

PHAN-VĂN-TẠO

NGHỆNG NGÀO

★ V Õ - H Ò N G ★

Bảo rằng : Đừng nhớ nữa !
 Bảo rằng : Thôi quên đi !
 Nhưng mà lòng không nỡ...
 — Ngoài em, ta còn chi ?

Ôi tình yêu, tình yêu
 Sao buộc nhiều điều-kiện ?
 Xã-hội chọn mục-tiêu,
 Luật-pháp đòi vĩnh-viễn.

Sao ta không là bướm
 Sao em không là hoa ?
 Gặp gỡ nhau một sớm,
 Chia tay không hẹn giờ.

Sao ta không là hoa
 Em là giọt sương đọng ?
 Yêu bằng tình thoáng qua,
 Kề gì lâu hay chóng ?

Nhưng không được. Cuộc đời
 Dựng những tường thành-kiến.
 Nên lòng dù lưu-luyến
 Cũng đành quên, em ơi !

V. H.

ĐỪNG ĐI SÂU...

Alberto Moravia

THU-THỦY (dịch)

ĐÁNG lẽ Agnès báo qua với tôi trước mới phải, đằng này nàng lại ra đi mà giữa chúng tôi không hề xảy ra một cuộc cãi cọ nào kịch liệt cả. Tôi không tự cho là hoàn toàn, và nếu nàng chịu cho tôi biết nàng có điều gì không vừa ý, chúng tôi đã có thể thảo luận với nhau. Trái lại, không có gì hết : cưới nhau được hai năm không hề có một lời xích mích, thế rồi một buổi mai thừa dịp tôi vắng nhà một lát, nàng lên ra đi, theo cái kiểu những người giúp việc chuồn đi êm ru mỗi khi tìm được một chỗ làm khá hơn. Nàng ra đi và mãi cho tới bây giờ, sáu tháng sau khi nàng bỏ tôi, tôi vẫn chưa hiểu tại sao.

Sáng hôm ấy sau khi mua đồ ở chợ trong khu phố về (tính tôi thích đi mua đồ ăn ở chợ, tôi thạo giá, tôi biết chọn những món thích ý ; trả giá, cãi cọ, nếm, rờ, làm những công việc đó tôi lấy làm thú, tôi muốn biết cho đích xác khúc bít-

tết này là do ở con vật nào, quả táo kia là do ở thủng trái cây nào), tôi lại đi lần nữa để mua một thước rươi tua để viền tấm rèm ở phòng ăn, để cho chắc chắn khỏi bị mua đắt, tôi phải đi một vòng khá dài trước khi mua được món hàng cần thiết trong một cửa tiệm nho nhỏ ở đường Khiêm-Nhường. Lúc tôi về tới nhà thì đã mười một giờ rươi, tôi bước vào phòng ăn để đem so màu của khúc tua với màu của vải rèm và mắt tôi liền trông thấy trên bàn có bình mực, cây bút và một cái thư. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là : « Tệ thật, nàng đã làm vấy mực lên khăn bàn rồi. » Tôi nhắc bình mực, cây bút và lá thư lên, rút cái khăn bàn đi ra bếp và lấy chanh đánh mãi một lúc, cuối cùng tôi gột sạch được vết mực. Đoạn tôi trở về phòng ăn, trải lại chiếc khăn và mãi lúc ấy tôi mới sức nhớ đến lá thư. Thư ấy gởi cho tôi : Alfred. Tôi mở ra và đọc : « Em đã lau chùi quét

tước rồi. Bây giờ anh phải tự làm cơm lấy, vả lại anh nấu nướng cũng đã quen rồi. Vĩnh biệt. Em về ở với má. Agnès. » Thoạt tiên tôi không hiểu gì cả, rồi thì tôi đọc lại lá thư và sự thật hiện ra rõ ràng : Agnès đã ra đi, nàng đã bỏ tôi sau hai năm chung sống. Theo thói quen tôi xếp lá thư vào trong ngăn tủ buýp-phê là nơi tôi vẫn thường cất biên lai và thư từ, xong tôi ngồi xuống một chiếc ghế gần bên cửa sổ. Tôi không biết nghĩ ngợi thế nào cả, tôi không bao giờ ngờ đến cái việc đã xảy ra và tôi vẫn chưa tin là nó đã xảy ra thực. Trong khi đang suy nghĩ mất tôi ngó xuống sân nhà và trông thấy một chiếc lòng trắng có lẽ là ở chổi rụng ra trong khi Agnès quét dọn. Tôi nhặt lấy chiếc lòng và ném ra ngoài cửa sổ. Rồi tôi lấy nón và ra khỏi nhà.

Rồi thì tôi có thói quen bước đúng cứ mỗi bước là hai viên đá lát trên lề đường, vừa bước tôi vừa bắt đầu tự hỏi mình đã làm gì đối với Agnès khiến nàng bỏ tôi một cách độc ác như thế, gần như có một dụng ý nhục mạ.

Thoạt tiên tôi tự vấn : Agnès có thể trách tôi một tội ngoại tình mặc dù rất con con nào chăng ? Tôi liền tự đáp : không thể được. Ai cũng biết tôi không hề say mê đàn bà bao giờ, tôi không hiểu họ mà họ cũng không hiểu gì tôi hơn ; nhưng từ khi tôi lấy vợ có thể bảo rằng đối với tôi không hề còn có đàn bà nữa. Cho đến nỗi thỉnh thoảng chính Agnès lại hỏi để ghẹo tôi : — Nếu anh mê một người đàn bà khác thì anh sẽ làm thế nào ? — Và tôi trả lời : — Không thể được . . . Anh yêu em, và tình yêu ấy sẽ lâu bền đến suốt đời. — Và bây giờ,

trong lúc nghĩ lại, tôi nhớ ra hình như là cái tiếng « suốt đời » không hấp dẫn nàng, trái lại, nàng dài thòng bộ mặt xuống và im lặng không nói gì nữa.

Bước qua một vấn-đề khác, tôi muốn xét xem phải chăng Agnès ra đi vì lý do tiền bạc chẳng hạn, vì tôi không chu cấp cho nàng đầy đủ chăng. Nhưng cả về điểm ấy tôi vẫn có thể yên ổn lương tâm. Tiền bạc thì quả là tôi chỉ đưa cho nàng trong những trường hợp đặc biệt ; nhưng mà nàng thì còn cần đến tiền bạc để làm quái gì ? Lúc nào cũng có tôi sẵn sàng bên cạnh để trả tiền. Và đời sống mà tôi xếp đặt cho nàng kể ra cũng không đến nỗi tệ. Các bạn tính coi : mỗi tuần đi xi-nê hai chuyến, đi tiệm hai lần, mỗi tháng hai tờ tạp chí có tranh ảnh và ngày nào cũng có một tờ nhật báo. Mùa đông thỉnh thoảng lại đi xem ca kịch nữa và mùa hè thì đi nghỉ mát ở Marino, tại nhà của ba tôi. Đó là về sự tiêu khiển ; còn về trang sức Agnès lại càng không có lý do gì để than phiền cả. Bất cứ nàng cần đến thứ gì, dù là một cái xú-chiêng, một đôi bút-tất hay một chiếc mu xoa, lúc nào tôi cũng sẵn sàng : tôi đưa nàng đến tiệm, chọn hàng với nàng và trả tiền không bao giờ nhăn nhó. Đối với chuyện may mặc và mọi trang phục cũng thế ; nàng vừa nói : — Em cần một chiếc áo hay một cái nón — thế là tôi đã đáp ngay : — Thế thì đi sắm ngay, để anh đưa em đi. — Vả lại phải công-nhận rằng Agnès cũng không hay đòi hỏi : lấy nhau được một năm là nàng đã hoàn toàn không đòi may áo mới nữa. Và bấy giờ lại tới lượt tôi phải nhắc nàng món này món kia để trang điểm. Nàng trả lời rằng đã có đồ cũ năm

ngoái, thế cũng xong ; đến nỗi rốt cuộc tôi nghĩ rằng về phương diện ấy nàng khác hẳn mọi người đàn bà khác và không thiết mặc đẹp.

Như vậy, không thể thắc mắc gì về vấn-đề ái-tình hay tiền bạc. Chỉ còn có điều mà ở tòa án thường gọi là tính khí xung khắc. Và tôi lại tự hỏi : giữa chúng tôi làm gì có sự xung khắc được, vì suốt hai năm ăn ở với nhau không bao giờ chúng tôi cãi nhau dù chỉ một lần, điều ấy tôi dám quả quyết như thế. Không bao giờ chúng tôi rời nhau. Nếu quả có xung khắc thì nó đã bộc lộ ra rồi chứ. Nhưng Agnès không khi nào nói trái ý tôi, có thể bảo hầu như nàng không nói. Suốt những buổi tối ngồi với nhau ở tiệm cà-phê hay ở nhà, rất ít khi nàng chịu mở miệng, chỉ có mình tôi nói mà thôi. Tôi không giấu giếm rằng tôi có tật thích nói và thích nghe mình nói, nhất là khi cảm thấy mình ở bên cạnh một người thân tín. Giọng tôi nói bình thản, đều đều, không cao không thấp, mực thước, lưu suồng, và khi tôi đề-cập tới vấn-đề gì thì tôi lật ngược lật xuôi mọi phương diện, tôi xét cho tới nơi tới chốn mới thôi. Mặt khác, những vấn-đề tôi thích nhất là những chuyện thuộc về gia vụ : tôi ưa nói về giá-cả đồ đạc, về cách bày biện trong nhà, về sự nấu nướng, về chuyện đun nấu, sưởi đốt, nói tóm lại là về tất cả những chuyện nhảm nhí ấy. Tôi nói không bao giờ chán và tôi khoái những chuyện ấy tới nỗi lắm khi tôi thấy mình lặp lại chuyện cũ và nhận ra rằng mình đã nói hết cả không còn sót điều gì nữa. Nhưng công bình mà xét thì đó chính là những chuyện để nói với

đàn bà ; ngoài ra ta còn biết nói chuyện gì nữa ? Vả lại, Agnès nghe tôi nói cũng chăm chú, hay ít ra tôi có cảm tưởng như thế. Chỉ có một lần, trong lúc tôi đang giảng-giải về máy móc của một cái máy đun nước trong bồn tắm bằng điện, tôi chợt bắt gặp nàng đang chớp mắt ngủ. Tôi đánh thức nàng dậy, hỏi : Em nghe chán lắm à ? — Nàng vội vàng cãi : — Không, không, em mệt đấy, đêm vừa rồi em không ngủ được chút nào cả.

Thường thường, các ông chồng họ có hoặc là công việc ở bàn giấy, hoặc là công việc buôn bán, hoặc là nếu không làm gì cả thì họ đi chơi với bạn bè. Đối với tôi thì bàn giấy, bán buôn, bè bạn, tất cả đều chỉ là Agnès, tôi không hề rời nàng ra một lúc nào cả, dù là khi nàng nấu ăn, điều đó chắc làm cho các bạn lấy làm ngạc nhiên, tôi thích làm bếp và ngày nào cũng vậy, trước mỗi bữa ăn, tôi đều choàng tấm khăn lá đáp và giúp Agnès nấu nướng. Tôi làm chuyện này một ít chuyện kia một ít : tôi gọt khoai, lật đậu, băm thịt làm chả, coi chừng các song trên lò. Tôi giúp nàng đắc lực, nhiều khi nàng phải nói : Nè, thôi anh làm lấy... em hơi nhức đầu... để em lên giường nằm một lát — Thế là tôi tự nấu lấy một mình ; nhờ có sách dạy nấu ăn nên tôi lại còn dám nấu cả những món mới. Khốn nỗi Agnès lại không mấy gì ham đồ ngon ; trong thời gian gần đây, nàng ăn uống lại không có chút gì ngon miệng và gần như không động tới các món ăn. Một hôm nàng nói đùa : — Anh sinh ra đàn ông là lắm đấy... anh là đàn bà, mà lại là một người nội trợ giỏi nữa. — Tôi phải công nhận rằng câu nói ấy cũng

có phần nào đúng sự thật : quả vậy, ngoài chuyện nấu ăn, tôi cũng thích giặt, ủi, may vá và trong những giờ nhàn rỗi, tôi còn muốn viển lại khăn mu-soa. Như tôi đã nói, tôi luôn luôn ở bên cạnh vợ tôi ; ngay cả những khi nàng tiếp bạn gái hay là bà nhạc tôi đến thăm nàng, ngay cả những khi, không hiểu tại sao, nàng bỗng nhiên có ý muốn học tiếng Anh : muốn khỏi rời nàng, tôi đành phải theo nàng học cái tiếng khó khăn ấy. Tôi quần-quít sát bên nàng đến nỗi thỉnh thoảng chính tôi cũng sực thấy mình lỗ bịch : một hôm ở trong tiệm cà-phê nàng nói một câu nhỏ quá khiến tôi không nghe rõ, tôi đi theo nàng tới tận trước cửa cầu tiêu làm cho người gác cửa phải chặn lại nhắc cho tôi biết không được bước vào một nơi dành riêng cho đàn bà. Ô ! một người chồng như tôi, ở đời bộ dễ gì tìm được lắm sao ! Nhiều khi nàng bảo tôi : — Em phải đi đến chỗ này, phải gặp người nọ không có liên quan gì tới anh. — Tôi đáp : Anh, anh sẽ đi với em... vả lại, anh cũng rảnh, không có chuyện gì làm cả. — Nàng bảo : — Anh muốn đi thì tùy ý, nhưng em bảo cho biết trước là rồi anh sẽ chán cho coi. — Nhưng không, trái lại, tôi không chán, và sau đó tôi đã nói cho nàng biết : — Đó, em xem, anh có chán đâu. — Tóm lại là vợ chồng chúng tôi không bao giờ xa nhau cả.

Vừa suy nghĩ về những điều ấy và moi óc ra vẫn không sao tìm ra được lý do hành động của Agnès, tôi vừa đi tới nhà hàng của ba tôi. Đó là một cửa hàng bán đồ thờ phượng, ở gần công trường La Minerve. Ba tôi là một người còn trẻ : tóc đen, quần, râu mép đen và dưới hàm

râu ấy ẩn một nụ cười mà tôi chưa bao giờ rõ được ý nghĩa. Có lẽ vì quen tiếp xúc với các giáo sĩ, với những người sùng đạo, ba tôi trông hiền lành, điềm đạm lạ lùng, cử chỉ cực kỳ trang nhã. Nhưng má tôi biết tường tận hơn thì lại bảo rằng ba tôi cũng có những lỗi tỏ ra khó chịu ngấm ngấm. Tôi lách giữa các tủ kính chứa những bình thánh thể, những nắp đậy thánh tước, và đi thẳng ra nhà sau, chỗ bàn giấy của ba tôi. Cũng như mọi khi, ba tôi đang ngồi vừa tính toán vừa nhàn râu mép, có vẻ chăm chú. Tôi nói bằng một giọng ghen ngào : — Thừa ba, Agnès bỏ con đi rồi.

Ba tôi ngược mắt lên và tôi tưởng như trông thấy một nụ cười dưới hàm râu ; nhưng cũng có lẽ chỉ là tôi tưởng ra như thế thôi. — Người nói : — Ba tiếc... ba rất tiếc... nhưng công chuyện đầu đuôi ra làm sao thế ?

Tôi kể lại sự việc đã xảy ra. Kể xong, tôi nói : — Cổ nhiên là con buồn lòng hết sức... nhưng nhất là con muốn biết tại sao nàng lại bỏ con như thế..

Ba tôi hỏi, vẻ phân vân :

— Con cũng không ngờ sao ?

— Không.

Người im lặng một lát rồi vừa thở dài vừa bảo : — Alfred, ba buồn lắm, nhưng không biết nói gì được lúc này... con là con của ba, ba thương, ba giúp cho con sống với đời... nhưng về những chuyện thuộc về vợ con thì chỉ có liên quan đến con thôi.

— Dĩ-nhiên, nhưng tại sao nàng lại bỏ con ?

Ba tôi lắc đầu : — Nếu ba như con thì ba sẽ không đi sâu vào vấn đề làm gì... cứ để yên thế... con biết lý do ấy có ích gì đâu ?

— Con cần biết hết sức... cần hơn hết mọi sự.

Vừa lúc ấy có hai giáo sĩ bước vào tiệm và ba tôi đứng dậy tiếp, người nói : — Ba bạn có khách... chuyển sau con đến... chúng ta sẽ nói chuyện. — Tôi hiểu rằng tôi không nên trông mong gì nữa ở ba tôi và tôi đi ra.

Nhà mẹ của Agnès ở cách đó không xa, về phía sông Vittorio. Tôi nghĩ cái người duy nhất có thể giải nghĩa cho tôi biết sự bí mật kia chính là Agnès, và tôi đến nhà nàng. Tôi bước nhanh lên tam cấp, đi vào phòng khách, nhưng không phải là Agnès mà lại là mẹ nàng hiện ra, bà là một người đàn bà tôi không ưa chút nào, bà cũng là nhà buôn, tóc nhuộm, hai má như hoa nở, trông bộ tươi tỉnh, nham hiểm, giả dối. Bà đang choàng cái áo mặc trong nhà, cài một hoa hường trước ngực. Vừa trông thấy tôi bà đã làm ra bộ thân mật : — Ô! Alfred, may mắn chưa, có chuyện gì thế con?

— Thưa mẹ, mẹ phải biết rồi chứ. Agnès không ở với tôi nữa,

Bà điềm nhiên trả lời : — Vâng, mẹ biết... nó có về đây... nhưng biết làm thế nào..., đó là những chuyện vẫn xảy ra...

— Sao? Mẹ trả lời như thế được sao?

Bà nhìn tôi một lát, rồi nói : — Con đã thưa với ông bà bên ấy biết chưa?

— Rồi, ba tôi...

— Ông bên ấy nói sao?

Ba tôi nói gì thì có quan hệ đâu đến bà ấy? Tôi trả lời miễn - cưỡng :
— Mẹ đã biết tính ba tôi rồi chứ... ông khuyên tôi không nên đi sâu vào...

— Ông nói thế là có lý, con ạ... con không nên đi sâu.

Tôi nổi nóng :

— Nhưng tại sao cô ấy bỏ tôi mới được chứ? Tôi có làm gì đối với cô ấy đâu? Tại sao mẹ không nói cho tôi biết?

Trong khi tôi đang phùng phùng nổi giận và nói như thế thì mắt tôi trông xuống bàn. Mặt bàn phủ một tấm khăn, trên đó có một miếng vải trắng nhỏ, thêu, và trên miếng vải ấy đặt một lọ hoa cắm chướng màu đỏ. Nhưng miếng vải thêu ấy lại không để đúng vào chính giữa mặt bàn. Trong khi bà ta nhìn tôi mỉm cười không trả lời, bất giác tay tôi nhắc bình hoa lên và kéo sửa miếng vải vào giữa bàn mà tôi không để ý đến cử chỉ của mình.

Bà ta liền nói : — Tài thực... bây giờ mới đúng là giữa bàn... mẹ không để ý đến, thế mà con vừa trông qua đã thấy ngay là miếng vải chệch qua một bên... tài thực... và bây giờ, tốt hơn hết là con nên đi đi...

Bà ta đứng dậy và đến lượt tôi, tôi cũng đứng dậy luôn. Đáng lẽ tôi muốn xin gặp Agnès, nhưng tôi cảm thấy vô ích. Vả lại tôi sợ gặp mặt nàng tôi sẽ không khỏi nói hay làm điều gì nhảm nhí chẳng. Thế là tôi ra đi và từ đó chẳng bao giờ tôi gặp lại vợ tôi nữa : Có thể rằng một ngày nào đó nàng sẽ quay về vì nhận thấy không dễ gì tìm ra được một người chồng như tôi. Nhưng lúc đó tôi nhất định không cho nàng bước vào khỏi ngưỡng cửa nhà tôi trước khi nói rõ cái lý do tại sao trước kia nàng đã bỏ tôi.

THU-THỦY dịch

NẮNG...

★ H U Y - L U C ★

Nắng...

Nắng ngủ trên vườn hoang bãi vắng

Nắng múa sân tôi.

Nắng reo dưới ruộng trên đồi

Nắng cười, nắng nói, lòng tôi rạt-rào...

Trời nhẹ thanh-cao

Sớm mai bừng trong sáng

Nắng hong tơ

Óng-ánh ngời duyên-dáng

Núi đồi xanh

Nắng phơn-phớt pha hồng

Lúa ngậm sữa no tròn

Nắng ấp-ủ đậm bông

Hương sức nức, nắng tung trời gió thoảng...

Nắng rung-rinh

Trên sông hồ lấp-loáng

Thuyền ra khơi

Nắng tràn ngập tương-lai

Nước xao-động chồn-vờn

Nắng nhẩn mặt nhớ thương ai.. ?

Em đi trong nắng mới

Hồ thu-ba

Vương vấn ánh xuân-quang

Làn mi cong

Nắng suốt-mướt từng hàng

Chân rún-rây

Nắng đùa trên gót ngọc

Nắng ngả-nghiêng

Chập-chờn trên suối tóc

Ôi tình yêu

Rực-rỡ nắng vô-biên...

Đẹp làm sao

Nắng mới đồ muôn miền...

Êm-ấm quá

Đường em về nắng lộng...

Nắng thắm đôi môi

Tô màu cuộc sống

Trông về xa

Nắng lóng lánh em cười

H. L.

PHẦN ĐẦU



tiếp theo B.K. số 107

VI

TỪ ngày ra biển, chủ nhật đối với tôi có ý nghĩa hơn. Thường thì chiều thứ sáu bắt đầu mong. Sáng thứ bảy « ý nghĩa » của ngày chủ nhật đã bắt đầu rõ rệt.

Thứ bảy nào anh tôi cũng ra. Và rất có thể có thêm nhiều người khác. Ở đây tự nhiên cảm thấy khuấy náo, lể-loi. Thiếu những cái quen thuộc Sung sướng hưởng « cuộc sống ẩn dật » chưa được bao lâu tôi đã ước mơ-vấn vào những ngày du khách ra thăm biển, sẽ tìm thấy những

khuôn mặt quen thuộc trong đám người ấy. Tôi sẽ mừng đón như chính họ đến thăm tôi.

Dù sao tôi vẫn còn nhiều bản tính của riêng con người. Sợ ồn-ào náo nhiệt, ưa chỗ vắng vẻ yên tĩnh, nhưng không muốn bị bỏ quên. Đôi khi vẫn ao ước những cuộc thăm viếng đầy tình nhân loại.

Tôi cảm thấy tất cả những chi êm dịu của sự thăm viếng ấy. Nhưng ai sẽ tới thăm tôi? Vì tôi là một người ốm. Ốm một thứ bệnh không ai muốn gần gũi.

Tôi tự hỏi tình ruột thịt có gì khác lạ mà bất cứ trong trường hợp nào, sự thương yêu quý mến nhau cũng không sút giảm ?

Một đứa con hư hỏng, mọi người đều chê cười, khinh ghét. Trong khi đó bố mẹ, anh em vẫn thương xót, vẫn coi nó là một người, chỉ vì lầm lỡ...

Một người mắc phải thứ bệnh nguy hiểm, ai cũng ngoảnh mặt quay đi, ghê tởm sợ bị lây. Ngược lại, bố mẹ, anh chị em lại càng thương yêu quý mến. Không hề ghê tởm, xa lánh, vẫn gần gũi, tìm hết cách thuốc men cho khỏi. Đã không sợ bị lây, không quản khó nhọc, chỉ nghĩ đến cái đau đớn mà người thân của mình đáng phải chịu. Chẳng kể công lao, chẳng chú trọng đến thời gian, cả nhà hợp nhau chống với Tử thần. Miễn sao người thân yêu chóng được bình phục, cảm thấy được che chở, và nhất là vẫn cảm thấy mình là một người.

Sự ấy còn vượt xa tình nhân loại. Một cử chỉ vì tình thương yêu thành thật, phát xuất từ đáy lòng, một cái nhìn bao hàm triu mến đầy xúc cảm không thể tìm thấy ở một người làm ra cử chỉ ấy vì bốn phận, vì tình nhân loại mà thôi.

Ai đã có dịp vào những viện mồ côi, nhà nuôi trẻ em vô thừa nhận đều hiểu rằng tình nhân loại còn thiếu nhiều lắm. Những khuôn mặt ngơ ngác và buồn thảm, ngây thơ vô tội kia, ngoài sự săn sóc của những bàn tay từ thiện, chúng còn thiếu một thứ không thể có ở những người nuôi chúng vì lòng nhân đạo. Đó là tình

thương yêu của gia đình. Nơi tạo ra những cái nhìn, những cử chỉ... Không thể tìm thấy ở một nơi nào khác.

Ai đã từng sống xa gia đình, trở trời cô độc, mới hiểu rõ giá trị của một gia đình, một tổ ấm. Mới hiểu rõ giá trị của tình cha mẹ, anh chị em.

Tôi nhớ đến nét mặt đau buồn của mẹ tôi, của các anh tôi. Tôi nhớ đến sự lo lắng mọi người đã trải qua khi tôi quá mệt mỏi, những ngày tôi đau nhiều.

Tôi đã ngạc nhiên vì mọi người vẫn đối với tôi như khi chưa biết tôi đau về bệnh gì. Tôi đã ngạc nhiên về sự săn sóc, chiều chuộng, về những cử chỉ, cái nhìn, giọng nói. Tôi cố tìm một sự miễn cưỡng, giả tạo trong những thứ đó mà không thể thấy. Tôi tự coi là một gánh nặng, mọi người làm thế vì bốn phận, mà không thể được.

Tôi nhớ đến nét mặt tràn đầy hân hoan của anh tôi khi gặp tôi ra đón ở đường vào nhà. Nét mặt ấy chứng tỏ quá đầy đủ sự vui sướng của anh được gặp tôi. Tôi biết thế vì những lúc khác, mặt anh không bao giờ có nét ấy.

Lo lắng, nghĩ ngợi về công việc, về đời sống... Những thứ đó làm cho khuôn mặt thành nghiêm nghị, khắc khổ.

Tôi cũng biết mình đã quá chú trọng đến nét mặt, đến cái nhìn, nụ cười. Tôi chỉ chú trọng đến những thứ không thể cất nghĩa, không thể nói cho người khác hiểu. Những thứ không có thể tích, màu sắc, không là cái gì cả.

PHẦN ĐẦU

— « Ước gì tôi giữ mãi được những cái đang có ».

Lại ước rồi ! Điều này có lẽ tham lam hơn cả. Nhưng nếu một trong tất cả những điều ước được thành sự thật, chắc chắn tôi sẽ chọn ngay điều này. Không chút đắn đo, không chút do dự.

Bởi vì tôi biết không bao giờ phải hối hận vì mình đã quá vội vàng, hấp tấp, không suy nghĩ, không đắn đo cân nhắc trước khi ước.

Nếu ai hỏi tại sao dám chắc như vậy ? Tôi sẽ mỉm cười bí mật, và nói rằng nhiều thứ đừng tìm hiểu bằng lời nói sẽ thấy mình hiểu nhiều hơn.

*
* *

— Ba mươi chín, — Bốn mươi —
Bốn mươi một.

Kim chỉ số của cái cân trong hiệu thuốc cứ lên đều đều. Trong một tháng tôi lên được hai cân. Kể cũng tạm gọi là một kỳ công. Nhưng nếu so với giá thịt bán ở chợ, dù thứ thượng hạng, cũng quá đắt đấy.

Tôi được ở thêm một tháng để « kiểm cổ » lấy hai cân nữa.

Bác-sĩ bảo nếu được bốn mươi một cân, sẽ không lo bị lại. Bây giờ được rồi. Cái cân đã chứng minh, tôi cũng đã bơi nhanh đến nỗi mẹ tôi.. chạy theo ở trên bờ không kịp. Nghĩ đến sự kiên cữ, liệu có hơi thừa chăng ?

Ít ra phải có một lần thí nghiệm. Chỉ có cách ấy mới biết cái độ lượng kiên cữ

có thể giảm bớt, nói rộng hay không. Và dịp may đã đến ngay sáng chủ nhật ấy.

Có nhiều người ra chơi. Vui nhất là nhiều trẻ con. Lúc ấy đã gần mười giờ. Nắng đã đến độ dư dôi. Tôi và anh tôi vừa ở dưới nước lên, sửa soạn về sau gần hai tiếng đồng hồ bơi và bắt ốc ở bãi cát. Ngày đặc biệt. Lên được hai cân, kỷ luật được thay đổi.

Tôi rất thích trò chơi bắt ốc. Đào một hố sâu ở cát cho nước tràn vào. Rồi lội xuống nước, quay lưng ra biển, chăm chú nhìn từng đợt sóng đưa vào bờ. Cần rất tinh và nhanh mắt. Trông thấy con ốc nào phải nhặt ngay, trước khi sóng rút ra. Bởi vì lúc đi sóng sẽ cuốn trôi tất cả những thứ sóng giạt vào.

Những con ốc tròn và đẹp, nhỏ tí sếu, có rất nhiều màu và kiểu hoa khác nhau. Cho chúng vào hố nước đã sửa soạn sẵn, một lúc sẽ thấy chúng thò một lỗ càng ra và bò ở trong nước.

Đáng lẽ đã về từ lâu. Chỉ vì tôi quá say mê trò chơi đó. Quên cả thời gian, quên cả rằng mình không được phơi nắng.

Thế rồi chúng tôi gặp nhau ở giữa đường về nhà. Lại kéo nhau xuống biển, đùa nghịch cho tới mười một giờ. Có trẻ con vui lắm. Cười và nói bằng thịch.

Cơm trưa xong, không cưỡng lại nổi sự vui vẻ của đời sống khỏe mạnh, chỉ nghĩ một tí tôi lại đi phơi nắng cho tới chiều mát. Chả thấy mệt gì cả. Sự say mê làm tôi quên hết.

Thật là liều lĩnh ! Song sống không nghĩ đến kiên cữ, không có kỷ luật, làm tất cả những thứ người ta làm, thật là tuyệt diệu.

Chiều sẩm tối hôm ấy, đứng trên bậc thềm vậy khi bánh xe từ từ tiến ra cổng, tôi cảm thấy tiếc rẻ những phút vui không tính toán suy nghĩ đã hết quá sớm. Và tự nhiên tôi nghĩ có thể đây là lần cuối cùng tôi có một ngày « kinh khủng » như thế.

Đi chậm chậm vào trong nhà, tôi tự hỏi tại sao mình có ý nghĩ đen tối như vậy ?

Không biết tại sao. Nhưng nửa đêm hôm đó, tôi cảm thấy khó chịu như khi mới sửa soạn ốm. Tuy vậy vẫn bình yên cho tới sáng hôm sau. Trước khi về Saigon, anh tôi dặn hôm nay nghỉ ở nhà, đừng đi tắm nữa.

Buổi trưa, tôi không muốn ăn cơm. Nằm nghỉ, thiếp đi một lúc. Tỉnh dậy thì thấy đang lên cơn sốt. Nóng ghê gớm. Nhiều lúc mê man không biết gì nữa. Tuy vậy tôi còn đủ trí thông minh nghĩ mỗi lần trước khi mê đi :

— « Đó là hậu quả của ngày đi chơi không tiền khoáng hậu hôm qua ! »

Đến đêm mới bắt đầu hết nóng, thì lại rét. Có bao nhiêu chăn tôi đắp tất cả, dưới là đệm bông, thế mà vẫn run đến... trạo cả răng, sái cả quai hàm. Ba ngày liền. Mỗi ngày một cơn nóng, một cơn rét như thế.

Tưởng tượng cái hình thù bốn mươi một cân của tôi, những người chưa từng biết ốm là gì, chắc không thể tin tôi làm nổi việc « phi lý » như vậy. Người gì mà chẳng phải làm qua một việc, chỉ đi chơi cũng sốt ?

Nếu chính tôi không bị, chắc tôi cũng không tin.

*
* *

Có lẽ từ xưa tới nay chỉ có sự bất ngờ làm được nhiều công việc đáng kể cho đời người nhất.

Có những sự bất ngờ đem tới thất vọng, đau khổ. Đem tới sự chết. Và cũng có những bất ngờ đưa lại sự ngạc nhiên, vui thích. Đưa lại sự sống.

Giữa lúc tôi vui lòng đầu hàng định mệnh, nhắm mắt lại mặc tất cả. Tự coi mình như cánh bèo trên mặt nước sóng, mặc cho giòng nước đưa đẩy, dù đã biết tương lai chỉ là héo tàn, chìm trong làn nước tối tăm. Giữa lúc tôi biết rõ tương lai sự đầu hàng vô điều kiện của mình, thì lại có một sự bất ngờ.

Tôi nhận được một cuốn truyện và mấy dòng chữ.

Thoáng trong giây phút, có cái gì làm tôi lại ham sống, lại thấy đời có ý nghĩa. Tôi có cảm tưởng như hôm nào, một cái nhìn, một nụ cười đã làm tôi sống lại, đã cho tôi nghị lực để sống.

Tôi nhớ đến những sự đã xảy ra gần đây. Tôi nhớ đến những gì đã làm cho tôi có những cảm giác, những xúc động khác tả, khác lạ. Đã cho tôi những vui, buồn mới mẻ, những sướng khổ dị thường.

Tôi tưởng lại được như buổi chiều hôm chủ nhật nào, một cái nhìn, một nụ cười cho mình tôi, của riêng tôi. Tất cả những gì đã qua, vừa bắt đầu diễn lại. Tất cả những gì đã chết, đột nhiên sống lại.

Sự khôn ngoan tự nhiên của con người cho tôi biết không nên làm sống lại một

thiên tình sử vô vọng. Khởi lại một chuyện đã cho mình chín phần mười đau khổ, có một phần sung sướng, là đại đột vô cùng. Song linh năng thiên phú của con thiếu thân là đi tìm ánh sáng, của con người là đi tìm sự sống.

Chết đuối đến nơi, vớ được cái gì cũng nắm lấy. Tin rằng cái đó sẽ đưa mình tới sự sống là đủ. Không cần biết đến hậu quả của sự tin tưởng đó.

Tôi chính là người sắp chết đuối. Bàn tay đã dại của tôi vừa gặp một thứ để nắm lấy. Tôi tin tưởng đồ vật vừa vớ được sẽ đem lại sự sống. Tôi không có thì giờ tìm hiểu sự tin tưởng ấy sẽ đi đến đâu. Cầm thật nhanh, nắm thật chặt, cố hết sức giữ lấy. Thế thôi.

Lúc đó tôi có tâm trạng của người chết hụt. Bị chết hụt một lần sẽ thấy đời đẹp lắm. Cái gì liên quan tới sự sống cũng rất đẹp, rất nên thơ và đáng yêu.

Tôi ngồi yên lặng hàng giờ ngắm một chiếc lá vàng rụng trên hè. Trời hôm nay xấu hay tốt có hề chi. Lòng tôi thanh thoi, thư thái là đủ. Tôi có cảm tưởng mọi sự ở đời đều rất hợp ý, vừa lòng tôi. Hình như tôi chưa từng biết ước muốn là gì, chưa từng thấy thiếu thốn. Đời sống quá đầy đủ rồi.

Cái gì tôi gặp, trông thấy đều lạ, đều cho tôi sự ngạc nhiên vui thích. Có lẽ tôi như con nai con lân đầu rờn khỏi ổ, đi tìm hiểu vũ trụ.

Tôi lại tìm thấy thi vị của những buổi sáng dậy sớm ra sân xem trời đổi màu. Khi nắng chưa lên, một mình đi lang thang trên bãi, leo từ tảng đá này sang tảng đá kia

nhặt vỏ ốc. Tôi lại tìm thấy sự êm dịu của những buổi chiều tắt nắng, ngồi trên đập thả hồn theo làn ánh sáng hấp hối của hoàng hôn, nghe tiếng sóng rì rào dưới chân. Trong khi trên cao, từng vì sao hiện rõ dần, lóng lánh như những viên kim cương...

Tất cả chỉ là bao la bát ngát. Bát ngát như trùng dương. Bao la như vũ trụ.

Tôi lại muốn sống khỏe mạnh như bất cứ ai. Tôi sẽ làm tất cả các thứ để khỏe. Tôi lại cố uống thuốc. Vừa tiêm vừa uống. Cố như người đi cố cho chóng hết đoạn đường cheo leo, hiểm trở, tối tăm.

Đi hết đoạn đường này sẽ tới lối đi phẳng phiu, sáng sủa. Sẽ gặp nhiều tốt đẹp, vui thích.

Tôi chính là người đi cố đoạn đường tối tăm hiểm trở ấy. Ra ngoài kia sẽ toàn là tốt đẹp, vui tươi.

* *

Nếu ai hỏi ở miền biển có gì đáng chú ý nhất, tôi sẽ trả lời không cần suy nghĩ là những chiếc xe ngựa. Và điều vui thích nhất lẽ dĩ nhiên là những cuộc đi chơi bằng xe ngựa.

Lần đầu tiên đặt chân đến Vũng-tầu, có lẽ ai cũng như tôi, đều chú ý đến những xe ngựa. Với hai bánh cao lớn, chỗ ngồi thành cao lênh khênh. Chắc người ta có dụng ý để chỗ ngồi cao cho du khách được thanh thoi ngắm phong cảnh.

Đi xe ô-tô vương mui, vương khung cửa. Ô-tô lại chạy nhanh quá, mà có những

chỗ phải đi rất thông thả mới đủ thì giờ chiêm ngưỡng hết vẻ đẹp hùng vĩ ngoạn mục, chỉ riêng miền biển mới có.

Buổi sáng khi nắng chưa lên, bác xa phu đã dắt ngựa và xe tới. Sau một đêm nghỉ ngơi ngựa được chải chuốt, ăn uống no nê, dư sức đưa khách qua những đoạn đường dốc, gập guenh. Giữ cho ngựa đứng yên, đợi khách trèo lên ngồi trên đệm, bác xa phu mới ngồi ghé bên sà xe, cầm cương giờ roi ra lệnh cho ngựa lên đường.

Đi vòng núi lớn trước. Kìa, dưới bờ biển những tảng đá nhấp nhô, ánh nắng sớm dội vào, như khoác lên vai mỗi tảng đá một tấm khăn choàng màu hồng rất mỏng. Những tảng đá đủ hình thù. Mỗi tảng đứng hay nằm một kiểu. Có khi dựa vào nhau như đôi bạn kề vai. Túm năm tụm ba như các cậu học trò tinh nghịch, đang nhỏ to trò chuyện... Ai đã gọt giũa, xếp đặt được những thứ ấy ngoài Tạo-Hóa.

Thỉnh thoảng một người đứng trên một mỏm đá ném dây câu. Chú ý đến công việc của mình, quên cả sự có mặt của chiếc xe trên đường. Lác đác vài cánh buồm trắng xóa từ từ lướt, biến dần vào chân trời...

Bác xa phu vui tính, nói chuyện luôn miệng trong lúc ngựa thông dong tiến bước. Bác kể các chuyện đã xảy ra ở vùng này. Chỗ kia trước là gì... Nghe nói sắp tới bãi dâu, khách hỏi :

— Tại sao gọi là bãi dâu mà chẳng thấy cây dâu nào ?

Bác lại phải tốn công cắt nghĩa. Trước kia vùng này trồng toàn dâu. Dân ở đây

sống về nghề trồng dâu chăn tằm. Những bãi dâu xanh um, tươi tốt, chạy dài mãi đến khuất tầm mắt. Nhưng bây giờ chỉ là mảnh đất hoang rộng vô tận, cây dại mọc um tùm, không một bóng người !

Tôi tưởng tượng đến cái ngày xưa nào đó, sau những vườn dâu xanh tốt ẩn hiện những mái nhà có khói nhẹ tỏa. Những buổi sớm mai, những buổi chiều dịu nắng, các cô thôn nữ duyên dáng len lỏi trong vườn dâu hái lá. Vang lên đâu đây những chuỗi cười ròn rã, những câu hát tình tứ. Không gian dường cũng mê mẩn ngấm nga âm điệu của thanh bình..

Một bên sóng biển rì rầm, một bên núi non hiểm trở, cao ngất, in dáng trên nền trời xanh thẳm. Một xe ngựa đi thông dong trên đường. Tiếng vó ngựa ròn rã vang lên, hòa với tiếng gió, tiếng của chim chóc, tiếng của sự cô tịch hoang vu.... Còn gì đẹp hơn ?

Ven bờ biển đã rộng dần. Những gian nhà tranh nghèo nàn xơ xác. Những tấm lưới đen thui và rách nát hiện ra. Một vài đứa trẻ bụng ỏng chập chững bước trên lối đi mấp mô, một vài con chó gầy dơ xương đi lang thang... Tất cả đều màu đen tối, nói lên sự nghèo nàn, khổ cực. Không một bóng người lớn. Giờ này người ta đi biển hết.

Đã tới núi Điện Bà. Trên núi có chùa thờ Phật. Nhìn theo ngọn roi, du khách trầm trồ khen ngợi sự khéo léo tuyệt vời của Hóa công, xếp tảng đá lớn như thế kia, bằng cả một gian nhà, đứng chênh vênh giữa trời. Vừa nghe kể sự tích, vừa ngắm những

PHẦN ĐẦU

vườn cây bên đường, chả mấy chốc đã hết vòng núi, trở về thành phố.

Bác xa phu hỏi có muốn đi chơi núi nhỏ? Nắng đã lên cao, sợ mệt. Cần hỏi ngựa hơn, người có làm gì mà mệt. Nhưng bác trả lời rằng ngựa dư sức qua núi nhỏ.

Đi ngang bãi trước, bãi Hàng dừa, qua bến của thuyền đánh cá, ngựa bắt đầu chậm bước vì lên xuống dốc.

Nắng bắt vào núi, nắng hắt từ dưới bề lên, lóa cả mắt. Phong cảnh bắt đầu đẹp.

Sóng đập vào đá, bọt trắng xóa bắn tung lên sau mỗi tiếng vang dữ dội. Sóng muốn đập tan những tảng đá hay muốn đục giũa, đeo gọt cho thành những pho tượng hình thù cổ quái, kỳ dị?

Sắp tới bãi Thùy-Vân. Cát trắng mịn bay sang cả bên đường, phủ kín gần hết ngọn cây. Ngồi đây trông, chả khác nào những ngọn đồi cát trắng. Tác-giả của những ngọn đồi ấy là gió. Gió đã tỉnh

ngịch đưa cát từ dưới bãi sang qua đường, phủ lên tất cả.

Bãi Thùy-Vân rộng hơn bãi trước, không đẹp bằng bãi dâu, không một bóng cây, nắng thả sức dội xuống.

Đi khỏi một quãng đường thì tới lãng Cá Ông. Nghe nói trong đó thờ bộ xương con cá mập. Vì cá đã có công cứu một chiếc thuyền bị bão đưa vào bờ. Mấy chục mạng người được thoát chết. Bác xa phu tìm chỗ bóng mát để xe để khách vào lãng chiêm ngưỡng bộ xương cá. Nhưng gặp ngày nghỉ, cửa đền đóng kín.

Thôi, về là vừa. Nắng đã quá dữ dội. Về cho ngựa nghỉ ngơi, ăn uống. Người mệt chắc ngựa cũng mệt.

Cuộc đi chơi bằng xe ngựa đã chấm hết. Những ngày sống ở miền biển cũng sắp chấm hết. Nhưng những cảm giác của cuộc đi chơi, của những ngày sống với biển sẽ còn mãi. Tất cả những thứ đã gặp, đã nghe và cảm thấy, sẽ vang lên mãnh liệt như tiếng sóng đập vào đá.

(Còn tiếp)

TUYẾT-HƯƠNG

Bất mãn và thỏa mãn

John Stuard Mill, trong một cuốn sách bàn về chủ-nghĩa thực dụng, có ý tưởng ngộ nghĩnh sau đây:

— Thà làm một con người bất mãn còn hơn làm một con heo thỏa mãn, thà làm một Socrate khổ sở còn hơn làm một kẻ ngu si sung sướng, và nếu kẻ ngu si và con heo không tán đồng ý kiến ấy thì đó là bởi chúng chỉ thấy một khía cạnh của vấn đề. Còn những người khác thì thấy hai khía cạnh.

khúc phi - hành

● Đ O À N - T H Ê M ●

Mênh mang qua xám vào xanh ngắt
Lạc ý quên giờ gửi khói sương
Mơ tỉnh đi về say tiếng gió
Hết trùng - dương biếc, lại trùng-dương

Ngả cánh nghiêng trời, lặng cánh bay
Lênh đênh hôm sớm vẫn phương này
Vẫn mờ vẫn tỏ cơn tan hợp
Bạc lảng hồng theo mây cuốn mây

Thơ dâng hồn tỏa cõi bao la
Chửa tới cung trăng đã nhớ nhà
Biệt bóng non sông, màu sắc lạnh
Muôn năm không bén một mùa hoa

Tìm mới bằng thân rời trái đất
Hướng đường sao mọc thiếu xinh tươi
Đòi thay tự đổi lòng ưa cũ
Cuộc sống treo cao vắng nụ cười

Hương ai buông phẫn thoáng xa gần
Trước mặt tơ vàng thả sóng xuân
Chợt nghĩ, thương thương người đợi cửa
Gặp tiên chỉ tiếc vương duyên trần.

Đ. T.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy
hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

VIII

★ III. — ĐÔNG - XUYEN

Tên thật : Nguyễn-Gia-Trụ, sinh năm 1906 tại làng Đông-Ngạc,
phủ Hoài-Đức, tỉnh Hà-Đông (Bắc-Việt).

Từ 1929, có thơ đăng « An-Nam tạp chí », rồi « Nam-Phong
tạp chí »

Hiện chủ bút tờ « Quan thuế tạp san » (vốn ở trong ngành
này từ lâu) ; viết giúp các tạp chí « Bách-Khoa », « Phổ-Thông »,
« Văn-Hóa nguyệt san ».

Đã xuất bản : Thuyền Thơ (1958)

Kính anh Ngu-Í,

Bốn câu phỏng - vấn làm tôi nghĩ-ngợi
nhiều lắm. Không biết trả lời anh thế nào ?
Không biết mình có ở địa-vị « được, »
trả lời không, vì tôi chỉ là công-chức,
chứ có phải nhà văn, nhà thơ chính-
hiệu gì đâu ! Huống, tôi viết văn xuôi

lại vụng, lý-luận lại kém, nên ngại viết.

Nhưng cố-trì đã hỏi, chả lẽ im-lặng ?

Hôm nay, tạm trả lời anh sơ-lược.

Tôi thấy cuộc đời là mâu-thuẫn. Nội
tâm mâu-thuẫn với ngoại-giới ; mà nội-
tâm lại mâu - thuẫn với chính nó nữa,

ngoại-giới cũng thế. Tự-trung, trong vũ-trụ, trong con người, cũng có cái hòa-hợp, nhưng ít. Tất cả cuộc xáo-trộn ấy xáo-trộn tâm hồn tôi, và tôi làm thơ. Làm thơ, để vơi bớt nhưng cái vật-lộn trong tâm-hồn, để nói ra những điều muốn nói, và muốn lời nói mình vang-bóng đến kẻ khác. Thiên-nhiên cũng là nguồn cảm của tôi. Cánh hoa bay trong bụi, chiếc lá run trong gió, làn mây biển-ảo trước cửa sổ, cánh bướm lướt sóng trên mặt hồ v.v.. cũng làm tôi xúc-động, say-sưa. Bằng thơ, tôi muốn « vẽ » những mẫu cảnh ấy cho mọi người xem chung.

Tôi làm thơ tùy-hứng, không theo mệnh-lệnh ai hết. Trường-hợp ứng-thù, thì viết vụng-về, miễn-cưỡng.

Tôi biết làm thơ từ thuở 19, 20 tuổi, đến năm 1958, (53 tuổi) mới dành tiền, xuất-bản được tập « *Thuyền Thơ* ». Tôi chịu ảnh-hưởng thơ Đường rất nhiều, nhưng chỉ bắt-chước kỹ-thuật, còn tứ, ý, là của tôi. Làm thơ, tôi chú-trọng về nhạc-điệu, hình-ảnh nhiều. Ý, thích kín-đáo, nhưng không « hủ nút », lời, thích rõ-ràng, nhưng không « toạc móng heo ». Ghét sáo, nhưng nếu khép vận-dụng để chữ sáo mắt sáo đi, không sao Đối với tôi, vấn-đề « sáo » trong thơ không có. Tôi làm thơ chậm. Phần nhiều điều-luyện ; những bài, những câu như - ý thường do sự bất-thần.

Trong tập « *Thuyền Thơ* » của tôi, tôi thích hơn cả :

1 — *Thuyền thơ*

- 2 — *Gửi Liên-Giang*
- 3 — *Đêm sao đóm*
- 4 — *Đường rừng nhớ quê*
5. — *Tái ngộ*
6. — *Ở Ninh-Giang gửi Giản-Chi*
7. — *Thơ giấy*
8. — *Xóm Bàn Cờ*
9. — *Gánh nước đêm*
10. — *Vùng nước,*
11. — *Đề.*

Tôi thích những bài trên, hoặc vì nói được tâm-sự mình (bài 1, 2, 5, 6, 7.), hoặc vì tả cảnh đẹp (bài 3, 4, 8, 9), hoặc vì lời giản-dị, tự-nhiên (9, 10, 11)

Còn những bài khác, lác-đác, ưa một vài câu, một vài đoạn, lý-do cũng như trên.

À, còn « những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình », thì quả tôi không biết ; tôi chỉ biết lúc nào hình như tâm-hồn tôi cũng xao-động — « *thần nhàn, tâm bất nhàn* » mà thôi ! » Đó là cái « nghiệp » đấy, anh ạ.

Trả lời như vậy được chưa anh?

Kính anh

ĐÔNG-XUYỀN



★ IV. — HOÀNG - KHANH

Hoàng-Khanh, Họ Nguyễn, sinh năm 1937 tại Nội-Duệ, Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh (Bắc - Việt). Hiện dạy học tại một trường trung học công lập miền Đông. Tác phẩm đã đăng trên các tạp chí và tuần báo như : Quan - Điểm, Nhân - loại, Bách-Khoa, Sáng-Tạo, Giáo-Dục, Phổ-Thông, Chi-Đạo...

Hoàng - Khanh, làm thơ, viết truyện ngắn.

Anh Nguyễn-Ngu-Í,

I — Thật ra, chưa bao giờ tôi nghĩ tới vấn đề này nếu không có cuộc phỏng vấn do Anh đề xướng.

Lần đầu tôi làm thơ do một chuyện riêng. Sau lần đó tôi rất say mê văn nghệ. Tôi sáng tác những bài thơ tình, những nỗi buồn xung quanh tôi. Rồi lớn lên, tôi ý thức được những việc khác nữa, xa hơn chuyện tình duyên và nỗi buồn của riêng mình ; tôi sáng tác với những gì đã làm tôi rung cảm.

Còn sáng tác cho bây giờ hay để cho mai sau thì không biết nói thế nào. Những tác phẩm của tôi đã được độc giả xem qua, tôi đã được những lời khen chê quý báu. Như vậy : « Bây giờ hay để cho mai sau » là do sự định đoạt của người đọc chứ không phải do người viết. Ngày xưa, người ta đã làm thơ ca tụng tình yêu, ngày nay tình yêu cũng được người ta ca tụng. Ngày xưa, ông cha ta đau lòng vì sông Gianh ; ngày nay chúng ta có nỗi buồn vì Bến-Hải. Như vậy, cái hay, cái đẹp và « để cho bây giờ hay để cho mai sau » là độ rung cảm chân thành và nghệ thuật.

Ai làm văn nghệ mà chẳng muốn trở thành bất tử, nhưng đâu phải mình muốn mà được. Việc đó do thẩm quyền của người đọc và thời gian.

II. — Tôi sáng tác theo một đường lối nào thì độc giả thân mến của Bách-Khoa và Anh đã rõ. Anh cho phép tôi được trả lời « lửng lơ » như vậy. Còn hứng thì nhất định là có hứng mới viết được. Nhiều khi tôi định viết mà không viết nổi một dòng. Lắm lúc tôi không định viết, tự nhiên có hứng nên phải viết ngay, nếu không thì sau không thể nào viết được nữa

Nhiều lần trên đường về tỉnh xa, rung động chợt đến lúc đang ngồi trên xe, tôi định viết ngay mà không có bút. Đến lúc đến nơi, định viết mà không thể nào viết nổi nữa. Đã nhiều đêm, tôi nằm hút hết một bao thuốc, giấy bút có ngay bên cạnh mà không thể nào viết nổi một dòng vì không có hứng. Có những chiều buồn, tôi ra sân ga xem cảnh thiên hạ tiễn đưa nhau, định mượn sự rung động để viết cho đỡ thèm, nhưng vẫn thấy mình « tro như đá vừng như đồng ».

III. — Một sự kiện nào xảy ra, nó cứ loang quanh trong tâm trí mình, tôi tìm cách để viết lên giấy cho mình khỏi bứt rứt. Tôi xếp đặt có khi lâu lắm mới viết được. Thật quả là bỏ thì thương, vương

hì tội ! Trong lúc thai nghén đó, có khi tôi thêm vào, có khi tôi bớt đi, thậm chí có khi tôi viết lạc hẳn đi nữa.

Tôi có một anh bạn chuyên môn dạy Toán, nhưng năm đó anh đã bị dạy Vạn-vật, thành ra anh bạn tôi cứ buồn quanh năm. Sự kiện trên làm tôi định viết một truyện ngắn. Nhưng tôi cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi, giá cứ viết thật như chuyện của Anh bạn tôi thì chẳng có gì, vả lại ít chi tiết quá. Một hôm đi chơi ở đồng quê, tôi bắt gặp một người đánh cá. Tôi nghĩ tới chuyện một anh chàng chuyên môn bắt ba-ba — bắt ba-ba rất có nghệ thuật và vì nghệ thuật — lại bị vợ bắt anh ta xoay qua nghề hàng xáo. Anh ta không chịu, và từ đó gia đình anh chàng bắt ba-ba hay xô xít.

Thế là suy nghĩ từ chuyện anh bạn dạy Toán của tôi, mà đến khi tôi viết

lại trở thành anh chàng chuyên môn bắt ba-ba bị vợ bắt xoay qua nghề khác.

IV - Những lời thành thực của tôi viết ở trên, đó cũng là một chút kinh nghiệm. Một vài điều nữa là, tôi ít khi sửa lại những gì tôi đã viết ; viết xong tôi thường đưa cho một vài người bạn thân để xin một vài lời nhận xét, vì tôi nghĩ rằng mình bao giờ cũng chủ quan.

Ngoài kinh nghiệm ra, tôi còn có một sở thích riêng là đọc sáng tác của cái văn nghệ sĩ quen thuộc.

Có những lúc đọc lại những bài tôi viết, tôi giận mình sao lại có thể viết dở đến như vậy được ; nhưng có bài khi đọc lại, tôi tự khen mình mấy câu để cố gắng thêm.

HOÀNG-KHANH

☆
* V. — NGUYỄN-VỸ

Sinh năm 1912 (trong « Thi-nhân Việt-Nam » của Hoài-Thanh và Hoài-Chân, ghi 1910, theo ông Nguyễn-Vỹ, là sai) tại làng Phổ-Phong, huyện Đức-Phổ, tỉnh Quảng-Ngãi (Trung-Việt).

Giáo sư Trung-học, nhà báo, nhà văn, nhà thơ.

Trước 1945, viết các báo Pháp : Ami du peuple, Le Cygne, và báo Việt : Văn học tạp chí 1935, Hà-Nội báo, Phụ-nữ, Đông-Phương...

Từ 1945, chủ-bút báo Tổ-Quốc, (Sài-gòn 1945) Dân-Chủ, (Đà-lạt 1948-1950) Phổ-Thông (Đà-lạt, 1952-1953), Dân-Ta (Sài-gòn) 1953-1954), Bông-Lúa (1957-1958)

Đã xuất bản : Tập thơ đầu (Premières poésies, 1934, thơ Việt và Pháp) Grandeurs et servitudes de Nguyễn-Văn-Nguyên (Những cái vinh và nhục của người dân quê nước Việt, Pháp-văn, 1931), Đứa con hoang (1938), Người yêu của Hoàng-thượng (1938), Thi-sĩ Kỳ-Phong (kí bút hiệu : cô Lệ-Chi, 1939), Chiếc bóng (1941), Kẻ thù là Nhật-Bản (1941), Đứng trước thảm kịch Pháp-Việt (1946), Hai thiên-liêng, Chiếc áo cưới màu hồng, Dây bí rợ (1957). Hiện làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tạp-chí Phổ-Thông.

— Lần này, anh có phỏng vấn anh Nguyễn-Vỹ không ?

— Và tại sao không ?

Và tôi lại hỏi : « Tại sao anh lại hỏi câu đó ? Anh Nguyễn - Vỹ là một nhà thơ, nhà văn, nhà báo của hai thế - hệ, và thơ văn anh ấy đã từng làm rộn cây bút của nhiều nhà phê bình, cả thời tiền lẫn thời hậu chiến. Không « phỏng » anh thì còn « vấn » ai ?

Bạn tôi hình mũi :

— Hỏi anh thế vì tôi nhớ kì phỏng vấn trước, anh đã phải ba lần « cổ Phở-Thông tòa... soạn » mới được anh ấy trả lời. Tưởng anh giờ đã « từ đây xin chừa » !

Tôi cũng chẳng vừa :

— Nhưng mà « Đã mang lấy nghiệp vào thân », thì — để nói theo giọng Hiếu - Chân — kẻ hèn này nào dám trách chi ai. Nhưng mà trời còn có khi mưa khi nắng, người đi quấy rầy thiên hạ sao khỏi lúc rủi lúc may.. Chẳng lẽ « xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi » ?

Nói gượng với bạn thế để an ủi lấy mình, mà sao lại đúng. Đích thân cái may đến với tôi trong con người tác-giả « Sương rơi », vào một chiều thứ bảy mà « trời không nắng cũng không mưa ».

Và tôi bỗng nhớ một câu thơ trong « Phần thông vàng » : « Bởi vì chiều nay, rừng thông vừa chín, và sự tình cờ xui chàng đến đó, và cũng sự tình cờ xui ngọn gió đến đây... » Đây, là tòa soạn đến... trăm khoa, làm sao mà chỉ bàn luận có mỗi một khoa

Thơ, nên tôi bèn đưa « chàng » đến một nơi giải khát. « Chàng thi-sĩ Kỳ-Phong » tán thành, và đề nghị :

— Đến Pagode nhé ?

Tôi ngại ngùng phải nói chuyện văn thơ ở cái hiệu sang trọng này, vì nhiều lẽ, trong đó có cái lẽ khó mà ăn nói... tự do như mình muốn.

— Pagode, đi xa. Gần đây, có tiệm giải khát. Mời anh đi với tôi.

Rồi tôi đẩy xe gắn máy xuống đường, cùng anh song song dẫn bước. Vừa đi, chúng tôi vừa nói chuyện :

— Tôi tìm anh để nhờ anh một việc, mà tôi tin chỉ mình Ngu-Í là có thể giúp được.

Tôi tròn đôi mắt.

— Vì Ngu-Í vốn hay để giành những kỉ niệm... văn chương và có tài lục lợi. Mà tôi cần mấy tờ báo cũ có nói đến thơ tôi và đăng bài tôi bày tỏ quan niệm mình.

— Như... ?

— Như *Đông-Phương, Văn-Học tạp chí 1935, Hà Nội báo.*

— *Đông-Phương*, tôi đành chịu. *Văn-học tạp chí 1935*, anh Lê-Tràng-Kiều còn đủ bộ. *Hà Nội báo* có bài anh Kiều phê bình thơ anh, may tôi chưa trả cho người bạn, tôi sẽ gửi đến anh.

Còn bài thơ « *Gửi một thi-sĩ nước tôi* » mà năm rồi anh chép gửi cho tôi có mười câu đầu ?

— Tôi chỉ sao được có đoạn đầu đó, anh Lê - Tràng - Kiều chỉ trích có thể trong bài nói đến anh. Bài đó dài không anh ?

— Dài lắm. Thật là uống. Làm sao tìm được trọn bài bây giờ ?

Và anh khe khẽ đọc hai câu đầu :

« Đến ngày nay cảnh non sông đã phủ
mấy lớp sương mù,

« Mà còn rên dưới rặng cỏ những vết
hằn lòng lai láng. »

— Để chi vậy anh ?

— Tập thơ « Hoang vu » của tôi đã sẵn sàng. Nhà xuất-bản đang chờ và bạn đọc cứ thúc-giục. Nhưng chỉ còn có một bài tựa là giao cho thợ sắp chữ. Tôi muốn viết một bài tựa dài, một bài tựa thật đầy đủ, nên cần có những tài-liệu trên.

Chúng tôi vào hiệu. Chỉ còn có một bàn trong góc. Chúng tôi đến chiếm ngay.

Anh lau mồ hôi trán, hỏi tôi :

— Anh uống gì ?

— Nước cam tươi sô đa.

— Tôi cũng vậy.

Tôi mừng thầm. Điểm lành đây. Anh vừa đồng ý với tôi ở điểm uống nước rồi. Vì hai chúng tôi cực lực chống nhau ở cách viết âm «i». Tôi thì chủ trương... thống nhất : chọn một trong hai chữ i, y để ghi âm «i» và tôi chặt đuôi i dài (y) khi giá trị i dài i ngắn như nhau ; anh thì cương quyết chủ trương có chữ phải viết y, có chữ phải viết i ; dẫu cho đọc có như nhau, vì tùy viết với chữ i nào thì nghĩa nó khác, như cùng đọc « vi », mà viết « vi » thì chữ ấy nghĩa là *đuôi*, mà viết « vỹ », thì có nghĩa khác ; và ai gửi thư cho anh, mà viết *Nguyễn-Vĩ*, thì anh phạt người gửi thư ấy bằng cách

để ba ngày sau mới bóc ra đọc, có khi bỏ luôn không xem thư.

Hai người cứng đầu gặp nhau mà chưa chi đã đồng ý ở điểm đầu, thì cuộc phỏng vấn kì này hẳn may hơn kì trước.

— Hẳn « Hoang vu » là một tập thơ tuyển ?

— Vâng, tôi chỉ lựa ba bốn chục bài... Không cần nhiều.

Tôi hỏi ngay để mà thấy mình lơ lờ, nên ngập ngừng ở chữ chót ?

— Chắc là có thơ từ hai chrun đến mười hai... ơ...

— Chrun cũng như cẳng. Anh cứ nói chớ ngại gì ?

Và anh cười, cời mở. Tôi cũng cười theo. Thật : giải khát bằng nước cam tươi sô đa có khác !

— Hẳn đọc « Hoang vu », người ta sẽ thấy quan-niệm của anh về thơ ?

— Tôi mong thế.

— Thế anh « vị » cái gì ?

Anh lắc đầu một cách ý vị, để li nước cam xuống bàn.

— Tôi không « vị » cái gì cả !

— Thật là kì dị ! Không vị nghệ thuật, thì cũng vị nhân sinh, hay vị cả nhân sinh lẫn nghệ thuật. Chớ không « vị » cái gì hết, thì sao được ?

Anh gục gặc cái đầu chải láng mà chưa có một sợi tóc bạc nào, để thế câu trả lời : « Sao lại không được ? »

Tôi bỗng reo lên, như Archimède thuở nào khi nhảy ra khỏi bồn tắm để chạy cùng đường :

— Euréka ! Vị Nguyễn-Vỹ ! Đúng không ?

Anh cười cười.

— Anh muốn tôi « vị » tôi, cũng được. Vì tôi chỉ làm thơ khi cảm hứng đến. Tôi thấy cần làm thơ để thỏa-mãn một nhu cầu cấp bách cho tinh-thần (anh chỉ lên đầu), hoặc cho con tim, (anh chỉ xuống ngực), thì bao nhiêu tình ý cứ theo ngọn bút mà trút ra...

Tôi cướp lời anh :

— Trút ra không được, thì khổ sở lắm, phải không anh ?

Anh vỗ vai tôi.

— Thì chúng mình cùng giống nhau cả. Không trút ra bao ý nghĩ đang sùng sục trong đầu, bao cảm xúc rạo-rực trong tim, thì có thể chết đi được. Cũng như người đàn-bà có thai-nghén đến khi đẻ là phải đẻ. Tôi chỉ biết có trút đũa con « Thơ » ra, cho nhẹ người không thể nói lúc đó mình « vị » cái gì cả. Sau rồi người đời mới đặt cho là thơ mình « vị » cái này, « vị » cái nọ ; họ mới sắp thơ này thuộc loại thơ trữ tình, thơ kia thuộc loại thơ xã-hội, thơ nọ thuộc loại thơ tranh đấu, vân vân... và vân vân...

Anh cười, nói tiếp :

— Còn tôi, lúc làm thơ, tôi chỉ biết sinh-sản ra « thơ » mà thôi. Thơ, là giải-thoát cho tâm-hồn. Cho nên Goethe nói : « *Poesie, c'est délivrance* », tôi thấy đúng... thật là đúng.

Anh nói, giọng và điệu bộ hăng, trẻ, làm tôi quên người đối thoại với mình đang độ ngũ tuần, mà thấy anh cùng lứa với lớp người hai mươi tuổi đang vui vẻ bao vây lấy một nàng... thơ,

phía sau lưng anh cô con gái hai tám cái xuân xanh của bà chủ, kết quả của một... tắm tắm kịch (hay hí kịch ?) Pháp-Việt, mà khoé mắt, đường môi, tóc óng nửa như giữ gìn, nửa như bừa bãi như y phục nàng mặc hấp dẫn khách hàng không ít. Và tôi giật mình, bất chợt mình trong một phút đã chú ý nhìn « nàng thơ » ngồi nghiêng trong một dáng điệu bơ phờ hữu ý hơn là nghe những lời của « người thơ » đang bàn về Thơ. Tôi bèn cầu cứu đến cái màn Di-văng để kéo ngang giữa nàng thơ và người thơ.

Nhắc đến anh, người ta nhớ đến trường thơ « Bạch-ngà » do anh khởi xướng và cầm đầu. Anh có thể nào cho biết nguyên do và mục đích của nó ?

Hai mắt nghiêm nghị của anh nhìn vách tường trước mặt mà dường như muốn xuyên lớp gạch dày để tìm đường về quá khứ.

Anh nói, như nói với chính anh hơn là nói với người ngồi cạnh.

— Có thơ Bạch-ngà, vì có Trương-Tứ, có tôi, có hai đứa mới thành văn đề. Hai đứa chúng tôi đọc thơ cũ của Nguyễn-Du, của bà huyện Thanh-Quan, thấy hay, thấy thú, nhưng những văn thơ cổ kính ấy không làm chúng tôi thỏa mãn hẳn.

Tôi chêm vô :

— Nghĩa là hai anh đều nhận « rằng hay thì thật là hay », nhưng nó không hợp với thời mình, với tuổi mình. Cũng như đôi khi đứng trước một sắc đẹp nào đó, mình chịu rằng « sắc này dầu đúc nhà vàng cũng nên », nhưng mà sao

mình thấy nó thuộc loại « kính nhi viễn chi » : mình muốn trong ánh mắt có chút gì xôn xao của thời đại, mình muốn nơi làn môi thoáng chút gì liêu lĩnh của buổi gay go này, và từ con người, tỏa một cái gì, thường thì hiển hiển cam chịu nhưng gặp lúc cũng dám cau mày nổi loạn như ai, chớ chẳng phải cứ cúi đầu mãi như những phi tần cá lặn nhận sa một, hai trăm năm về trước.

Anh vỗ vai tôi nhẹ nhẹ, ra chiều đã thông cảm.

Tôi nhắc anh : « Anh uống nước cam đi. Tôi gần cạn li mà anh thì chưa một hớp. » Anh như sức tỉnh, mỉm cười, nâng li,

— Chúng tôi thấy cần phải rời khuôn khổ gò ép của các thể thơ xưa, mà tìm một lối diễn tả, một hình thức mới mẻ hợp với tuổi trẻ đang hăng, ăn nhịp với những luồng sóng mới của tình cảm, của tư tưởng thời đại mình, và phải nhận rằng văn chương Pháp lãnh hội được lúc ở nhà trường đã ảnh hưởng một phần lớn.

— Nhưng anh còn nhớ trường hợp nào khiến anh nảy ý lập một trường thơ mới ?

Anh đưa tay lên trán :

— Để tôi nhớ lại coi... Nếu tôi không lầm, thì có lẽ. Vì một câu thơ của Musset trong « Les Nuits.. », « Nuit de mai ».

— Rồi anh vừa đọc, vừa làm một cử chỉ từ ngực tỏa rộng ra.

« *Laissons - la s'élargir, cette sainte blessure.* »

« Tôi bèn dịch ra rất tự-nhiên, khỏi phải suy-nghĩ » :

« *Ta hãy để nó lan ra, cái vết thương thiêng-liêng ấy.* »

« Dịch xong, tôi ngâm lên, thấy nó diễn tả đúng nguyên văn, và nhất là đúng với tâm-trạng của mình lúc đó. Tôi thấy rằng khi mình gặp một tình cảm gì tràn lan, khi mình muốn đưa ra một tư tưởng gì bao la vĩ đại, thì phải để cho hơi thơ dài ra, nó mới bao gồm hết được.

« Một hôm ngồi dưới bóng liễu trên bờ hồ Hoàn-Kiểm, Trương Tửu nói với tôi : « Xem thơ anh, tôi có nhận xét này : lúc anh muốn gọi một cái gì nho nhỏ, nhẹ nhẹ, mong manh, vật hay tình như bài « *Sương rơi* » anh dùng thơ hai chữ thật là thích hợp ; còn lúc tâm tình anh sôi nổi, tư tưởng anh mãnh liệt, hoặc ý tứ tràn lan, thì câu thơ mười hai chữ như trong bài « *Ông Thánh đồng đen* » chẳng hạn mới đủ sức « chở ». Thì chúng ta nên tung ra một trường thơ mới để nâng Thơ khỏi chết ngạt trong những cái lồng chật hẹp của thơ xưa. »

« Tôi tán thành Trương Tửu ngay. Chúng tôi tìm tên đặt cho trường thơ mới này. Và chúng tôi chọn tên « Bạch-ngà », Pháp gọi là « le Cygne. » Tôi cho rằng con Bạch-ngà tượng trưng cho Thơ thuần túy, tinh khiết. . . , thơ chân-chính mà Abbé Prévost gọi là « *Poésie Pure* ».

— Và trong trắng như một cô nữ cứu thương.

— Một cô nữ cứu thương trên trận địa. Anh hãy tưởng tượng trên một bãi chiến trường, cuộc tàn sát vừa chấm dứt, khi bóng hoàng hôn vừa buông xuống cánh đồng. Tiếng súng đã im lặng. Cô nữ

cứu thương của chúng ta tìm đến những thương binh đang rên siết để băng bó, để an ủi. Gặp ai cần đến bàn tay bác ái của cô thì cô sẵn sàng, chứ không cần xem coi anh lính này da đen, vàng hay đỏ, không cần tìm hiểu thương binh này thờ Jésus hay Thích-Ca, hay ở hạng nào trong xã hội. Cô chỉ biết có đau khổ, thì cô làm sao sự đau khổ kia bớt đi dịu đi. . .

— Vậy trường thì Bạch nga, về hình thức thì mới hẳn, còn về nội dung thì cố xoa dịu những vết thương mà đời đem lại cho loài người ?

Anh không đáp, chầm rãi nói một câu tiếng Pháp :

— La religion du poète : c'est la religion de la Souffrance.

Rồi anh nói tiếp :

— Tôn-giáo của Thi nhân là Tôn-giáo của Đau-khổ.

Loài người còn đau khổ vì những bất-công của xã-hội, vì bản cùng đói lạnh, vì chiến tranh... vì áp bức, vì mê muội thì người thi sĩ phải theo cái đạo Đau-Thương, để băng bó, để an ủi những người đau khổ.

— Rồi anh hạ giọng, kể một chuyện độ hai mươi lăm năm về trước :

« Một hôm Tết tôi viếng đền Trấn-Vô, trên hồ Lãng-Bạc, Hà-Nội. Anh biết đền Trấn-Vô có thờ ông Thánh Đồng Đen, to lớn như vậy. Người ta đến cúng vái đông thật là đông. Tôi đứng nép một bên, xem. Người thì quì, khấn, người thì cung kính lấy khăn chùi hai bàn chân Thánh, rồi xoa lên trán, lên mặt, tin tưởng mãnh liệt rằng làm như thế tai sẽ qua, nạn sẽ khỏi,

nỗi khổ sẽ vơi lần. Và tôi để ý sau đó, họ đi về, nét mặt vui tươi, hớn-hở, chứ không âu sầu, buồn chán như lúc mới bước vô đền. Thấy thế, tôi cảm-động quá và rất kính trọng lòng tin của họ. Vì lòng tin này — dù là đặt ở ai, hay ở cái gì — đã giúp họ đỡ khổ và khiến họ can đảm sống, thì chúng ta phải nói đến. Cảm hứng đến với tôi, tôi bèn ra ngồi bờ Hồ, dựa vào gốc cây, viết ngay bài thơ « Ông Thánh Đồng Đen ». Sau đăng lên báo, bị Thế-Lữ công kích thậm tệ. Thế-Lữ cho rằng về hình thức, thơ mười hai chữ « dài lê-thê », nội-dung thì ca tụng mê tín dị-đoan — điều mà báo Phong-Hóa chỉ biết giấu cọt mà thôi. Tóm lại, Thế-Lữ bảo bài thơ ấy « nên đốt với giấy vàng bạc để cúng ông Thánh Đồng Đen ».

— Này anh, làm thơ, phải có cảm hứng không anh ?

— Cần lắm chứ.

— Vậy thì mình phải tạo ra nó để mà...

— Nói « tạo cảm hứng » không đúng. Hoàn cảnh, thiên nhiên, ảnh hưởng đến tâm và trí ta, rồi do đó ta cảm xúc mà thành ra thi-hứng.

Anh vuốt nhẹ tóc, rồi hớp một miếng nước cam.

— Có thể nào anh cho biết bài thơ anh thích nhất ?

Anh để li xuống bàn, lắc đầu :

— Tôi chịu thua !

Tôi từ già địa hạt thơ mà qua lãnh thổ tiểu-thuyết.

— Thơ là thế, còn quan niệm anh về tiểu thuyết?

— Về tiểu thuyết, thì cũng như thơ. Trong các sáng tác bằng văn xuôi, tôi ca ngợi sự đau khổ nhất là về tinh-thần của các hạng người trong xã-hội.

— Quan niệm ấy, anh vẫn giữ từ « *Đứa con hoang* » cho đến « *Dây bí rợ* », và « *Mồ-hôi Nước mắt* » đang đăng trong Phổ-Thông?

— Tôi vẫn giữ từ đầu cho tới cuối. Nhà văn, cũng như nhà thơ, không thể đứng đứng trước cảnh đau khổ thiên hình vạn trạng của con người. Thì phô bày nó ra, ca ngợi nó, an ủi nó, bênh vực nó, là cái đạo của kẻ cầm bút vậy.

Anh nói, giọng hơi gần. Gương mặt anh bỗng trở nên như khắc khổ. Tôi sao tưởng như mấy năm gian khổ chịu đựng trong cảnh lao tù ở nơi núi cao rừng độc xưa kia bỗng hiện lên nguyên vẹn, mặc dù đã được một thời gian dài yên sống chốn phồn hoa xóa mờ, xóa mờ... Và cái cà vạt đen thối một cách bay bướm ấy càng làm người nhìn anh thẩm thấu cái đạo Đau khổ của tác - giả « *Hoang vu* ». Từ vì đạo, chưa rõ anh rồi có từ không, nhưng khổ vì đạo, thì nghe anh, thấy anh lúc này, quả là anh chẳng phải là người sung sướng.

Một khi mà người ta quyết rằng : Đạo của kẻ làm thơ là đạo Đau khổ, thì dầu bề ngoài có cái vẻ thơ thới, phong lưu, mà trong chốn sâu cùng của con tim mở rộng, vẫn âm ỉ hoài ngọn lửa xót xa.

Tôi im lặng một hồi rồi mới hỏi :

— Tiểu thuyết của anh, từ trước

đến nay có phải là sản phẩm của tưởng tượng không?

— Không, anh ạ. Tiểu thuyết nào của tôi cũng do cuộc đời mà có. Tưởng tượng chỉ giúp mình thêm thắt, điểm tô thêm cho thành một công-trình nghệ thuật. Chớ cái cốt, vẫn là cuộc đời, là sự sống muôn mặt.

— Thế thì các nhân vật chánh của anh đều có thật ở đời?

Anh chăm chăm nhìn phần nước cam còn lại.

— Có thật mấy chục phần trăm đi thôi. Người thì 50%, người thì nhiều hơn hay ít hơn. Chớ 100% thì chẳng có. Anh cũng biết đó, con nhà văn mình đâu có làm việc chụp ảnh, ngoài đời thế nào thì trong tiểu thuyết y hệt như vậy. Mình phải như là họa sĩ.

— Thành thử tiểu thuyết, với anh, là hình ảnh cuộc đời, song anh cũng để chút gì của anh, như làm echo cuộc đời trong truyện nó đẹp hơn, nó công bằng hơn cuộc đời thật sự? Tự nhiên là hơn một phần nào đó thôi.

Anh cười nhẹ tán thành.

— Anh có thể cho biết anh dựng và viết truyện như thế nào chăng?

— Tôi nuôi trong đầu cốt truyện, nhưng khi viết thì tôi để cho hoàn cảnh trong truyện và tâm lý của nhân vật đưa đẩy đến kết cuộc. À, có cái này nên nói với anh là tôi không có cái may như một số các bạn khác : viết truyện một mạch. Mà từng kì, anh ạ : ngày một hay tuần một hay nửa tháng một. Tôi không có dàn bài trước, cứ để nhân vật « kéo » truyện đi.

— Như thế thì anh chưa biết kết cuộc nó ra sao à ?

— Đúng thế. Năm xưa, trên nhật-báo « Dân ta », tôi đăng tiểu thuyết « Lợi ngược ». Được đọc giả hoan-nghinh đến nỗi có nhiều người hỏi tôi rồi sau hai nhân vật chính ấy có lấy nhau không. Tôi không biết trả lời sao, bị « bỏ » quá, tôi trả lời : rồi chàng và nàng lấy nhau.

Tôi chặn anh :

— Nhưng mà rồi, nàng và chàng phải xa nhau ?

Anh gật đầu.

Anh nhấp nước cam, rồi tiếp :

— Hai nhân vật ấy không lấy nhau, không phải vì tôi cho mình là « ông Trời » để tác oai tác phúc theo ý mình đâu. Mà khi viết đến đó, tôi thấy họ không thể lấy nhau được. Vì họ đã « sống » nhiều từ lúc tôi tưởng họ có thể thành vợ thành chồng cho tới lúc tôi kết thúc, và cuộc « sống » của họ đến lúc đó, cũng như hoàn cảnh của họ lúc đó không cho phép họ lấy nhau.

Thì ra tiểu thuyết nó cũng tàn nhẫn như cuộc đời, tôi thầm nghĩ vậy, khi nghe xong lời anh Nguyễn-Vỹ, tiểu thuyết gia.

— Anh nhớ giùm tôi từ nãy giờ, tôi nói với anh toàn những nhận xét của tôi về tôi khi làm thơ, khi viết tiểu thuyết, chớ chẳng phải tôi bày tỏ quan niệm gì hết.

Như thế là anh kết thúc câu chuyện rồi, nhưng tôi thấy cần hỏi thêm :

— Anh cho tôi hỏi câu này : tôi chưa hiểu mấy đoạn anh nói về hoàn-cảnh và cuộc sống có nhân vật chúng « lái » các nhân vật này, chớ chẳng phải tác giả.

— Tôi đưa một ví dụ. Một nhân vật tôi ở Sài-Gòn, hẳn cần đi Nha-Trang. Tôi chỉ biết trước có thể. Chớ còn trên tàu, hẳn sẽ gặp ai, sẽ định gì ; đến Nha-Trang, hẳn ở nhà ai, hẳn đi tìm ai, hẳn đi chơi chỗ nào, những gì đã xảy ra, thì khi viết lần đến, tôi mới biết dần dần. Rồi tùy hoàn cảnh, tùy những người hẳn gặp, tùy hẳn phần chánh, hẳn sẽ ở luôn Nha-Trang, hay hẳn trở lại Sài-Gòn, là... chừng đó mới biết.

— Còn như cô Ánh trong « Mồ hôi nước mắt » của anh hiện tiếp tục đăng trên « Phổ-Thông » !

— Tôi chỉ đưa ra một cô Ánh con nhà nghèo, có học, dở dang, nhưng là người biết phải chăng, có đức hạnh và cố nhol lên cái tầm thường.

« Rồi cuộc đời đưa đẩy cô ta gặp ông giáo đặc biệt nọ. Rồi cuộc đời lại làm họ giang xa, và cô Ánh cũng muốn thế. Còn sau, họ có gặp nhau lại không...

— Thì xin chờ hạ hồi phân giải !

Nhơn dịp anh cười cười sau câu tôi vừa nói, tôi lại hỏi, hi vọng lần này anh sẽ cho biết :

— Anh thích bài thơ nào của anh nhất.

Anh đang bóp chậm miếng nước cam tươi. Tôi đợi chờ. Và phỏng đoán, có thể là bài « Gửi Trương-Tửu » anh làm

trong một cơn chẳng tỉnh. Anh lấy khăn tay, lau miệng, rồi buông ba tiếng cữ :

— Tôi chịu thua.

Anh cứ chịu thua thì tôi không nhìn anh nữa mà nhìn người khác vậy. Người khác đây chẳng ai khác là người thiếu nữ mang hai dòng máu đang độ xuân thì mà dung nhan cũng có thể cho là diễm lệ. Tôi bỗng muốn được như Huy-Cận, hai mươi một năm về trước, để có thể tặng

« Em mười sáu, xuân lan đang độ tốt !

« Trời xanh sáng, sông trôi xuôi, chim
lãnh hót [...]

« Ta nối tay tròn kết một vòng tươi

« Mà quán lấy cuộc đời — Em có
thấy [...]

Người đẹp làm tôi nhớ đến cái nợ truyền kiếp giữa tài-tử với giai nhân. Mà người đàn anh đây chắc có hơn một kỉ niệm văn chương trong đó đàn bà giữ một đôi vai lí thú. Huống chi anh được phần đông anh em làm văn cho là có số đào hoa !

— Anh này, xin anh kể cho nghe một câu chuyện văn nghệ hay hay trong đó có một người đàn bà, và dĩ nhiên là phải có anh.

Anh hơi tròn đôi mắt, nhìn tôi. Tôi đọc được một lời nửa như trách người đã hỏi, nửa như tiếc chẳng thể làm ai đó vừa lòng. Tiếc và trách, hai tiếng

này khiến tôi nhớ lại một đoạn thư của một nhà thơ cổ điển gửi từ miền thủy dương cát trắng, trong đó cũng có nói đến văn nhân và người đẹp, điệp khúc của muôn đời :

« Tiếc là vì :

« Tình của khách văn nhân là nước sông Hoàng-Hà từ trên trời tuôn xuống, còn lòng của giai nhân là một vũng ao chừng vài mẫu thả hoa sen.

« Chỉ thế thôi.

« Và chẳng phải là lời tiếc riêng cho anh bạn nọ, mà chính tiếc chung cho những người như anh ấy, mà trong đó có cả người tiếc nữa. »

Hẳn nhà thơ kiêm nhà văn ngồi trước mặt tôi đây cũng cùng một công lệ : thiết thời nhiều nên chẳng muốn nói năng chi. Và khi chúng tôi — hai người khách chót — đứng dậy ra về, thì trong góc bên kia, giai nhân đã thiu thiu tự bao giờ.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại

(15-6-61)

Trong những kì tới :

Nhất-Linh, Bà Tùng-Long, Doãn-Dân, Linh-Bào, Hà-Thượng-Nhân, Mặc-Thu, Phạm-Việt-Tuyền, Tchy A, bà Ái-Lan, Hợp-Phố, Thiên-Giang, Vũ-Hân, Thế-Viên, Thạch-Hà, Bút-Trà...



SINH-HOẠT

★ NGUYỄN-NGU-I ★

Nhóm « Bút Việt » cử ban Thường-vụ và ban Chấp-hành niên khóa 61-62

Trung tâm Văn Bút Việt-Nam họp Đại hội đồng thường niên ngày 11-6-1961. Nhưng vì số hội viên có mặt không đủ số để nghị quyết nên dời lại ngày 18-6-1961.

Hôm ấy, có mặt 26 hội viên (3 hội viên vắng mặt có giấy ủy quyền) trong số 65 hội viên của nhóm.

Trước khi bầu cử, ông Tổng thư kí niên khóa 1960-1961, ông Nghiêm Xuân-Việt, có báo cáo qua hoạt động của nhóm :

gởi hai đại biểu dự hội nghị Văn Bút quốc tế họp ở Brésil, in rônêo bốn dịch Kiều ra Pháp-văn của M.R để tặng hội viên làm tài liệu, xuất bản tập Kỉ yếu, mời thêm văn hữu vào nhóm, xúc tiến việc dịch ra Pháp-văn và Anh-văn những truyện đã được ban phiên dịch chọn.

Ông Nguyễn-Hoạt, một Phó thư kí, kiểm điểm lại công việc niên khóa rồi, thấy có hai khuyết điểm chánh : trong nước, thì ít ai biết đến nhóm ; mà ngoài nước cũng thế, khiến lắm cơ quan, đoàn thể

văn hóa quốc tế muốn nâng đỡ nhóm cũng chẳng biết làm sao. Và ông nêu ý kiến : mong các hội viên bầu những người mới để nhóm hoạt động có hiệu quả hơn.

Kết quả cuộc bầu cử ban Thường vụ mới như sau :

Chủ tịch : Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam

Phó chủ tịch : Thanh-Lãng Đinh-Xuân-
Nguyên, Vi-Huyền-Đắc.

Tổng thư kí : Phạm-Việt-Tuyền.

Phó thư kí : Vũ - Hân¹ Nguyễn-Đức-
Dũng, Thu-Vân Lê-Thị-Anh.

Thủ quỹ : Trục-Ngôn Nguyễn-Văn-Giậu

Đại hội bầu tiếp ban Kiểm soát gồm có ba ông : Lê-Văn-Hoàn, Hoàng-Văn-Đức
Mặc-Thu Lưu-Đức-Sinh, và ban Chấp hành gồm có mười sáu hội viên hiện diện.

Ông Nhất-Linh thay mặt ban Thường vụ mới cảm ơn Đại hội và vạch sơ trọng tâm công tác sắp tới : xúc tiến mạnh việc

phiên dịch và tìm cách xuất bản, ra kỉ yếu đều đặn hơn, hoạt động thêm về mặt tài chánh.

Ông Phạm-Việt-Tuyền tiếp lời, nhấn mạnh ở điểm làm sao cho đồng bào để ý đến sự sống còn của hội ; ông thấy cần lập một ban phê bình sách để khuyến khích người viết và gây phong trào ham đọc trong quần chúng, tổ chức đều đặn những cuộc nói chuyện, hoặc trong nhóm, hoặc cho công chúng, cộng tác với đài Vô tuyến truyền thanh về bộ môn văn nghệ.

Sau rốt, Đại hội bầu hai nhân viên của ban Thường vụ mới đã đi dự hội nghị Văn Bút quốc tế sắp họp ở kinh đô Ba-Lan. Ông Phạm-Việt-Tuyền, Tổng thư kí và ông Thanh-Lãng, Phó chủ tịch, được Đại hội bầu ; trong trường hợp hội nghị ở Varsovie hoãn lại, thì hai ông này sẽ đi dự hội nghị Văn Bút Á-Châu họp tại Phi Luật-Tân.

NGUYỄN-NGU-Í

đề tô đậm một hình hài ở vóc đáng tuổi ba mươi :

Vương miện

MAI - A

thể phong ra mắt một thi phẩm mang nhiều
rung động mới, đặc biệt nói về tình yêu

ĐẠI NAM VĂN HIẾN
xuất bản

161 Hồng Thập Tự Sài Gòn

Những bài đã nhận được

- Một chiều bên sông (Bạch-Lãng) —
- Con trâu (Cầm-An-Sơn) — Bài già biệt ; 15 ; Kẽ hở bàn tay ; (Nguyễn-Nam-Tử) — Cúi đầu (Nguyên Chi)
- Sao thế em ? (Hoa-Cúc-Huyền)
- Những nẻo đường miền Trung ; Hai mươi cậu tuổi trẻ (Mặc Phương-Đình) — Kỷ niệm xưa (Thanh-Thiên - Hương) Hai mươi (Hồng-Tâm) Lạc lõng ; Thu không lời ; Mộng ước (Phan - Hiền - Đức) — Thuyền buồm ấy ; Tương lai ; Thuyền trắng (Vĩnh-Niên) ; Cổ nhân (Song-Giang) Sông bề bốn bên trời ; Chuyển đi (Hồ - Văn) — Ngành-thương mãi Việt - Nam (Quốc - Cường).



Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng trù trường hợp đặc-biệt có thư riêng thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Hồng-Tâm : Đã gửi Bách-Khoa 86 ngay hôm nhận được thư rồi.



SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- **Đại học Sư-Phạm** Đặc san — Cơ quan liên lạc và nghiên cứu của Đại học sư phạm Huế, tập I, do Ông Lê-Văn làm chủ nhiệm ; Tập san dày 155 trang, giá 30đ.
- **Việt-Nam văn học quảng bình** của Phạm-Văn-Diêu, Tân-Việt xuất bản, có sửa chữa và tăng bổ trên ba trăm năm mươi trang. Sách dày 606 trang.
- **Một bản đàn** Truyện dịch (Sonate à Kreutzer — L.Tolstoi) của Bảo-Sơn, Phương-Giang xuất bản, do nhà xuất bản gửi tặng. — Sách dày 155 trang, giá 36đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ - DO

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHÓA

(Từ số 97 đến số 108)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn giúp bạn đọc dễ tìm. Bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chỉ
KHẢO - LUẬN				
CHÍNH - TRI				
1	Những người phản loạn.	Huỳnh-Văn-Lang	3	97
2	Một gương tiết-kiệm.	Nguyễn-Hiến-Lê	3	105
3	Bạch-chủng, Hoàng-chủng.	Phạm-Trọng-Nhân	83	97
4	Thế-giới một năm qua.	Nguyễn-Châu-Phùng	55	97
5	Kẻ cuồng tín.	Vũ-Thị-Quý	27	99
6	Chức vụ Tổng-thống Hoa-Kỳ.	Dean Rusk Tiểu-Dân (dịch)	25	103
7	Nước Lào và vấn-đề thống-nhất.	Thu-Thủy	53	98
8	Một kẻ hiến kế cho Tây-Phương.	— id —	108	100
9	Sinh-viên đen, đại-học đỏ.	— id —	114	101
10	Đàn em quật Bò.	— id —	105	102
11	Albanie làm khổ nước anh cả.	— id —	95	103
12	Cuba và Fidel Castro.	— id —	119	104
13	Một quyền sách Mỹ, một bài phóng-sự về Nga.	— id —	119	105
14	Vấn-đề da đen ở Mỹ.	— id —	97	107
15	Nỗ lực xâm nhập châu Mỹ La-Tinh.	Hoàng-Minh-Tuynh	5	97
16	Châu Mỹ La-Tinh.	— id —	5	98
17	Xâm nhập Châu-Mỹ La-Tinh.	— id —	11	99
18	Hòa hoãn giữa Hiệp - Chúng - Quốc Liên-Xô.	— id —	8	100
19	Thông-diệp kinh-tế của Tổng-thống Kennedy.	— id —	12	101
20	Cuộc chạy đua trong không-gian giữa người Mỹ và người Nga.	— id —	12	102
21	Chủ-thuyết « chân-dùng » của Găng-Đi.	— id —	9	103
22	— id —	— id —	15	104
23	Satyagraha, nghệ-thuật sống và chết.	— id —	11	105

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chí
24	Satyagraha nghệ thuật sống và chết	Hoàng-Minh-Tuynh	15	106
25	Satyagraha trực tiếp hành động	— id —	11	107
26	— id —	— id —	11	108
	<u>GIÁO - DỤC</u>			
1	Dùng tiếng Việt làm chuyên - ngữ ở Đại-học.	Nguyễn-Hiến-Lê	3	99
2	— id —	— id —	17	108
3	Thi đậu thi rớt.	Nguyễn-Hữu-Phiếm	3	107
4	— id —	— id —	25	108
	<u>KHOA-HỌC</u>			
1	Phương-pháp chữa bệnh bằng thuốc rế nhàu.	Bùi-Kim-Chi	104	107
2	Động đất và nạn động đất.	Cô-Liêu	73	97
3	12 tỉ năm trước đây vũ-trụ thế nào ?	— id —	62	100
4	Ngày tận - thế của vi - trùng loại khuẩn-cầu.	— id —	39	102
5	Nobel khoa-học 1960.	Võ-Quang-Yến	26	97
6	Vệ-tinh khí tượng.	— id —	33	98
7	Nuôi thai trong ống.	— id —	61	101
8	Kỷ-nguyên không-gian năm thứ nhất.	— id —	55	105
9	Chuyến bay ra vũ - trụ đầu tiên của Mỹ.	— id —	29	106
	<u>KINH - TẾ — TÀI - CHÍNH</u>			
1	Mức sống.	Nguyễn-Phúc-Sa	41	97
2	Viện - trợ song - phương và viện - trợ đa-phương.	— id —	17	107
3	Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.	Trịnh-Thiên-Tứ	35	104
4	Một gương tiết-kiệm.	Nguyễn-Hiến-Lê	3	105
	<u>NGHỆ-THUẬT</u>			
1	Nhạc sĩ đối với âm nhạc hiện đại.	Trần-Văn-Khê	102	97
2	Đề khơi mạch sống cho cổ nhạc Việt.	— id —	67	99
3	Lối ca Huế « Lối nhạc tài tử »	— id —	67	101
4	— id —	— id —	43	102
5	Một nhận định về hội họa.	Nguyễn-Văn-Phương	73	102

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chỉ
6	Thử tìm hiểu hội họa.	Đoàn-Thêm	35	101
7	— id —	— id —	51	102
8	— id —	— id —	40	103
9	— id —	— id —	52	104
10	— id —	— id —	35	105
11	— id —	— id —	35	106
12	— id —	— id —	35	107
13	— id —	— id —	35	108
<u>PHONG-TỤC.</u>				
1	Lễ tế xuân hay đám rước Thần Nông.	Bửu-Kế	39	98
2	Những lễ đầu xuân.	— id —	49	99
3	Lại chúc Tết.	Đoàn-Thêm	29	98
<u>QUẢN-SỰ.</u>				
1	Có thể có chiến tranh vì ngô nhận không ?	Doãn-Văn	41	100
<u>SỬ - ĐỊA</u>				
1	Cửa bể Thuận-An.	Bửu-Kế	13	100
2	Phải chăng vua Gia - Long và vua Quang-Trung là hai anh em bạn rề.	— id —	51	101
3	Từ lăng Sọ đến lăng ba Vành.	— id —	67	102
4	Những hoạt-động cách-mạng của cụ Phan-Châu-Trình tại Bình-Thuận.	Châu-Hải-Kỳ	117	101
5	Lăng Hoàng-đế Quang-Trung?	Nguyễn-Thiệu-Lâu	53	99
6	Một quan-niệm về phương-pháp đọc sử.	Ứng-Trình	19	101
7	— id —	— id —	21	102
<u>TÔN - GIÁO</u>				
1	Vấn-đề nhân-vị trong Phật-giáo.	Thanh-Tuyền	3	106
<u>TRIẾT-HỌC</u>				
1	Dịch-lý và thiên-địa chi-tâm.	Nguyễn-Văn-Ba	47	97

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chí
2	Scheler, con người hờn dỗi.	Nguyễn-Anh-Linh	36	103
3	— id —	— id —	22	104
4	Chủ-thuyết « chân-dùng » của Găng-Đi.	Hoàng-Minh-Tuynh	9	103
5	— id —	— id —	15	104
6	Satyagraha, nghệ-thuật sống và chết.	— id —	11	105
7	Chủ-thuyết « chân-dùng » của Găng-Đi.	— id —	11	107
<u>VĂN-HÓA — VĂN-HỌC</u>				
1	Con trâu theo quan-niệm ta trong văn thơ	Thuần-Phong	15	98
2	Tình-hình xuất-bản trong năm 1960.	Nguyễn-Hiến-Lê	32	97
3	Kỹ-thuật chân chính.	— id —	21	98
4	— id —	— id —	60	99
5	So sánh ngành xuất-bản ở Pháp và Việt-Nam hiện nay.	— id —	3	100
6	— id —	— id —	3	101
7	— id —	— id —	3	102
8	— id —	— id —	3	103
9	— id —	— id —	3	104
10	Làng báo miền Nam 45 năm về trước.	Ái-Lan	52	100
11	Tri-án các nhà văn quá-cổ.	Phạm-Trọng-Nhân	60	98
12	Nhà văn André Maurois tự phê-bình.	Bùi-Hữu-Sủng	63	97
13	— id —	— id —	47	98
14	— id —	— id —	20	99
15	Văn-học nước Pháp trong năm 1960	— id —	42	104
16	— id —	— id —	23	105
17	— id —	— id —	21	106
18	Tình-hình văn-ngệ trong năm 1960.	Cô Phương-Thảo	91	97
19	Somerset Maugham.	Phạm-Công-Thiện	15	103
20	Saint - John Perse — Nobel văn - học năm 1960.	Đoàn-Thêm	10	97

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	SỐ Tập ch
21	Những giải thưởng của các viện Hàn-lâm Pháp.	Đoàn-Thêm	21	100
22	Tiểu-thuyết Pháp đi về đâu.	Thu-Thủy	222	97
23	Thanh - niên Nhật qua vài tác - phẩm văn-nghệ.	— id —	103	99
24	Một tác-phẩm của A. Moravia. <u>XÃ-HỘI.</u>	— id —	102	107
1	Tìm hiểu người thanh niên.	Nguyễn - Hữu - Phiếm	33	100
2	— id —	— id —	25	101
3	— id —	— id —	31	102
4	Người phụ nữ Việt-Nam 1961	L. M. Parrel Cô-Liên (dịch)	17	105
5	Thanh niên Nhật qua vài tác phẩm Việt-Nam.	Thu-Thủy	103	99
6	Mẹ của con mình	Vân-Trang	76	102
7	Người đàn bà phục thù	— id —	73	107
8	Lá thư bạn.	Mộng-Trung	67	98
9	Bệnh thời đại <u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI.</u>	— id —	29	108
1	Lá thư Alger.	Minh-Đức	109	97
2	Lá thư Sahara.	— id —	144	98
3	Đường về sa mạc.	— id —	68	100
4	Đường về sa mạc.	— id —	71	101
5	Lá thư Alger.	— id —	78	102
6	Lá thư Maroc.	— id —	68	106
7	— id —	— id —	57	108
8	Một vòng Manila.	Đặng-Trần-Huân	67	104
9	Một vòng Manila.	— id —	65	105
10	Lá thư Ba-Tur.	Trần-Văn-Khê	59	107
11	Tết Đông-Kinh.	Phan-Văn-Ngân	134	98
12	Hồng-Kông.	Phan-Văn-Tạo	53	106
13	Thế hệ mới ở Pháp	Thu-Thủy	52	108

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chí
	DANH - NHÂN			
94	Paganini, vị thiên thần của đàn vĩ cầm.	Trương - Đình-Cử	35	99
84	Ibn - Séoud	Nguyễn-Hiến-Lê	23	107
	NHÂN - ĐỊNH			
1	Tự gây tai họa	Phạm - Hoàng	25	97
2	Ông Dung-Hòa	— id —	13	98
3	Nhân loại hiệp nhất.	— id —	18	99
4	Quan hệ giữa kẻ trị và kẻ bị trị.	— id —	12	100
5	Tiền đồ vô biên, tiến bộ vô tận.	— id —	17	101
6	Công lý và cường lực.	— id —	18	102
7	Cuộc đấu sức.	— id —	13	103
8	Tình cảm và lý trí.	— id —	20	104
9	Thái độ độc chiếm chân lý.	— id —	22	105
10	Hành động.	— id —	20	106
11	Làm người.	— id —	15	107

SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ

1 **SINH-HOẠT**

2	Trả lời ông Nhân - Thế về quyền « Một nghệ-thuật sống ».	Nguyễn-Duy-Cần	149	98
3	Thư gửi đảng : Gửi Tạp-chí Phổ-Thông.	Đặng-Trần-Huân	220	97
4	Sách vỉa hè.	Nguyễn-Ngu-Í	224	97
5	Cuộc nói chuyện của bà Nguyễn-Thị-Nhu tại câu-lạc-bộ Văn-hóa.	— id —	154	98
6	Đi thăm chợ « Nội-hóa ».	— id —	99	99
7	Triển-lãm và diễn-thuyết nhân dịp 300 năm huy - nhật giáo - sĩ Alexandre de Rhodes.	— id —	113	100
8	— id —	— id —	112	101
	Nho-học và Tây-học.	— id —	103	102

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chí
9	Lễ trao giải thưởng văn-chương toàn- quốc 1959-1960.	Nguyễn-Ngu-Í	97	103
10	« Sự mạng cao quý của ái - tình » thuật buổi nói chuyện tại Câu-lạc-bộ Văn- hóa tối 16-3-1961.	— id —	99	103
11	Lễ khánh - thành trại hướng - nghiệp trung-tâm cải-huấn Sài-gòn.	— id —	115	105
12	Thi-hào Goethe dưới mắt một người Việt.	— id —	107	107
13	Nhóm Bút Việt cử ban Thường vụ, ban Chấp hành niên khóa 61 - 62.	— id —	96	108
14	Xem dạ-hội văn-nghệ của kịch-đoàn Chuyến-hướng.	Nguyễn-Phủ	104	103
15	Xem triển - lãm Hội-họa mùa xuân năm 1961.	Nguyễn-Văn-Phương	110	104
16	Chuyện người, chuyện mình	Mộng-Trung	105	103
17	Phúc đáp ông Đặng-Trần-Huân.	Nguyễn-Vỹ	148	98

ĐIỂM SÁCH

1	« Cây cỏ miền Nam Việt-Nam » của Phạm-Hoàng-Hộ.	Thế-Nhân	157	98
2	« Hiện-tượng chậm tiến ».	Phương-Thảo	158	98
3	Đọc « Thuật yêu đương » của Nguyễn- Duy-Cần.	— id —	75	105
4	Đọc « 40 bài thơ » của Mai-Trung-Tĩnh và Vương-Đức-Lệ.	Tràng-Thiên	235	97
5	Đọc « Đêm xuân trăng sáng » của Võ-Phiến.	— id —	113	99
6	Đọc « Nàng Ái-Cơ trong chậu úp » của Mộng-Tuyết Thất-tiểu-muội.	— id —	116	100
7	« Hà - Nội ngày nay » của người Thăng-Long.	— id —	159	98
8	Đọc « Tàu ngựa cũ » của Linh-Bảo.	— id —	102	103
9	Đọc « Tiếng hát tự-do » Hoàng-Trình.	— id —	117	104
10	Đọc « Đường xa chi mấy » của Lan-Đình.	— id —	117	105
11	Đọc « Những lỗi thông thường trong thuật viết văn » của Nguyễn-Văn-Hầu.	Bùi-Thu-Trình	115	100

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Trang	Số lớp-chí
<u>PHỎNG-VẤN VỀ QUAN NIỆM SÁNG TÁC</u>				
1	Trả lời cuộc phỏng-vấn.	Vũ-Hoàng-Chương	99	102
2	— id —	Vĩ-Huyền-Đắc	65	107
3	— id —	Triều-Đầu	88	103
4	— id —	Minh-Đức	89	103
5	— id —	Phú-Đức	111	105
6	— id —	Lan-Đình	109	105
7	— id —	Võ-Hồng	101	106
8	Các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch sáng-tác như thế nào.	Nguyễn-Ngu-Í	107	100
9	Cuộc phỏng-vấn văn-nghệ thứ hai của Bách-Khoa.	— id —	108	101
10	— id —	Bình-Nguyên-Lộc	109	101
11	Trả lời cuộc phỏng-vấn của Bách-Khoa.	Lưu-Nghi	104	104
12	— id —	Hoành-Khanh	86	108
13	— id —	Thế-Phong	102	106
14	— id —	Phạm-Phạm	110	101
15	— id —	Nguyễn-Sa	106	104
16	— id —	Lê-Văn-Trương	105	106
17	— id —	Hoàng-Anh-Tuấn	109	105
18	— id —	Thu-Vân	72	107
19	— id —	Xuân-Việt	88	103
20	— id —	Nguyễn-Vỹ	88	108
21	— id —	Đông-Xuyên	84	108
<u>SÁNG - TÁC</u>				
<u>THY</u>				
1	Trên nền đường xuân.	Trúc-Anh	82	98
2	Bài ca ly xú	Trang-Duyên	90	97
3	Tiếng buồn	Mai-Trúc-Diên	51	100
4	Tiêu Đài Nguyên	— id —	82	106
5	Anh : người trai lành	Minh-Đức	147	98
6	Bóng nẹ, quê người.	— id —	56	108
7	Đạp hội	Bùi-Khánh-Đản	74	98

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chỉ
8	Bài thơ không gửi	Bùi-Khánh-Đản	48	101
9	Những bàn tay mạnh	—id—	86	107
10	Hiu hiu	Quách-Giao	92	99
11	Quán đầu xuân	— id —	94	103
12	Quỳnh hoa	— id —	71	106
13	Trời bữa đó	Bùi-Giáng	98	98
14	Gió nhẹ trắng non, vàng reo ngọc động	Đông-Hồ	66	100
15	Bách-Khoa hậu tiệc	Xuân-Hiến	218	97
16	Nhà ga tôi	Việt-Hy	101	105
17	Em bé chăn trâu	Hoài-Hương	78	99
18	Thế kỷ chúng ta	— id —	78	101
19	Đất mới	— id —	79	103
20	Con nước phù sa	— id —	72	106
21	Roi vỡ bình hương	Nguyễn-Hữu-Hiếu	98	100
22	Chơi bể đông	Vũ-Hân	169	97
23	Tái ngộ	— id —	58	107
24	Ngôi trường quê	Võ-Hồng	92	101
25	Nghẹn ngào.	— id —	69	108
26	Thượng-du — Lời xuân	Hoàng-Khanh	72	99
27	Nỗi buồn của học đường	— id —	88	104
28	Tâm sự	Tường-Linh	100	97
29	Sao em còn buồn	— id —	84	99
30	Bóng làng	— id —	65	101
31	Đèn nhà ai	— id —	51	103
32	Dân ca	— id —	72	105
33	Khóc một người thơ	— id —	57	107
34	Xuân	Huy-Lực	97	99
35	Buổi mai trên đồng	— id —	88	104
36	Nắng.	— id —	75	108
37	Xuân về vui cho ai	Trúc-Liên	136	97
38	Chờ Xuân	— id —	46	99
39	Làng tôi	— id —	59	100

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số lớp - chỉ
40	Lối rẽ	Trúc-Liên	67	103
41	Lạnh thâm tâm — Chiều miền đất đỏ	Hà-Hợp-Nguyễn	112	97
42	Chiều hết niềm đau	— id —	65	99
43	Ngoài đề	Nguyễn-Hữu-Ngư	122	97
44	Ngày xuân nhớ bạn	— id —	83	98
45	Dừng bút	— id —	97	101
46	Biển cát	Phan-Duy-Nhân	64	99
47	Trăng buổi sáng	Đoàn-Thêm	108	97
48	Xuân	— id —	75	98
49	Giấc mơ bông đào	— id —	52	99
50	Một quãng đường	— id —	70	101
51	Thả thuyền	— id —	87	103
52	Phương trời khác	— id —	97	104
53	Vô đề	— id —	94	105
54	Bài ca cảm giác	— id —	100	106
55	Mát trời	— id —	96	107
56	Khúc phi-hành.	— id —	83	108
57	Tiếng đàn.	Lê-Thanh-Thái	62	108
58	Nguyên vẹn	Hoàng-Anh-Tuấn	64	98
59	Điệu mai non	— id —	66	101
60	Khúc hát mùa xuân	Du-Du-Tử	76	100
61	Không nói thế, người ta cười	Thu-Trang	113	98
62	Một người	Đỗ-Tấn	185	97
63	Tiếng ca miền Bắc	— id —	86	100
64	Tha thiết	Cao-Tiểu	124	98
65	Tĩnh mộng	Mộng-Trung	79	107
66	Hoa và hồn	Trụ-Vũ	160	97
67	Xuân hi vọng	Đông-Xuyên	85	98
68	Thông cảm	— id —	94	103
	TRUYỆN DỊCH			
1	Hoa Liên-Kiều.	Giản-Chi	80	99
2	Thị xã	Lâm-Ngũ-Đường	73	106
		Kim-Lương « dịch »		

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chỉ
3	Hồn ma trở về	Féliko Gwizdz. Việt-Băng (dịch)	75	107
4	Taman	Mikhail Lermontov Nguyễn-Châu (dịch)	87	100
5	Hung thần La-Mã.	Alberto Moravia Nguyễn - Châu (dịch)	123	97
6	Cầu phước.	Nghiêu-Nhựt	84	98
7	Khi con bọ hung bay vào lớp học	Robert Escarpit Hà-Hữu-Nguyễn (dịch)	93	101
8	Luật làm chủ.	Roger Vaillant Cô-Liên « dịch »	85	102
9	— id —	— id —	53	103
10	— id —	— id —	75	104
11	Phở.	Phạm-Trọng-Nhân	61	106
12	Năm Trâu nói chuyện Voi	Vương-Hồng-Sên.	127	98
13	Ngày Tết và lý tưởng cuộc đời	Cô-Liên, Cô Phương- Thảo.	3	98
14	Lại chúc Tết.	Đoàn-Thêm	29	98
TRUYỆN NGẮN				
1	Linh hồn tôi.	Doãn-Dân	77	100
2	— id —	— id —	79	101
3	Bàn tay kẻ dối.	Phan-Du	87	99
4	Không đợi thư nhà.	Minh-Đức	73	99
5	Vàng Tháp Hời.	Vũ-Hạnh	187	97
6	Vượt thác.	— id —	99	100
7	Trên đường quốc-lộ.	Hà-Vô-Hoai	102	105
8	Xuất hành năm mới.	Võ-Hồng	116	98
9	Tai họa cuối cùng.	— id —	87	107
10	Bên ngoài và bên trong.	Bửu-Kế	81	103
11	Chuyện làng.	Lưu-Kiểm	113	97
12	Một cuộc tàn sát.	Trúc-Liên	98	101

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Trang	Số Tập chí
13	Giã từ.	Võ-Phiến	138	97
14	Thú chơi sách.	Vương-Hồng-Sến	61	105
15	Làm văn-nghệ	Phan-Văn-Tạo	161	97
16	Cái cầu ao.	— id —	76	98
17	Hết sợ.	— id —	63	108
18	Ăn tết bằng thơ.	Vân-Trang	99	98
19	Vạt áo the.	— id —	89	104
20	Xóm Mới.	Nguyễn-Văn-Xuân	170	97
	TRUYỆN DÀI			
1	Phấn đấu.	Tuyết-Hương	81	102
2	— id —	— id —	69	103
3	— id —	— id —	99	104
4	— id —	— id —	95	105
5	— id —	— id —	91	106
6	— id —	— id —	80	107
7	— id —	— id —	76	108

Thông cáo

— Trụ sở Hội Việt - Nam Nghiên-cứu Liên - lạc Văn - Hóa Á - Châu.

— Nguyệt-san Văn-Hóa Á-Châu.

— Đặc-san Asian Culture.

— Nhà xuất bản Văn-Hóa Á - Châu.

trước ở 195 đường Công - Lý Saigon đã dời đến số nhà 34 đường Phạm-đăng-Hưng Saigon.

Vậy từ nay mọi công việc liên lạc xin quý bạn vui lòng theo địa chỉ mới.

Chúng tôi xin cảm ơn lắm.

Hội V.N.N.C.L.L.V.H.A.C.

VỪA PHÁT HÀNH

Việt-Nam Văn-Học Giang-Bình

của PHẠM-VĂN-DIỀU

GIẢNG BÌNH VĂN HỌC THẾ KỶ XIX,
VĂN HỌC TIỀN BÁN THẾ KỶ XX

- Tập sách giáo khoa dẫn đầu phong trào biên soạn sách giảng văn, văn tuyển ĐỆ-NHỊ và ĐỆ-TỨ.
- Một tập bình giảng văn học đúng với danh xưng đã được báo chí và học giới tám năm qua đặc biệt tán thưởng.
- Kỳ tái bản này sửa chữa cẩn thận, gồm thêm trên 350 trang tăng bổ, tổng cộng 612 trang.
- Rất đầy đủ cho GIỚI TỰ HỌC.

Giá bán toàn quốc : 160\$

Nhà Tân-Việt Xuất-Bản

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THUY SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã